

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

*Này gác tía,
này lông son!*

Tr. 57

Hãy từ bỏ...

Tr. 13

**Giải thoát
khỏi nhân quả**

Tr. 16



THƯƠNG HIỆU CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

長柯

MỸ NGHỆ TRÀM HƯƠNG



TRƯỜNG KHA



越

Sản phẩm hương trầm hương



Hương trầm



Sản phẩm hương trầm



南

沉

香

Hạt dây đeo trầm hương



Chức năng thanh lọc
Chung - Long - Kh



Chuỗi niệm trầm hương



Hương trầm trầm hương



Trầm hương trong đồng y



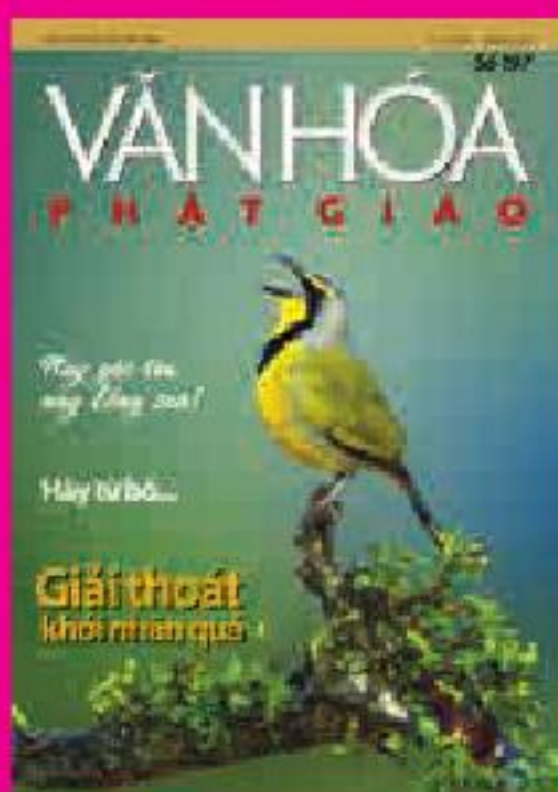
Nhang trầm không trầm

TRƯỜNG KHA Co., LTD - 168 Nguyễn Chí Thanh P.3 Q.10 Tp.HCM

* Tel: 08. 62 99 75 65 - 0913.78 79 82 - 0939.779.888 * Hotline: 0908.661.789

* Website: www.truongkha.vn * Email: truongkha_vn@yahoo.com * Fax: 08. 626 55 496

Chuyên sản xuất và cung cấp sỉ - lẻ các sản phẩm được làm từ trầm hương nguyên chất:
trầm, tượng trầm, nhang trầm, bột trầm, tinh dầu trầm, chuỗi trầm, quạt trầm, gối
trầm, trà trầm, xà phòng - nước hoa trầm hương, nguyên phụ liệu, bao bì ngành
trầm.....



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUÂN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Tri sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, ĐD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Vì một nền văn hóa biết xấu hổ (Nguyễn Cẩn)	4
Từ ánh Bồ-đề (Huỳnh Ngọc Chiến)	8
Từ nhà in Liên Hoa đến chùa Kiếu Đàm (Trần Văn Dũng)	10
Hãy từ bỏ những gì không phải của mình (Diệu Hòa)	13
Giải thoát khỏi nhân quả (Nguyễn Thế Đăng)	16
Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long với việc đi tu báo hiếu (Thạch Ba Xuyên)	18
Tình yêu lứa đôi dưới góc nhìn Phật giáo (Thái Văn Anh)	22
Tầm thanh cứu khổ (Diệu Thiện)	24
Đoàn khát thực của Hệ phái Khất sĩ (Trí Bửu)	27
Một thoáng tình thức (Võ Văn Lân)	28
Thư gửi các em (Cao Huy Thuần)	31
Thăm nhà văn Trang Thế Hy (Đỗ Hồng Ngọc)	33
Điều giản dị (Lê Thị Chân Tú)	36
Đôi chân của con (Lê Hứa Huyền Trân)	38
Cuộc sống và tình Lam (Nguyễn Tánh Đỗ Thị Diệu Tranh)	40
Thềm nhà vắng hoa xuân (Nguyễn Hoàng Duy)	42
Mẹ ngồi soi trước gương (Phúc Yên)	44
Ký ức mùa khoai mì (Linh Lan)	46
Hồn quê xứ nẫu (Trần Duy Đức)	48
Nét buồn lưu giữ (Hạt Cát)	51
Thơ (Trà Kim Long, Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Nguyễn Dũng, Đặng Trung Thành, Nguyễn Từ, Lê Hòa, Phan Thành Minh)	52
Thằng Tèo và con sáo (Khải Thư)	54
Này gác tía, này lồng son! (Cao Huy Hóa)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Tiếng hót chim trời. Nguồn: shutterstock



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Gần đây, sau khi Văn Hóa Phật Giáo tiếp cận với một số độc giả mới, tòa soạn lại tiếp tục nhận được nhiều thư phản ánh liên quan đến nội dung của báo. Một mặt, một số người than phiền rằng nội dung Phật học trong VHPG hơi nhiều và có phần khó hiểu. Mặt khác, cũng không ít người cho rằng tạp chí đăng tải khá nhiều bài viết chẳng dính dáng gì đến Phật pháp mà chỉ nêu những vấn đề đời thường. Trước những ý kiến đối nghịch như vậy, chúng tôi chẳng thể hoàn toàn đáp ứng được sở thích một nhóm độc giả nào. Ở đây, chúng tôi xin một lần nữa trình bày về chủ trương của tạp chí.

Tất nhiên, là một tạp chí Phật giáo, chúng tôi luôn quan tâm đến việc truyền bá tư tưởng của Đức Phật. Mặt khác, chúng tôi cũng đã chọn con đường đưa Phật pháp đến với mọi người bằng văn hóa. Theo ý nghĩa tổng quát, có thể hiểu rằng văn hóa là toàn bộ những sinh hoạt của một cộng đồng chứng tỏ sự hiện hữu và định hình sự hiện hữu ấy của cộng đồng ấy. Như vậy, khi sử dụng văn hóa để bày tỏ giáo lý của Đức Phật, VHPG phải thể hiện mọi cung bậc đa dạng của văn hóa trong cuộc sống thực tế; việc thể hiện như vậy được hướng dẫn bằng một ý thức nhất quán là làm nổi bật mọi ý nghĩa tích cực trong tư tưởng của Đức Phật áp dụng vào mọi hoạt động thực tiễn của đời sống hàng ngày. Vì vậy, bên cạnh những bài viết liên quan đến Phật học, chúng tôi vẫn chú tâm đăng tải những bài viết nói về cuộc sống đời thường, thể hiện được nét hiền thiện vốn có trong truyền thống văn hóa dân tộc, vốn dĩ phù hợp với tư tưởng Phật giáo. Tạp chí VHPG không chỉ chuyên nghiên cứu về Phật học và cũng không sa đà vào những vấn đề dung tục của các chủ nghĩa tiêu thụ, hình thức, tự lợi... Nói cách khác, chúng tôi không khuyến dụ những người chưa phải là Phật tử hãy trở thành Phật tử, mà chỉ mong muốn mọi người nhận biết và thể hiện lối sống hướng thượng phù hợp với đạo Phật để mang lại lợi ích cho mình, cho người. Chính vì thế, VHPG đã xác định là "tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc".

Bước vào năm thứ mười phục vụ Đạo pháp và Dân tộc, VHPG vẫn giữ vững chủ trương ban đầu của mình và vẫn tiếp tục được sự đồng tình của đông đảo độc giả. Với những vị mới tiếp cận nội dung VHPG, chúng tôi mong mỗi quý vị thông cảm và nhận biết những khó khăn của chúng tôi, ủng hộ chúng tôi như chúng tôi vẫn được chấp nhận trong gần mười năm nay.

Kính chúc quý độc giả thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo

**Hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp.
Sống chân chánh trong Chánh pháp và hành trì
đúng Chánh pháp.**

(Kinh Đại Bát Niết-bàn – Trường Bộ)



Vì một nền văn hóa biết xấu hổ

NGUYỄN CÀN

Khi tiếng Việt thành ngôn ngữ quốc tế

Sự việc thái tử Charles và hoàng tử William sử dụng cả tiếng Việt để truyền đi thông điệp “Hãy đoàn kết vì động vật hoang dã” đã buộc mọi người Việt phải lắng lòng suy nghĩ. Phải chăng tiếng Việt đã trở thành ngôn ngữ dùng để phổ biến những khuyến cáo như “Cởi nón ra”, “Lấy thức ăn vừa đủ (khi dự tiệc buffet)”, “Đi vệ sinh nhớ giội nước” mà nhiều du khách người Việt đã phản ánh khi đi du lịch ở Thái Lan, Mã Lai, và kể cả ở Lào? Những ngày này, trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên các trang mạng xã hội và các diễn đàn của các tổ chức bảo vệ động vật trên thế giới..., người ta nhắc đến Việt Nam như một đất nước mà nạn săn bắn trái phép và tiêu thụ động vật hoang dã đang phát triển nhiều và... “vô tư” đến báo động. Một số tổ chức bảo vệ động vật trên thế giới tiến hành những chiến dịch kêu gọi hoặc tuyên bố sẽ “không bao giờ đặt chân đến Việt Nam” vì Việt Nam là lòng chảo tiêu thụ các sản phẩm như sừng tê giác, ngà voi, mật gấu và tất nhiên là cả thịt thú rừng. Ai cũng có thể thấy ở trên đường phố những quán đặc sản “rừng”, cả ở đường lên chùa Hương! Một số tổ chức bảo vệ động vật hoang dã còn thể hiện sự căm phẫn khi cho đăng hình một chú tê giác bị đực lấy sừng một cách dã man, nằm chết trông thật đau lòng cùng sự lên án gay gắt của cộng đồng thế giới. Lại nữa, theo tin từ báo *Sankei Shimbun*, một tờ báo có uy tín tại Nhật, gần phân nửa các vụ trộm cắp hàng hóa tại Nhật dính líu người Việt. Báo này ngày 27-2-2014 còn đưa hai bài về thực trạng ăn cắp đồ và chuyển về Việt Nam để tiêu thụ. Cục Chống tội phạm có tổ chức thuộc Sở Cảnh sát Tokyo đã ra trát bắt một nữ tiếp viên hàng không của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) vì nghi ngờ vận chuyển hàng trộm cắp từ một phụ nữ người Việt khác khoảng 30 tuổi. Đến đây thì người Việt chỉ có thể xót xa chứ không còn ngỡ ngàng nữa khi biết rằng có những hình phạt đối với tội trộm cắp trong các siêu thị Nhật.

Đã đến lúc người Việt phải thẳng thắn đối diện với thực tế rằng hình ảnh của mình đã bị “méo mó” hay “xấu xí” trong mắt bạn bè thế giới. Và niềm kiêu hãnh hay sự tự hào mình là người Việt Nam liệu có tổn



thương? Chúng ta không chỉ xấu hổ vì những chuyện ấy không đâu, vì chúng ta còn nhiều thứ để khó chịu khi nghe người khác nói. Một tay ca sĩ tài tử như anh Kyo York mà còn lên trên mạng chế giễu về thái độ người Việt khi đi xem phim: nhai bắp rang, cười nói ồn ào, tán chuyện riêng, đóng phim người lớn, mở màn hình chơi games, đạp chân lên ghế trước... (Ai muốn biết cứ lên internet). Sẽ có người nói: "Về chuyện, còn khối thứ đáng để lên án, phê phán sao không nói?". Ý các vị này muốn nói về văn hóa "phong bì" chứ gì? Cái việc hối lộ, nhiễu nhương trong xã hội Việt Nam không còn là chuyện lạ. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nói với cử tri quận Ba Đình (Hà Nội) là "Bây giờ làm gì cũng phải có tiền, không có tiền là không trôi... tham nhũng nhiều như gãi ghè, rất khó chịu".

Trước đó, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang khi tiếp xúc cử tri ở TP.HCM cũng nói trong bộ máy của chúng ta không chỉ có một con sâu mà cả một bầy sâu. Chuyện này có gì mới đâu? Ngày nào còn có những ông những bà giàu bất thường, phú quý đột xuất mà không ai hiểu vì sao thì... Quốc hội còn nhiều chuyện để bàn vì văn hóa "phong bì" đã chuyển thành "văn hóa giỏ xách hay vali", rồi như lời khai của Dương Chí Dũng. Đây là chuyện đường dài vì không thể giải quyết sau một đêm được! Còn những cái chúng ta có thể làm ngay là khơi dậy lòng xấu hổ hay tâm tâm quý như những ai học Phật pháp thường nói.

Khi văn hóa thuộc về đám đông

Vụ ồn ào gần đây là việc thầy giáo Tuấn đánh học sinh và bị học sinh đánh trả mà chúng tôi đã phân tích trong số báo *VHPP* trước. Nhưng buồn thay, khi thầy biết "xấu hổ" xin nhận lỗi và trò "biết sai trái" cũng xin nhận lỗi thì người ta đã sa thải thầy! Tin cho biết Sở Giáo dục-Đào tạo tỉnh Bình Định yêu cầu hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ lập thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với giáo viên Trần Anh Tuấn theo Bộ Luật Lao động. Trước đó, thầy Trần Anh Tuấn đã tự kiểm điểm, nhận hình thức kỷ luật sa thải và Hội đồng Kỷ luật Trường THPT Nguyễn Huệ bỏ phiếu, thống nhất với hình thức kỷ luật này. Khi thầy chào các em ra đi, cả lớp đã ôm thầy khóc (xem clip trên mạng). Người ta vì sức ép dư luận đã quên rằng thầy Tuấn chỉ là sản phẩm của một nền giáo dục (hay văn hóa?) mang lỗi hệ thống và trò Nghia cũng thế. Có nhà báo ở miền Trung gọi điện bức xúc cho rằng quý vị "người lớn" đã sớm phũ phàng trách nhiệm, lẽ ra họ có thể yêu cầu thầy ở lại dù thầy xin được sa thải; nhưng họ không (hay không dám) làm vì họ sợ dư luận hay sợ "đám đông"! Như thế thì bây giờ học trò tha hồ "đùa vui", chây lười mà không sợ roi vọt vì thầy cô như chim bị nã cả rồi! Những người quản lý giáo dục có thấy xấu hổ không? Người thợ làm ra sản phẩm tồi cũng phải chịu trách nhiệm chứ? Hay là "kẻ đáng xấu hổ nhất thì

đã không còn biết xấu hổ bởi họ đã đạt đến cái thượng thừa nhất của sự nói dối, mà khi đã là "vua nói dối" mà đòi hỏi phải xấu hổ thì đó chính là điều xa xỉ (Nguồn: Triết học đường phố).

Kể ra, tình trạng đánh mất lòng tự trọng không chỉ xuất hiện tại Việt Nam. Mới đây, Nhà Xuất bản Văn Học vừa phát hành tập sách *"Một nền văn hóa biết xấu hổ"* do Trung tâm Nghiên cứu Quốc học thực hiện, tập hợp 25



bài viết và bài trả lời phỏng vấn thể hiện tâm trạng của những người làm văn hóa ở Nga trong thời gian từ 1990 đến 2012, do Phó Giáo sư Lê Sơn tuyển và dịch, cho thấy những con người tâm huyết đều cảm thấy xấu hổ trước sự đi xuống của một nền văn hóa. Trong lời giới thiệu của Trung tâm Nghiên cứu Quốc học thì tập sách "... ghi lại phần nào những tiếng nói trung thực quả cảm, những suy nghĩ day dứt đầy tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân, những ưu tư khát vọng cháy bỏng của tầng lớp trí thức sáng tạo Nga trong suốt hơn hai thập kỷ qua... nhằm bảo vệ những giá trị nhân bản cao cả đang bị mai một, phục dựng bức chân dung đích thực của những nhân vật lỗi lạc bị chà đạp một cách bất công..."

Tập sách dùng khái niệm bầy đàn để nói tới những đám đông thiếu tinh thần. Trích dẫn vở kịch *Boris Godunov* của Pushkin, nguyên Viện trưởng Viện Văn học Nga là Nikolai Stakov nói, "... Dân chúng ào ào xông lên như một đám đông... Dân chúng có thể là nhân dân, là người bảo trợ và người thể hiện yếu tố sáng tạo tinh thần, song cũng có thể trở thành đám đông..." Ông cho rằng khi thiếu yếu tố tinh thần thì đám đông mang tính chất bầy đàn, và ông cho rằng thứ nghệ thuật đại chúng, thiếu tinh thần, thì không có thể coi là nghệ thuật nhân dân mà chỉ là nghệ thuật đám đông. Cùng ý đó, F. Kuznetsov - Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học Nga, nguyên Viện trưởng Viện Văn học thế giới M. Gorki, cho rằng chính truyền thống văn học của đất nước là chỗ dựa vững chắc cho "sự lành mạnh của tinh thần dân tộc". Ông cũng trích dẫn Pushkin rằng "... Chúng ta mệt mỏi bởi khao khát tinh thần". Sự khao khát tinh thần cũng được nói tới bởi kịch tác gia nổi tiếng V. Rozop, tác giả kịch bản phim "Đàn sếu bay qua" quen thuộc với công chúng Việt Nam thập niên 70, khi ông nhận định rằng trước đây người ta khao khát "vươn tới những khát vọng, những niềm vui", nhưng ngày nay người ta chỉ muốn có được những "thú vui nho nhỏ" chỉ cần bỏ ra ít tiền là có được. Thái độ đó cho thấy điều mà A. Gersen gọi là "thói phàm tục tinh thần" đang "trở lại ngày càng trở trên trong đời sống Nga", và hốt hoảng nhận ra rằng cái thói phàm tục ấy đang có tham vọng trở thành "tinh hoa" do "sự tháo khoán thả cửa" của những chính sách văn hóa xuê xoa và nhu cầu giải trí dung tục tiếp tục bị đầu độc bởi tư tưởng thương mại hóa của những phương tiện truyền thông bên cạnh sự buông xuôi của một bộ phận trí thức. Từ cuối thập niên 1970, nhà văn châm biếm Nga là Saltykov Shedrin đã viết, "... Sự xấu hổ là một cảm giác lành mạnh và nếu có dịp, nó có thể được giới thiệu như một phương thuốc bổ ích thiết thực. Cần phải làm cho có nhiều người cảm nhận được sự xấu hổ". Tiếc thay, "... Phần lớn những người được gọi là có văn hóa hiện nay đang sống mà không biết xấu hổ là gì" và ông kêu gọi, "... Sự thức tỉnh cảm giác xấu hổ là đề tài đáng khai thác trong văn học".

Lý giải tình trạng đánh mất tinh thần dân tộc trong lòng người dân Nga hiện đại, V. Bolko đã nói tới "nỗi đau như bị dao đâm vào tim" khi nhắc lại cuộc chiến tranh do Đức Quốc xã phát động năm 1939. Ông cho rằng Hitler đã mưu toan "... tiêu diệt mọi cái nhắc nhở đến nền văn hóa Slavơ trên lãnh thổ châu Âu" vì "Tiêu diệt cái nôi của văn hóa là tiêu diệt dân tộc" bằng việc gây ra sự chia rẽ dân tộc, nhưng Hitler đã không làm được. Ngược lại, chính sự tàn bạo của Hitler chỉ khiến người Nga Xô-viết lúc ấy cố kết với nhau hơn trong cuộc chiến tranh vệ quốc. Điều đáng tiếc là chính những người tự nhận là "nhà giải phóng" hay "những nhà dân chủ mới", sau khi làm sụp đổ một cường quốc đã đẩy những người chân chính vào tấn bi kịch thê thảm bằng cách bắt họ phải đối mặt với sự sa đọa về tâm hồn của cả một dân tộc, bắt họ phải vật vã tồn tại trong một xã hội mà người ta coi rẻ nhiều giá trị tinh thần, truyền thống văn hóa dân tộc, cố xóa sạch những liên hệ với quá khứ bằng một thái độ vô ơn trơ trẽn, tôn thờ chủ nghĩa vị kỷ, đề cao giá trị đồng tiền quá đáng đến mức biến nó thành dục vọng duy nhất của con người, bất chấp mọi đạo lý và lẽ phải thông thường.

Tập sách cho thấy có một sự tương đồng giữa tình trạng tha hóa của đám đông ở Nga với những hiện tượng vô cảm và phi nhân tính trong nhiều trường hợp hành xử nơi công cộng ở Việt Nam, một điều được nhà văn Nga Mikhail Golubkov giải thích bằng "sự trống rỗng về văn hóa và ý thức hệ".

... Những người có lương tri và trách nhiệm lẽ ra phải tách mình khỏi đám đông cuồng loạn ấy để hướng dẫn, lèo lái họ, đường này chỉ hòa theo, thiếu suy xét. Thật buồn cho hàng ngũ trí thức, nghệ sĩ khi có những người như thế!

Để xấu hổ không là điều xa xỉ

Chúng ta nghĩ gì khi thấy đồng bào ta ở Quảng Nam lượm xoài hộ người tài xế làm lật xe. Họ quay thành một vòng tròn bảo vệ cho anh ta và tự tay gom lại. Hình ảnh đầy thiện tính.

Tương tự, chuyện xảy ra ở Đà Lạt, hai anh xe ôm và một chị bán hàng rong khi thấy một người rớt bạch tiền giữa đường đã lao ra vừa nhặt tiền vừa kêu gọi mọi người: "Nhặt tiền giùm người ta đi! Giúp người ta đi, đừng hôi của!...". Người thanh niên mừng rỡ đón những tờ tiền người dân nhặt lại trao cho và rồi rít cảm ơn. Chỉ trong nửa phút, anh thanh niên đã thu lại đủ số tiền bị rơi gần bốn triệu đồng. Chị Nguyễn Thị Huệ, người bán hàng rong giúp nhặt tiền, cho biết đã nhiều lần chứng kiến người rút tiền tại cây ATM này bị rớt tiền, bóp và vật dụng cá nhân. Lần nào chị và một số anh chị em mưu sinh tại đây cũng giúp người bị nạn, đặc biệt là không để kẻ xấu lợi dụng hôi của.

Chúng ta cho rằng những hành vi kể trên là bình thường, nhưng trong bối cảnh hiện nay, trong tình

hình đạo đức ứng xử đang xuống cấp, đó là điểm sáng cần được phổ biến và nhân rộng.

Trong bài viết trước đây trên VHPG số 133 về sự biết hổ thẹn, chúng tôi đã phân tích đại hạnh “tâm quý”, *“Trên phương diện ngữ nghĩa, tâm và quý đều là hổ thẹn, nhưng tự soi xét lòng mình không hổ thẹn thì là ‘tâm’, còn nhìn người chung quanh không hổ thẹn thì gọi là ‘quý’”*. Chỉ vì biết hổ thẹn mà con người là con người. Chỉ có con người mới biết giới hạn của những mối quan hệ, nhân luân, tình nghĩa gia đình, chòm xóm, quê hương... để suy nghĩ và hành động. Đó phải chăng là lý do cảnh sát chống bạo động Ukraine quỳ gối xin lỗi người biểu tình.

Trở lại với tập sách *“Một nền văn hóa biết xấu hổ”*, người đọc cảm nhận những dày vò của giới trí thức Nga về con đường đi của dân tộc, sự băn khoăn về việc phải làm gì để phục hưng tinh thần dân tộc. Bên cạnh thái độ dũng cảm nêu lên vấn đề, người đọc cũng có thể thấy được sự kiên trì của những nhà trí thức Nga khi họ không hề đánh mất niềm tin. Với V. Raxputin, *“giữa cái sống và cái chết”* trước những khắc nghiệt của hoàn cảnh mà ông gọi là *“thời đại của bi kịch”* thì phong cách Nga, tâm hồn Nga và có thể nói rằng *chất Nga-la-tư* vẫn là điểm tựa tinh thần để người Nga tìm ra con đường cho dân tộc của ông. Với Iu. Bônđarep thì chính là *tính nhân bản* vẫn cho phép giới trí thức Nga thấy trên đầu họ *“là một trời sao”* và trong tim họ là *“những quy luật đạo đức”*. Giới trí thức Nga đã *“... thấy mình có lỗi trước nhân dân, ... thấy ý nghĩa của cuộc đời mình nằm ở việc phụng sự nhân dân...”* chứ không thể, như Mikhail Ulyanov nhận xét là cứ tiếp tục *“... tước đoạt của con người những giá trị vĩnh cửu... giết chết lương tâm, sự xấu hổ, sự trong trắng trong tâm hồn nhân dân”*.

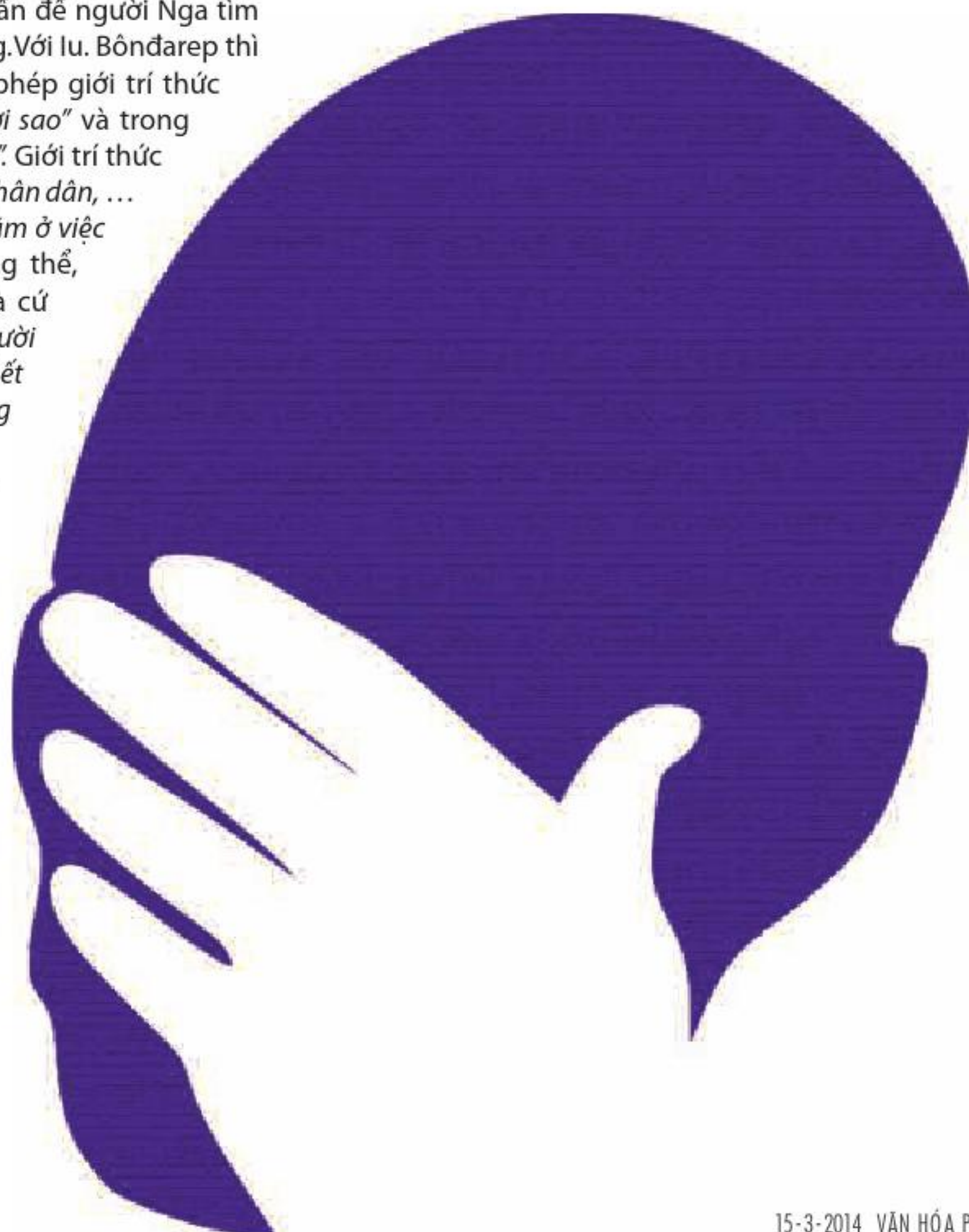
Như đã trình bày ở trên, tập sách cho thấy có những điểm tương đồng trong sự xuống dốc về mặt văn hóa ở Nga và ở Việt Nam. Cũng như họ, xã hội Việt Nam cũng đang đối diện với sự tha hóa tâm hồn; trong nhiều trường hợp con người đã đánh mất sự hổ thẹn và cũng đang cần phải làm thức tỉnh cảm giác xấu hổ.

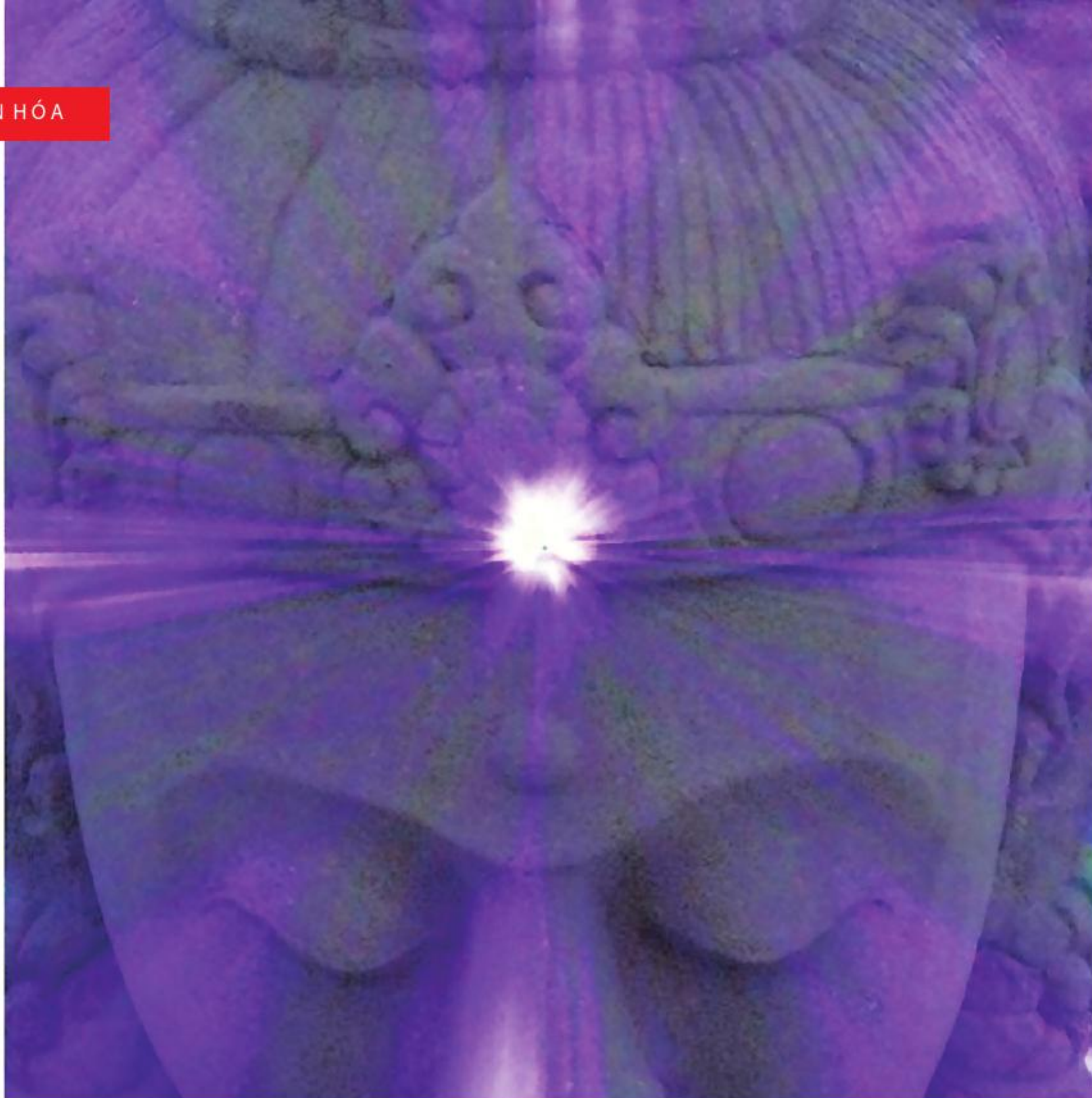
Phải đánh thức và trường dưỡng tâm tâm quý. Phải khơi dậy tính nhân bản trong mỗi con người. Biết ứng xử văn minh nghĩa là tương thân tương ái trong mối quan hệ không chỉ giữa người với người

mà còn là giữa người với thiên nhiên, môi trường, súc vật. Vạn vật tương thông. Không thể sát hại động vật hoang dã, phá hoại môi trường, bất chấp an sinh đồng loại... Hai chữ Việt Nam phải bao gồm nội hàm Việt tính: vị tha, vị nhân sinh...

Vi diệu pháp giải thích rằng người có tâm tâm sẽ chùn bước, thối lui trước hành động bất thiện giống như lông gà co rút lại trước ngọn lửa. Người không có tâm tâm có thể làm bất kỳ điều bất thiện nào mà không rụt rè. Người có tâm quý biết ghê sợ hậu quả của hành động bất thiện; ngược lại, người không có tâm quý được ví như con thiêu thân bị cháy sém trên ngọn lửa.

Người trí thức Nga qua tập sách được tuyển dịch cho thấy họ không khoanh tay rũ áo mà họ nhập thể với tinh thần xả thân. Và đây chính là ý nghĩa thức tỉnh của nỗi đau về những bi kịch của thời đại mình, nỗi đau *“của một nền văn hóa biết xấu hổ”*. Với người Việt, hình như cũng cảm nhận đâu đó nỗi đau ấy trong mình, cũng phải dẫn thân vì *nền văn hóa từ xưa vốn đẹp* của chúng ta. Không còn gì để chần chờ nữa! ■





Từ ánh Bồ-đề

HUỲNH NGỌC CHIẾN

Hãy thử tưởng tượng một đoàn người đang ngồi trên một chiếc thuyền trôi giữa biển trong đêm tối. Sự nhỏ nhoi của con thuyền trong bóng đêm mù mịt khiến họ cảm thấy kinh hãi trước sự vĩ đại của cái bao la huyền mật. Toàn thể giới như luôn bị điều động và chi phối bởi những thế lực siêu nhiên. Một vì sao đổi ngôi cũng có thể là cỗ xe của đấng Tối Cao đang di chuyển, một tia chớp cũng trở thành cơn thịnh nộ của thần linh, một tiếng sóng vỗ cũng là âm thanh của yêu ma quỷ quái. Con người dễ hoang mang vì cảm thấy mình quá nhỏ nhoi trước vũ trụ mịt mù. Họ đốt lửa

và hiến dâng lễ vật lên cõi thiên thượng để cầu xin ân huệ, và hy vọng ngọn lửa đó sẽ soi sáng được đường đi. Thế rồi, vầng dương xuất hiện, chiếu ánh sáng lan tỏa dần trên khắp mặt biển, xua tan đi bóng đêm để cho thế giới được toàn nhiên hiển lộ. Đoàn người giờ đây đã nhìn thấy rõ được cảnh vật, nên không còn lo sợ trước biển cả bao la, vì họ xác định được hướng đi, nên vững tay chèo để đến được bờ.

Đó là cảnh tượng mà ta có thể hình dung khi đọc lịch sử cổ đại của đất nước Ấn Độ cùng vùng Cận Đông và Trung Đông thời kỳ tiền Phật giáo. Suốt mấy ngàn năm dài trong lịch sử loài người, ngọn lửa tế thần đã bập bùng

trong bóng tối vô minh của con người; nó được thắp sáng từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng mạng sống của không biết bao nhiêu loài sinh vật vô tội, trong đó có cả con người. Máu của loài vật và máu của con người liên tục đổ xuống để làm chất đốt cho ngọn lửa hiển sinh quái dị. Giữa bóng tối của lòng kính tin mê muội trước các thần thánh siêu nhiên - vốn chỉ tồn tại trong trí tưởng; giữa tiếng kêu gào đau thương của muôn loài sinh vật bị tàn sát, cùng những đứa trẻ bị thiêu sống để hiến tế thần linh; giữa bóng đêm của đời sống tâm linh u tối đang tràn ngập trên cõi thế đó, đột nhiên, từ dưới gốc bồ-đề ở một nơi hẻo lánh của đất nước Ấn Độ, bùng tỏa lên nguồn ánh sáng cùng với ánh sao Mai. Đó là ánh sáng giác ngộ của Đức Phật Thích-ca!

Luồng ánh sáng đó dần dần lan tỏa ra khắp đất nước Ấn Độ rồi toàn thế giới, xua tan hết bóng đêm của huyền thoại đã bủa vây tâm trí con người hơn mấy ngàn năm, và quét sạch tất cả thần linh về cõi không hư của trí tưởng tượng. Lần đầu tiên, bản chất cùng căn nguyên của khổ đau và con đường giải thoát cho con người được chỉ ra một cách rõ ràng bằng thuyết Tứ diệu đế; lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng nhân loại, toàn bộ vũ trụ được trình bày theo một cấu trúc toàn bích theo tương quan duyên khởi; để rồi về sau phát triển thành kiến trúc vũ trụ vĩ đại trong tư tưởng *Hoa Nghiêm*, thành tánh Không trong hệ thống tư tưởng Trung quán tông, hay thế giới siêu việt nhị biên trong tư tưởng kinh *Bát-nhã*. Nhưng trên tất cả, Phật pháp đem đến cho nhân loại một cái nhìn *như thực* về bản chất vô thường của cuộc sống để con người có thể từ bỏ tham dục và phát tâm cầu Đạo Vô Thượng bằng Trí và Bi. Đó là con đường duy nhất đưa đến giải thoát.

Không như học thuyết của Darwin, sau khi gạt bỏ vai trò của đấng Sáng Tạo ra khỏi sự vận động của vũ trụ bằng thuyết tiến hóa và chọn lọc tự nhiên, thì xã hội phương Tây lại đối diện với bờ vực thảm họa về đạo đức, khi mà những giá trị tối thượng của cuộc sống được đánh giá theo các tiêu chuẩn lạnh lùng của sinh học; cũng không như những nền triết học chủ trương phá hủy thần thoại, và đóng khung thế giới trong những giá trị vật chất cùng tầm nhận thức của giác quan, kết quả là đã đẩy thế giới tâm linh con người vào cõi sa mạc khô cằn, khiến con người dần trở nên lạnh lùng vô cảm như chính lý trí; ánh sáng giác ngộ của Đức Phật lại khác hẳn, nó xua tan bóng đêm và quét sạch sương mù huyền thoại là để cho toàn bộ vũ trụ hiện tiền trong sự hòa điệu vĩ đại, và *quy kết mọi diễn biến trong hiện tượng giới vào thế giới tâm linh*. Điều đó sẽ khai phóng tâm thức con người trước những phương trời lồng lộng của tâm linh và tư tưởng. Đó là điểm khác biệt giữa Phật giáo với những nền triết học phương Tây. Hầu hết những hệ thống triết học phương Tây đều mang tính tư biện, với rất ít ngoại lệ. Không một nền triết học phương Tây nào đi đôi với phương thức sống, và không bao giờ hướng

đến sự tu tập tâm linh, vì chúng chỉ là món đồ chơi thuần túy trong trí tưởng tượng và lý luận, đúng như T.R.V. Murti nhận xét¹. Viễn tượng về một thiên đường trần thế hay "*Thế giới đại đồng*" cho toàn thể nhân loại đã được Phật giáo vạch ra từ rất lâu, trong những đại nguyện của chư Bồ-tát trong nhiều kinh điển Đại thừa. Cho rằng có thể đạt đến thế giới đó bằng bạo lực và lý luận thì đó chỉ là quan niệm hoang đường của những người thô thiển về tâm lý, ngây thơ về đạo đức và nông cạn trong tư duy. Các Bồ-tát hẳn đã quán tưởng về cái thế giới lý tưởng đó, và liễu tri một cách sâu xa rằng con người chỉ có thể đạt đến nó sau khi đã gột sạch Tham-Sân-Si bằng Trí và Bi. Đó là con đường duy nhất; ngoài ra, không thể có bất kỳ một con đường nào khác.

Một điều thường thấy với những tôn giáo hữu thần là sự kết hợp giữa truyền bá giáo lý với đe dọa. Hỏa ngục luôn là nơi đầy dọa dẫm cho những ai không tin vào chân lý được rao giảng trên những thanh gươm. Phật giáo, trái lại, đã chinh phục được hơn một nửa thế giới không phải bằng lửa và thanh gươm, mà chỉ bằng những chân lý thực tiễn, và để những chân lý đó tự chinh phục loài người bằng sự trải nghiệm trong thế giới tâm linh. Từ phương Đông của thế giới tâm linh, Phật giáo đã hội nhập vào thế giới duy lý phương Tây không phải bằng chủ nghĩa thần bí mơ hồ hay chủ nghĩa phiếm thần thô thiển, mà bằng ánh sáng giác ngộ và bằng nụ cười an nhiên thuần tịnh của Đức Phật. Đẹp biết mấy khi Đức Phật thanh thản mỉm cười trước những lời lăng mạ, vu khống và dạy môn đồ cũng thực hành như thế. Đây là hình ảnh dường như chỉ có trong Phật giáo. Như cánh sen nở trong bùn, hay con ngỗng bơi trong hồ nước, không có gì làm cho ô nhiễm được. Bởi vậy, những người nào tự cho rằng mình "*hộ pháp*" bằng cách lăng mạ những tôn giáo khác- chỉ vì tôn giáo đó đã kích Phật giáo - là đã hoàn toàn đi sai tông chỉ của Đức Phật.

Nhà nghiên cứu Havell cho rằng các đoàn truyền giáo mà vua Ashoka phái đi hoàng pháp ở khắp Ấn Độ, Tích Lan, thậm chí tới cả Syria, Ai Cập, và Hy Lạp khoảng cuối thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch có lẽ đã dọn đường cho những nơi này đón nhận Phúc âm của Chúa Jesus². Trên thế giới luôn có sức mạnh của lưỡi gươm và sức mạnh của chân lý. Sức mạnh của tư tưởng Phật giáo là sức mạnh trầm lặng của chân lý, không phải là sức mạnh thô bạo của lưỡi gươm. Khẩu hiệu "*chân lý thuộc về kẻ mạnh*" chỉ là "*chân lý*" của những tay đồ tể. Đó là "*chân lý*" của lũ sói trong truyện ngụ ngôn của La Fontaine. Người Phật tử chân chính không thể sống theo chân lý đó, mà sống theo chân lý khác: đó là chân lý tỏa ra từ ánh sáng giác ngộ của Đức Thế Tôn, dưới gốc bồ-đề. ■

1. T.V. Murti, *Tánh Không - Cốt tủy triết học Phật giáo*, Huỳnh Ngọc Chiến dịch, NXB Hồng Đức 2013, trang 57.

2. W. Durant, *Our Oriental Heritage*, NXB Simon & Schuster, 1954, p.449.



Từ nhà in **LIÊN HOA** đến chùa **KIỀU ĐÀM**

Bài & ảnh: **TRẦN VĂN DŨNG**

Trong số các ngôi chùa sư nữ ra đời khá sớm ở cố đô Huế thì Kiều Đàm là một trong những ngôi chùa ít được nhắc đến; song đó lại là một ngôi chùa quan trọng bởi một điều rất giản dị: chùa do Ni trưởng Thích nữ Diệu Không khai sáng, trùng hưng và trụ trì. Hơn thế nữa, trước đây đất chùa là nơi đặt trụ sở của nhà in Liên Hoa để xuất bản kinh sách Phật giáo và báo *Liên Hoa Văn Tập* (sau này đổi tên là *Liên Hoa Nguyệt San*). Có thể nói rằng các nhà trí thức và nghiên cứu Phật giáo không ai là không biết đến tiếng tăm của bộ *Liên Hoa Văn Tập*, vì bộ văn tập này có nhiều tư liệu quý về Phật giáo xứ Huế nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung, đáng được quan tâm nghiên cứu.

Trong giới tu hành và Phật tử ở miền Nam từ trước đến nay không mấy ai không biết đến thiện danh và công lao đóng góp cho đạo, cho đời của Ni trưởng

Thích nữ Diệu Không, thường được biết đến dưới cái tên kính trọng mà thân thương là “*Sư bà Diệu Không*”. Sư bà có thể danh là Hồ Thị Hạnh, sinh năm 1905, là con gái út của Quận công Hồ Đắc Trung. Sư bà là người có nhiều công lao trong việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, xây dựng Ni viện, cô nhi viện ở nhiều địa phương và góp phần tổ chức Viện Đại học Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam, Viện Đại học Vạn Hạnh. Sư bà còn biên dịch nhiều bộ kinh Phật, là một trong những sáng lập viên nhà in Liên Hoa, báo *Liên Hoa*...

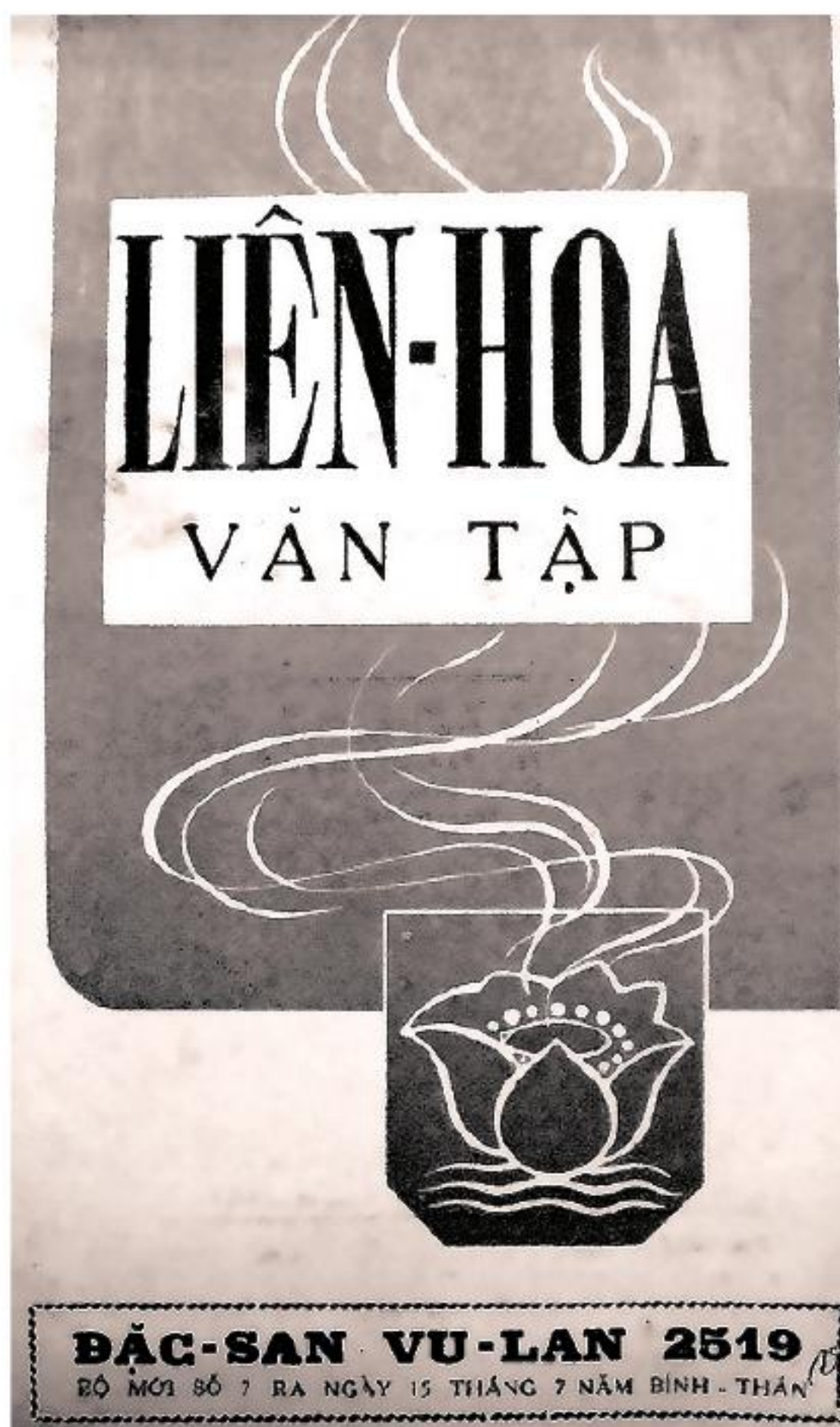
Nhà in Liên Hoa được Sư bà Diệu Không sáng lập vào khoảng những năm 50 của thế kỷ XX, trên thửa đất thuộc quyền sở hữu của cụ Hồ Đắc Khải (anh cả của Sư bà Diệu Không) tại ấp Bình An, làng Phú Xuân, huyện Hương Thủy ngày trước, nay thuộc phường Trường An, thành phố Huế. Nhà in Liên Hoa được sáng lập để in kinh sách Phật giáo và đặc biệt là để in báo *Liên Hoa*

Văn Tập, tờ báo do chính Sư bà làm chủ nhiệm, có chị huynh trưởng Gia đình Phật tử Hoàng Thị Kim Cúc làm thủ quỹ.

Liên Hoa Văn Tập ra mắt số đầu tiên vào ngày 25/3/1955, phát hành đến Sài Gòn và các tỉnh. Nội dung ban đầu của *Liên Hoa Văn Tập* chủ yếu gồm những bài nghiên cứu phê bình về các vấn đề Phật giáo và việc truyền bá đạo Phật trong quần chúng, với các bài viết của các Thiền sư Thích Minh Châu, Thích Thiện Châu, Tỳ kheo W. Rahula...; ngoài ra còn có các mục Từ điển Phật giáo, Tin tức hoạt động của Tổng hội Phật giáo và mục sáng tác thơ văn, tùy bút; đặc biệt có mục "Phụ nữ" do Sư bà Thích nữ Thể Quán phụ trách. Cho đến đầu xuân năm Bính Thân (1956), báo *Liên Hoa Văn Tập* trở thành cơ quan hoàng pháp của Tổng Trị sự Giáo hội Tăng-già Trung Phần, do Hòa thượng Thích Đôn Hậu làm Chủ nhiệm, Hòa thượng Thích Đức Tâm làm Chủ bút, Sư bà Diệu Không lui về vị trí quản lý và biên tập. *Liên Hoa Văn Tập* chuyển dần theo xu hướng một tạp san có tính chuyên nghiệp, đã quy tụ được đông đảo thành phần trí thức ở Huế công tác. Từ lúc này, phần dành cho lớp thiếu niên và nhi đồng được tách riêng, xuất bản thành bản nguyệt san *Sen Hồng*, do Sư bà Thích nữ Thể Quán chịu trách nhiệm.

Đến năm 1958, báo *Liên Hoa Văn Tập* chính thức đổi tên là báo *Liên Hoa Nguyệt San*. *Liên Hoa Nguyệt San* số 1 ra tháng 2/1958. Ngay trong bài "Kiểm điểm", vị Chủ nhiệm đã nói rõ: "Cũng trong số này chúng tôi xin đổi hai chữ Văn Tập thành chữ Nguyệt San cho nó có tính cách thường xuyên hơn". Tờ báo số 12 ra năm Mậu Tuất (1958), tòa soạn báo *Liên Hoa Nguyệt San* đã đưa quan điểm như sau: "Chủ trương của *Liên Hoa Nguyệt San* là hoàng dương Chính pháp, giúp đỡ tín đồ Phật giáo có phương tiện tu học dễ dàng. Thật ra, đây là mục đích chung của mọi tạp chí Phật giáo. Nhưng cái điểm riêng biệt của *Liên Hoa* là nhằm đi sát với thực tế, với cuộc đời thường nhật, cố làm sao giúp ích cho tín đồ áp dụng được những lời Phật dạy trong đời sống của mình". Chính vì thế, ngoài việc truyền bá Phật pháp, báo còn phản ánh những vấn đề chính trị xã hội, thể hiện ý thức đạo pháp và dân tộc. *Liên Hoa Nguyệt San* là tờ báo Phật giáo tồn tại lâu nhất ở miền Trung và một số tỉnh khác ở miền Nam thời bấy giờ.

Cũng như các tờ báo Phật giáo khác, *Liên Hoa Nguyệt San* thời kỳ 1960 - 1963 đã thể hiện ý thức tranh đấu cho đạo pháp và dân tộc, chống lại sự độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm. Sự ra đời của báo *Liên Hoa Nguyệt San* đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào sáng tác văn học Phật giáo ở Huế. Bên cạnh đó, báo *Liên Hoa Nguyệt San* là một trong những tờ báo Phật giáo đầu tiên dành cho phụ nữ. Nhìn chung, những bài viết của các cây bút nữ trên báo *Liên Hoa Nguyệt San* đã đánh thức nữ giới lâu nay vốn bị trói buộc trong lễ giáo Khổng Mạnh, hoặc bị sa sút đạo đức bởi lối sống Âu hóa, từ đó vươn lên làm



chủ cuộc sống bằng cách nghiên cứu, tu học theo Phật pháp. Do hoàn cảnh, báo *Liên Hoa Nguyệt San* tự đình bản vào năm 1966.

Khoảng năm 1970, Sư bà Diệu Không đã cải tạo trụ sở nhà in *Liên Hoa* cũ thành chùa Kiếu Đàm; làm nơi thờ cúng chư Phật và tổ chức việc tu tập cho Ni chúng. Chùa cũng là nơi đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và tâm linh những người dân xung quanh. Kiếu Đàm là chữ được Ni trưởng Diệu Không lấy từ tên Tổ sư Ni Kiếu-đàm-di, bậc Trưởng lão của Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni đầu tiên thời Phật tại thế nhằm tỏ lòng hiếu đạo đối với Tổ sư Ni Kiếu-đàm-di.

Thực hiện ý tưởng của Ni trưởng Diệu Không về việc mở rộng quy mô Ni viện Kiếu Đàm để đáp ứng cho sự phát triển Ni chúng ngày một đông đảo hơn, chùa được đại trùng tu toàn diện thành tòa phạm vũ nguy nga vào năm 2002 do chư Ni tại chỗ cùng hàng tứ chúng đồng tâm hỗ trợ với quy mô gồm hai tầng: tầng trên là chánh điện và tầng dưới dùng làm khách xá.

Nhìn từ cổng vào, kiến trúc chùa vẫn theo mô hình ba gian hai chái, kiểu kiến trúc truyền thống của chùa Huế. Có đủ hình bốn con vật trong tứ linh, long-lân-

qui-phụng, được đắp nổi sống động, mỹ thuật tạo nên vẻ đẹp hài hòa, cân đối. Trên nóc chùa, hai bên có hai con rồng lượn quay đầu lại để chầu một “mặt nả” chính giữa đội Pháp luân. Đầu rồng, đuôi rồng vẫn hội tụ những nét cấu tạo trên nóc Đại Nội xưa. Hai đầu chái cũng đắp mặt rồng nổi hoặc bình phong rất công phu. Ngoài chánh điện, khách xá thì chùa Kiếu Đàm còn có nhà hậu, trai đường, nhà trù (nhà bếp)...

Về thăm chùa Kiếu Đàm, ngoài việc tham quan, tìm hiểu những giá trị lịch sử văn hóa, kiến trúc của ngôi chùa, du khách còn có thể lưu lại thưởng thức bữa cơm chay do nhà chùa làm trong khung cảnh thiền môn với nếp sống thiền vị. Quả thật, chùa Kiếu Đàm có nhiều ni cô nấu cơm chay ngon nổi tiếng.

Với bàn tay tài hoa, tấm lòng phúc hậu và sự đam mê tuyệt vời, các ni cô chế biến các món ăn chay từ những nguyên liệu bình dị giản đơn nhưng rất phong phú về chủng loại như phù chúc, đậu khuôn, đậu xanh, bánh tráng, nấm mèo, nấm rơm, quả vả, mít, chuối chát... Cái lạ, cái hay và cái ngon ở đây là tính triết lý trong các món chay - ăn để đoạn tham phá sân si, ăn để tâm hồn nhẹ nhàng thanh thản, nuôi dưỡng pháp thiện, tăng trưởng căn lành và phát triển tình thương rộng lớn đối với mọi loài. Trong tất cả mọi giá trị giữa cuộc đời thì sự sống là cái có giá trị nhất và cần được trân trọng nhất. Vì thế ăn chay là một cách để biểu hiện lòng tôn quý và trân trọng sự sống.

Tại khách xá, nhiều khách tham quan đã trầm trồ thán phục về sự thông minh, khéo léo và sáng tạo của các ni cô với những đường thêu mềm mại, uốn lượn khi được chiêm ngưỡng bức tranh thêu cảnh đào. Thêu là sáng tạo nghệ thuật bằng kim chỉ trên nền vải. Thứ tài sản quý giá và quan trọng nhất của những nghệ nhân thêu là óc thẩm mỹ và bàn tay tài hoa của họ. Dù ở đề tài nào cũng vậy, các ni cô đều thông qua những đường kim mũi chỉ để gửi gắm tình cảm và tài năng của mình với thiên nhiên của quê hương đất nước. Với những đường nét thùy mị, khéo léo, cần mẫn của người con gái xứ Huế, các ni cô đã cho ra đời những dòng sản phẩm mang tính nghệ thuật cao được mọi người trong và ngoài nước ca ngợi.

Do nghề thêu tranh là một trong những nghề thủ công nổi tiếng mang đậm bản sắc văn hóa của người Việt, trong những năm qua, các ni cô ở chùa Kiếu Đàm đã và đang đào tạo miễn phí cho hàng trăm đối tượng thuộc diện chính sách có hoàn cảnh khó khăn.

Hiện nay, chùa Kiếu Đàm do Ni chúng trông coi và từng bước được tu sửa, làm mới thêm nhiều hạng mục để trở thành một hệ thống kiến trúc thiền tự hoàn chỉnh khang trang, bề thế. Có thể nói rằng chùa Kiếu Đàm xứng đáng là chốn già-lam trang nghiêm, thanh tịnh, rất thuận tiện cho đời sống tu hành của Ni chúng cũng như hàng Phật tử, và cũng là điểm đến thú vị cho những ai muốn viếng thăm chùa Huế. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải , Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc , Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh , Q. 5	
PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng , CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản , USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn , Q. 2	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc , Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh , USA	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền , CT TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
CT Nền Hạnh Phúc , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ

Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành , Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh , Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông , TCFH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan (namgiaio1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này:	442 cuốn
Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.	
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanvhp@gmail.com	

Ban Biên tập



Hãy từ bỏ

những gì không phải của mình

DIỆU HÒA

“Cái gì không phải của các Ông, này các Tỳ-kheo, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc an lạc cho các Ông.”¹

Trên đây là lời khuyên hết sức minh triết của bậc Chánh Đẳng Giác dành cho các đệ tử xuất gia với mục đích giúp cho họ thể hiện nếp sống chơn chánh sáng suốt để vượt qua mọi vướng lụy trần thế, thoát khỏi phiền muộn khổ đau, để đạt đến cứu cánh an lạc, cứu cánh Niết-bàn. “Từ bỏ” là một từ ngữ có ý nghĩa rất hay trong đạo Phật. Nó ngụ ý thái độ tỉnh táo và trí tuệ của đạo Phật trong phương pháp thực nghiệm hạnh phúc an lạc. Thông thường,

người ta có thói quen nghĩ rằng phải nắm giữ mọi thứ, phải sở hữu cái này cái kia thì mới có hạnh phúc, nhưng theo quan niệm của đạo Phật thì càng cố gắng nắm giữ bao nhiêu, con người càng bị trói buộc và càng rơi vào phiền muộn bấy nhiêu. Bởi một lẽ đơn giản: không một thứ gì tồn tại mãi mãi. Con người không tồn tại, thế giới mà con người nhận thức được cũng không tồn tại. Tất cả chỉ là giả hợp, hiện hữu tạm thời, đang chuyển biến, đi đến hoại diệt, không tồn tại mãi. Nhận lầm những gì không phải của mình hay không thuộc về mình thì phiền muộn đã đành, ngay cả những gì được xem là của mình, được chấp nhận là thuộc về

mình đi nữa mà bám chấp vào nó cũng không tránh khỏi khổ đau. Nhận thức được như thế thì mới hết mê lầm, mới thấy rõ nắm giữ là một ý tưởng mệt mỏi, mới mạnh mẽ đi đến từ bỏ. Sau đây là những lời khuyên nhắc của bậc Giác ngộ:

- *Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

- *Bạch Thế Tôn, vô thường.*

- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

- *Bạch Thế Tôn, khổ.*

- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?*

- *Bạch Thế Tôn, không.*

- *Chư Tỳ-kheo, thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường?*

- *Bạch Thế Tôn, là vô thường.*

- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

- *Bạch Thế Tôn, là khổ.*

- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?*

- *Bạch Thế Tôn, không...*

Do vậy, này các Tỳ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỳ-kheo, cái gì không phải của các Ông? Chư Tỳ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỳ-kheo, thọ không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỳ-kheo, tưởng không phải của các Ông, hãy từ bỏ tưởng. Các Ông từ bỏ tưởng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỳ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn, các Ông có nghĩ chăng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

- *Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.*

- *Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỳ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỳ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỳ-kheo, thọ... Chư Tỳ-kheo tưởng... Chư Tỳ-kheo, hành... Chư Tỳ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ*

thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Cái gì không phải của các Ông, này các Tỳ-kheo, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc an lạc cho các Ông".²

Trong một văn cảnh khác, bậc Giác ngộ lại đưa ra lời khuyên tương tự:

"Và này các Tỳ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

Mắt, này các Tỳ-kheo, không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Các sắc không phải của các Ông. Hãy từ bỏ chúng. Từ bỏ chúng, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Nhân thức không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Nhân xúc không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Phàm duyên nhân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Các pháp không phải của các Ông. Hãy từ bỏ chúng. Từ bỏ chúng, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Ý thức không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Ý xúc không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

Ví như, này các Tỳ-kheo, trong rừng Thắng Lâm này có người mang đi, hay mang đốt, hay làm theo những gì người ấy muốn, tất cả cỏ, củi, nhánh cây hay lá, thời các Ông có nghĩ như sau: "Người ấy mang chúng tôi đi, hay đốt chúng tôi, hay làm gì chúng tôi theo ý người ấy muốn"?

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Vì sao? Vì chúng không phải tự ngã hay không thuộc về tự ngã.*

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, mắt không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Các sắc không phải của các Ông... Nhân thức không phải của các Ông... Nhân xúc không phải của các Ông... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho các Ông... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Các pháp không phải của các Ông. Hãy từ bỏ chúng. Từ bỏ chúng, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Ý thức không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Ý xúc không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các Ông. Hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông".³

Đức Phật gọi sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay mắt,

tai, mũi, lưỡi, thân, ý và những gì phát sinh liên hệ đến chúng là không phải của mình và khuyên các Tỳ-kheo nên từ bỏ chúng. Vì theo tuệ giác của Phật thì con người (ngũ uẩn hay sáu nội xứ) và những gì con người nhận thức được đều là giả hợp, luôn luôn thay đổi, không thực thể, không ai làm chủ được; nếu cứ ôm ấp, nắm giữ, chấp trước, không từ bỏ những gì không thực có, không nắm bắt được, không làm chủ được như thế thì không tránh khỏi phiền muộn khổ đau⁴. Đây chính là cách thức để thoát khỏi mê lầm, thoát khỏi phiền muộn khổ đau, để có được hạnh phúc an lạc.

Nhưng thế nào là từ bỏ sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay từ bỏ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và những gì phát sinh liên hệ đến chúng? "Từ bỏ" là một cách nói đối lập với thói quen mê lầm cố hữu của con người theo đó mọi phiền não khổ đau không ngừng phát sinh, đó là luôn luôn ôm ấp, nắm giữ, chấp chặt những gì liên hệ đến bản thân mình gọi là chấp ngã. Hẳn nhiên, đó không phải là sự chối bỏ các hoạt động của sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay sự đóng lại các giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Rõ là không ai ngăn được quy luật vận hành của thực tại cả. Vì vậy, từ bỏ ở đây chính là sự tỉnh giác nhận ra sự vận hành của ngũ uẩn hay hoạt động của sáu căn và sáu trần mà tâm không vướng mắc, không vọng động. Chúng hành hoạt và tương tác như thế nào thì thấy như thế ấy mà không động tâm, không can thiệp vào thì gọi là "từ bỏ". Nói rõ hơn, đó chính là phương pháp quán niệm về ngũ uẩn hay quán niệm về sáu nội, ngoại xứ được ứng dụng theo nghĩa thấy rõ chúng chỉ là pháp sanh diệt, không thực thể, không thường hằng, là thực tại đang trôi chảy, không nắm bắt được, không nên nghĩ suy, không nên tư lường, không nên phân biệt, không nên chấp trước. Ứng dụng cách nhìn ngũ uẩn hay sáu nội, ngoại xứ theo cách như vậy thì tâm tư trở nên tỉnh táo và sáng suốt, hết vọng động, hết mê lầm, hết chấp trước, hết rơi vào phiền muộn khổ đau do không chấp trước. Đây gọi là sống hạnh phúc an lạc do từ bỏ những gì không phải là của mình.

Thế thì con người ngũ uẩn hay con người sáu nội xứ vẫn hành hoạt, mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, mũi vẫn ngửi, lưỡi vẫn nếm, thân vẫn xúc chạm, ý vẫn nhận thức, nhưng phải tập làm sao cho tâm thức không dao động, không phân biệt, không phán xét, không thuận ứng hay nghịch ứng, không rơi vào ý niệm "tôi" hay "của tôi", đạt được tự do, tự tại, giải thoát, an lạc. Nói cách khác, đó chính là lối sống chánh niệm tỉnh giác, viễn ly vọng niệm, buông bỏ mọi vọng tưởng, rời xa mọi ý niệm liên hệ đến tự ngã hoặc nói theo cách triết lý của Phật thì "trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy, trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe, trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng, trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri".⁵ Bậc Giác ngộ chỉ cho chúng ta cách thực tập từ bỏ để đạt đến hạnh phúc an lạc như thế này:

"Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con mắt, không tư lường từ con mắt, không tư lường: "Con mắt là của ta". Vị ấy không tư lường các sắc, không tư lường trên các sắc, không tư lường từ các sắc, không tư lường: "Các sắc là của ta". Vị ấy không tư lường nhãn thức, không tư lường trên nhãn thức, không tư lường từ nhãn thức, không tư lường: "Nhãn thức là của ta". Vị ấy không tư lường nhãn xúc, không tư lường trên nhãn xúc, không tư lường từ nhãn xúc, không tư lường: "Nhãn xúc là của ta". Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy của ta". Cũng vậy đối với tai... mũi... lưỡi... thân...

Vị ấy không tư lường ý, không tư lường trên ý, không tư lường từ ý, không tư lường: "Ý là của ta". Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường trên các pháp, không tư lường từ các pháp, không tư lường: "Các pháp là của ta". Vị ấy không tư lường ý thức, không tư lường trên ý thức, không tư lường từ ý thức, không tư lường: "Ý thức là của ta". Vị ấy không tư lường ý xúc, không tư lường trên ý xúc, không tư lường từ ý xúc, không tư lường: "Ý xúc là của ta". Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta".

Cho đến các uẩn, giới, xứ, này các Tỳ-kheo, vị ấy không tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy, không tư lường từ pháp ấy, không tư lường: "Pháp ấy là của ta". Vị ấy không tư lường như vậy nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ nên không ái luyến. Do không ái luyến nên tự mình được hoàn toàn tịch tịnh. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".⁶

Buông bỏ mọi ý niệm liên hệ đến tự ngã hay thực hành nếp sống vô ngã là việc làm minh triết nhưng chắc chắn không phải dễ làm đối với hết thảy mọi người. Đây chính là lối sống không còn phiền muộn khổ đau, lối sống hạnh phúc lớn nhất mà Đức Phật, bậc Giác ngộ, đã chứng nghiệm và mong muốn nhắn nhủ lại với mọi người. Rõ ràng, không ai tự cho rằng mình đã thoát ly hết mọi ý tưởng liên hệ đến tự ngã, nhưng những ai có hành trì lời Phật dạy thì hiểu rất rõ sự quay cuồng vùng vẫy rất mệt mỏi của lối sống bị ám ảnh bởi ngã tưởng và mong muốn ra khỏi thế giới mê lầm mệt mỏi ấy. Ở đây, lời khuyên của Phật vẫn luôn luôn là nguồn khích lệ lớn đối với mọi người: "Hãy từ bỏ những gì không phải là của mình". ■

1. Kinh Ví dụ con rắn, Trung Bộ.
2. Kinh Ví dụ con rắn, Trung Bộ.
3. Kinh Không phải của các ông, Tương Ưng Bộ.
4. Kinh Ví dụ con rắn, Trung Bộ.
5. Kinh Phật tự thuyết, Tiểu Bộ.
6. Kinh Thích hợp, Tương Ưng Bộ.



Giải thoát khỏi nhân quả

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1 Con đường giải thoát

Nhân quả là định luật của đời sống. Nhân quả tạo ra đời sống. Với người có trí và hướng thượng, họ biết áp dụng nhân quả vào cuộc sống của mình, để tạo ra một cuộc sống hạnh phúc hơn, hướng thượng hơn bằng những hành động (nghiệp) tốt đẹp.

Nhưng nhân được tạo ra bằng một thân, khẩu, tâm ý hữu hạn của con người, dù tốt đẹp đến đâu, cũng chỉ tạo ra một quả hữu hạn, nghĩa là có sanh ra thì có hoại diệt, vẫn nằm trong vòng vô thường đưa đến khổ đau. Nhân quả tạo ra trong các cõi đều nằm trong vô thường khổ đau.

Với người đã mệt mỏi với vòng nhân quả tương đối, có nguyện vọng cao cả hơn, muốn thoát khỏi vòng nhân quả, tức là vòng sanh tử này, họ tìm đến đạo Phật, như là con đường vượt thoát khỏi nhân quả, vượt thoát khỏi ba cõi sanh tử. Đây là con đường giải thoát và giác ngộ của đạo Phật.

Con đường giải thoát khỏi vòng nhân quả của đạo

Phật là thấy và chứng thực được vô ngã (không có một cái tôi) và vô pháp (không có những đối tượng cho cái tôi). Vô ngã là không có một cái tôi hành động, một cái tôi tạo nghiệp tốt xấu. Vô pháp là không có những đối tượng cho hành động, nghĩa là những đối tượng của nghiệp. Hai cái đó không có thì nghiệp nhân và nghiệp quả không thành.

Vô ngã và vô pháp là sự không có hiện hữu nội tại, không có tự tánh của một cái tôi và những đối tượng của cái tôi ấy. Vô ngã và vô pháp nghĩa là tánh Không, tức là sự không có tự tánh của tất cả mọi sự.

Thế nên người ta giải thoát được khỏi vòng sanh tử tạo bằng nhân quả khi người ta thấy và chứng được tánh Không, hay là sự vô tự tánh, của vòng sanh tử. Không phải người ta phải dùng một năng lượng khủng khiếp, như năng lượng nguyên tử chẳng hạn, để phá tan vòng sanh tử này, mà người ta phải phá sự chấp có tự tánh của vòng sanh tử. Khi thấy sanh tử không có tự tánh, người ta giải thoát mà chẳng hề đụng đến thế giới này.

Trong ba yếu tố cấu thành con người là thân, khẩu, tâm, thì tâm là cái quan trọng nhất (Tâm dẫn đầu các pháp, tâm là chủ, tâm tạo – *Kinh Pháp cú, phẩm Song yếu*). Thế nên người ta giải thoát khỏi một đối tượng không phải bằng cách phá hủy đối tượng đó, mà bằng cách phá hủy sự bám chấp của tâm vào đối tượng đó. Đạo Phật, tự căn bản, là bất bạo động như vậy.

2 Tánh Không là giải thoát

Như trên đã nói, người ta giải thoát khỏi ba cõi sanh tử tạo thành bởi nhân quả bằng cách đạt đến vô ngã và vô pháp, hay tánh Không, hay sự vô tự tánh của chủ thể và đối tượng.

Kinh Lăng Nghiêm nói về sự vô tự tánh như sau:

Ở giữa không thật tánh
Giống như lau gác nhau
Buộc, mở đồng một nhân
Thánh, phàm không hai lối.
Hãy xem tánh giao nhau
Có, không đều chẳng phải
Mê lầm là vô minh
Phát minh liền giải thoát.

Cái tôi và đối tượng của cái tôi đều vô tự tánh, không có hiện hữu thật sự. Chúng là duyên sanh, do rất nhiều nhân duyên tạm thời hợp lại mà thành. Mất chỉ một nhân duyên nhỏ, thì không thành cái đó. Như ba cây lau gác nhau thì thành một tam giác, thiếu một cây lau thì chẳng thành hình gì. Ba cây lau là căn, trần, thức. Thiếu một cái thì không thành con người. Một cái khác đi thì thành một người khác. Cái tôi và mọi cái của tôi, thế giới của tôi, đều do “tính giao nhau” của rất nhiều nhân duyên, rất nhiều nhân quả mà thành. Tôi mà mất đi một ít nguyên tố không khí, thì tôi không còn có mặt trên đời này, thế giới của tôi cũng tiêu tan mất.

Tất cả đều do nhân duyên sanh nên không có tự tánh, nên tất cả là tánh Không. Thấy được tánh Không bèn giải thoát khỏi vô minh mê lầm cho là có là không, là có sanh có diệt.

Thiền sư Quốc sư Huệ Trung, giống như *Kinh Đại Bát-nhã* đã chỉ rõ, nói, “Các pháp chẳng đến nhau, ngay đó là giải thoát”.

Sắc thọ tướng hành thức hội hợp thành cái tôi. Sắc thanh hương vị xúc pháp là đối tượng của một cái tôi. Vì do hội hợp mà thành, do những nhân duyên mà có, nên chúng là vô tự tánh. Chúng chỉ tạm thời “giao nhau” trong vài giây phút chứ chúng chẳng thật sự đến được với nhau. Nếu chúng thật sự gặp gỡ nhau, đến được với nhau, chúng phải ở luôn với nhau. Chúng chẳng đến nhau vì chúng vô tự tánh.

Thấy các pháp chẳng đến nhau, đó là thấy tánh Không. Thấy các pháp tạo thành cái tôi và thế giới này chẳng đến nhau, chưa từng đến nhau, nghĩa là chưa từng có tôi và có sanh tử, thì “ngay đó là giải thoát”.

Ở đây chúng ta chỉ nói đến hai khai thị về tánh Không. Muốn thấy trực tiếp tánh Không phải thực hành thiền định và thiền quán lâu dài, vì thấy trực tiếp tánh Không thì không qua lý tính, lý luận, so sánh, thí dụ... của ý thức. Hơn nữa, không chỉ thấy trực tiếp tánh Không, mà còn phải sống tánh Không đó qua toàn bộ thân, ngữ, tâm, nghĩa là bằng mắt tai mũi lưỡi thân ý để được giải thoát hoàn toàn.

3 Sự khác biệt giữa con đường A-la-hán và con đường Bồ-tát

Muốn giải thoát khỏi thế giới sanh tử nhân quả chỉ có một cách là chứng ngộ tánh Không. Tánh Không là chân lý tuyệt đối, so với sanh tử là chân lý tương đối.

Trong sự tương quan giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối, chúng ta có từng cặp như sau: sanh tử và Niết-bàn, sắc và không, tướng và tánh, sự và lý, hiện tượng và bản thể...

Con đường A-la-hán từ bỏ sanh tử và chứng đắc Niết-bàn, từ bỏ thế giới hiện tượng và đạt đến thế giới bản thể, từ bỏ thế giới sự và thể nhập lý. Niết-bàn hay tánh Không của con đường này tách biệt và đoạn tuyệt hẳn với thế giới hiện tượng, sanh tử.

Trong khi đó, Niết-bàn hay tánh Không của con đường Bồ-tát thì không tách lìa với sanh tử hay thế giới sắc tướng. Bởi thế *Tâm kinh Bát-nhã* nói, “Sắc tức là Không, Không tức là Sắc”. Niết-bàn của Bồ-tát là Trung đạo “tức là” này.

Vì lời nguyện cứu giúp chúng sanh, người tu đạo Bồ-tát phải ở trong sanh tử cùng với chúng sanh, cho nên Niết-bàn tánh Không của Bồ-tát cũng không lìa sanh tử. Tánh Không là Trung đạo. Trung đạo này chính là tánh bất nhị của Niết-bàn và sanh tử.

Trung luận của Bồ-tát Long Thọ nói:

Niết-bàn và thế gian
Không mấy may phân biệt
Thế gian và Niết-bàn
Cũng không chút phân biệt
Thật tế của Niết-bàn
Cùng thật tế thế gian
Hai tế ấy như vậy
Không mấy may sai biệt.

(XXV, 19,20)

Sanh tử và Niết-bàn cùng một thật tế, cùng một bản tánh, cùng “một vị”.

Thế nên, trong *Trung luận*, thực tại rốt ráo là Không, Giả, Trung. Nếu bậc A-la-hán là Không thuần túy thì Bồ-tát còn Giả (như huyền) và Trung (sự bất nhị của sắc và không, sự bất nhị của sanh tử và Niết-bàn).

Dùng thuật ngữ khác, nếu với bậc A-la-hán, thực tại rốt ráo là duy chỉ Lý vô ngại thì với Bồ-tát là Lý Sự vô ngại, sự vô ngại của sanh tử và Niết-bàn. ■

Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long với việc đi tu báo hiếu

Bài & ảnh: THẠCH BA XUYỀN

1 Ka-ta-nhu, theo tiếng Khmer, là việc thực hiện bốn phận của con cái đối với cha mẹ. Để thực hiện những bốn phận của mình, người con không chỉ phải nắm chắc những bốn phận đối với cha mẹ mà còn phải biết về những bốn phận của cha mẹ đối với bản thân mình. Giúp cha mẹ thực hiện bốn phận đối với con cái cũng là một việc làm có hiếu với cha mẹ, vì đã làm điều tốt khiến cha mẹ vui lòng.

Theo truyền thuyết, nguồn gốc việc tu báo hiếu của người Khmer xuất phát từ câu chuyện liên quan đến cậu bé người Khmer có tên là Socpenh Kokma với người mẹ của mình. Vì cha của Socpenh Kokma mất sớm, mẹ của cậu phải thay chồng làm nghề săn bắt để nuôi con. Là một đứa trẻ thông minh lại có lòng nhân từ nên khi thấy mẹ sát sinh hại vật tạo nhiều tội lỗi, Socpenh Kokma đã trốn mẹ lên chùa gần nhà để xin được đi tu, nhằm phần nào hóa giải tội lỗi giúp mẹ. Người Khmer tin rằng khi người mẹ của Socpenh Kokma chết, hồn của bà không bị quỷ dữ hành hạ dù bà đã sát sinh rất nhiều khi còn sống. Bà có được sự may mắn đó chính là nhờ đức độ tu hành của con mình đã giúp bà hóa giải những tội lỗi. Từ câu chuyện cảm động đó, người con trai Khmer đến tuổi trưởng thành đều đến chùa tu một thời gian để tạo phước báu cho cha mẹ như một cách báo hiếu công sinh thành dưỡng dục.

2 Việc đi tu của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long không quy định cụ thể thời gian nào, và ai muốn tu bao lâu cũng được, trừ ba tháng nhập hạ từ ngày trăng tròn tháng Asat (tương đương rằm tháng Sáu âm lịch) đến rằm tháng Sráp (tháng Chín âm lịch) là không được vào tu hoặc hoàn tục. Tuy vậy, người Khmer vẫn thường hay tổ chức lễ đi tu vào ngày đầu Tết Chôl Chnăm Thmây (khoảng tháng Năm âm lịch)

Người con trai muốn vào chùa tu đều phải được sự chấp thuận của cha mẹ; nếu đã có vợ phải được vợ đồng ý. Được đi tu phải là người không phạm tội giết người và tội trộm cắp. Gia đình có con đi tu sẽ bàn bạc với các sư để ấn định ngày nhập tu.

Từ vài tháng trước ngày nhập tu, người xin đi tu được cha mẹ cho phép vào chùa gặp các sư xin học thuộc vài bài kinh cơ bản, học cách mặc áo cà-sa, cách lạy cúng, cách đi đứng tới lui. Những điều này được quy định trong kinh *Bakpachiakhanh*. Các vị sư ở chùa sẽ tận tình chỉ dẫn cho người học đạo thực hành đúng theo nghi thức. Thời gian học tùy theo trình độ của người đi tu, từ nửa tháng đến ba tháng. Người đi tu phải tâm nguyện suốt đời thực hiện bốn điều sau đây:

Một là, chỉ dùng những vật dụng của chính mình và đi trì bình khát thực do tín đồ bố thí hoặc người trong phum sóc thỉnh đi và độ tại nhà;

Hai là, mặc y cà-sa do chính mình làm lễ cầu siêu được hoặc do tín đồ dâng cúng;

Ba là, lấy gốc cây hoặc chùa làm nơi tự học;

Bốn là, dùng những thuốc trị bệnh chế bằng sữa tươi, mật ong, nước mía, ...

Sau khi đã thuần thục kinh kệ, nghi thức, người đi tu phải tìm được một vị đỡ đầu gọi là Ôp-bak-chia. Người này phải có đạo đức, tu lâu năm, ít nhất đã qua mười lần nhập hạ, học rộng, có uy tín, nói chuẩn tiếng Pali. Ôp-bak-chia đóng vai trò tế độ cho người sắp nhập tu.

Người đi tu phải có tên tuổi do cha mẹ đặt; phải chuẩn bị những vật dụng: một cái bình bát; một bộ tam y cà-sa: một y để đắp dùng trong những buổi tăng lễ Kathan, lễ lên chúc, lên cấp (từ Sa-di lên Tỳ-kheo chẳng hạn), một y để mặc, một y để mặc dưới thân (xà-rông).

Trước ngày lễ chính thức một ngày, người xin đi tu sẽ phải vào chùa làm lễ cạo đầu (sau này mỗi tháng cạo tóc, râu hai lần vào hai ngày trăng tròn hay hai ngày không trăng), cạo chân mày (người Khmer cho rằng chân mày của đàn ông khi nhướng lên nhướng xuống sẽ báo hiệu cho đàn bà, tiếng Khmer đọc là *nheak an chòm*), thay quần bằng chiếc xà-rông, thay áo bằng một khăn vải trắng được khoác lên vai từ trái sang phải. Tấm vải trắng mới này được gọi là Pênexo; một người khi đã khoác tấm vải trắng này thì có nghĩa là người ấy đã từ bỏ thế tục. Lúc đó người ấy được mọi người gọi là Neak, có nghĩa là rỗng. Theo truyền thuyết, ngày xưa có một con rồng tu luyện thành người và xin được



vào tu theo Đức Phật. Một hôm, khi ngủ trưa bỗng hiện nguyên hình. Môn đệ khác của Đức Phật phát hiện ra liền báo ngay. Đức Phật trực xuất rỗng khỏi hàng môn đệ, vì không phải người thì không được tu. Rỗng khóc lóc van xin, nhưng vì đã là luật nên Đức Phật không thay đổi quyết định. Cuối cùng, rỗng xin Đức Phật ban cho một ý nguyện là sau này những ai bước chân vào tu cũng phải gọi bằng tên tộc là Neak. Từ đó đến nay, từ Neak dùng để gọi nhà sư tương lai và cũng để nhớ đến truyền thuyết trên.

Sau khi tiến hành nghi lễ cạo đầu, đến chiều người ta tổ chức buổi lễ Beân bom buôl. Trong buổi lễ này, gia đình có người đi tu thỉnh các sư đến tụng kinh, thực hiện việc cúng dường Tam bảo và thọ giới theo Phật. Tham dự buổi lễ này có tất cả bà con dòng họ. Lối xóm cũng đến dự rất đông nên đây cũng là dịp để người con trai sắp đi tu gặp gỡ, nói lời chia tay với bà con, bạn bè trước khi vào chùa. Dịp này cũng là cơ hội cho mọi người gửi lời chúc tốt đẹp cho người sắp đi tu. Buổi lễ vì thế diễn ra trong không khí vừa trang nghiêm vừa nhộn nhịp, thân ái. Gia đình có con trai sắp vào chùa tổ chức nhờ những bản nhạc truyền thống có tiết tấu sôi động của đồng bào Khmer tấu lên để tạo không khí.

Sáng hôm sau, khi cơm nước xong, những người

trong gia đình sẽ làm thành một đoàn người đồng đức để cùng diễu hành, đưa con cháu họ đến chùa nhập tu. Đoàn người đông như hội bởi trong đó có cả thân quyến lẫn bè bạn của người đi tu. Trong đoàn, có người mang lễ vật, người cầm ô che nắng, kẻ khiêng trống... vừa đi vừa tấu nhạc hết sức vui nhộn. Theo lệ xưa, phía trước còn có một đoàn người mang mặt nạ chằn, tay cầm gậy, tay cầm gươm vừa nhảy múa như có ý cản đường người đến chùa. Những động tác này mô phỏng từ tích chằn Mâra đem quân cản đường khi Đức Thích-ca đi tu.

Khi đến chùa, đoàn người tiếp tục diễu hành vòng quanh chánh điện của chùa ba vòng rồi mới vào trong làm lễ. Ở trong chánh điện, có vị sư cả, Ôp-bak-chia và 21 vị sư trong chùa chứng kiến buổi lễ. Người đi tu phải trả lời một số câu hỏi của Ôp-bak-chia. Sở dĩ phải có nghi thức này vì xưa kia có con cọp biến thành người vào xin quy y với Đức Phật, với ý đồ phá rối. Đức Phật phát giác được chuyện này. Từ đó, Ngài dặn đệ tử mỗi lần nhận người vào tu phải dò hỏi để tránh điều không hay.

Trả lời xong, người đi tu phải đọc những bài kinh mà mình đã học và trả lời những luật lệ về chùa, chứng kiến điều này là hai vị sư thông kinh luật ở chùa, gọi là Krou Sot. Người nào không thuộc, không nhớ, không

thỏa mãn được những điều chất vấn này sẽ không được nhận vào tu, phải trở về học lại. Còn nếu trả lời lưu loát, người đi tu sẽ nhận được một tên mới do Ôp-bak chia đặt cho mình. Xong, Neak được thay xà-rông và khăn trắng bằng áo cà-sa để chính thức trở thành các ông lục trong chùa. Sư sãi được dân gian gọi chung là ông lục. Người đi tu chịu khó tu học cho đến lúc được thọ giới Sa-di hoặc Tỳ-kheo. Theo giới luật, người đi tu thọ 10 giới cấm là: 1. Không sát sinh; 2. Không trộm cắp; 3. Không tà dâm; 4. Không nói láo; 5. Không uống rượu; 6. Không ăn ngoài bữa; 7. Không nghe đàn coi hát; 8. Không dùng mùi thơm, đồ trang sức; 9. Không ngồi ghế cao và chỗ đẹp; 10. Không cất giữ vàng bạc.

Người mới vào tu nếu chưa quá 20 tuổi thì phải học ở bậc Sa-di, người vào tu lớn hơn 20 tuổi có thể theo bậc Tỳ-kheo nhưng cũng có thể theo bậc Sa-di suốt đời cũng được. Bậc Sa-di còn phải theo 105 giới luật; bậc Tỳ-kheo thọ 227 giới luật.



Trong thời gian các Sa-di, Tỳ-kheo tu trong chùa, gia đình được tới thăm bình thường, nhưng khi thăm hỏi phải giữ một khoảng cách thể hiện sự kính trọng đối với những người tu. Ngoài ra, mỗi tháng các Sa-di, Tỳ-kheo được về thăm nhà một lần nhưng chỉ trong ngày, tối phải về chùa.

Mỗi ngày hai lần vào sáng sớm và chiều tối các nhà sư trẻ tự xét tội mình trước một sư huynh đã tu trước. Có tội, lỗi nhẹ thì phải cung khai rồi hứa không được tái phạm. Nếu là tội nặng phải bái lên sư nhì, sư cả.

Mỗi tháng hai lần vào trước ngày rằm và ngày cuối tháng, các sư họp ở chánh điện nhằm kiểm điểm tội, lỗi của mình trong mười lăm ngày đã qua. Các sư phải tự mình nói ra khuyết điểm của mình để sư nhì, sư cả định đoạt. Ai không thành thật sẽ mang tội nặng. Tội nhẹ thì người phạm lỗi tụng kinh rồi hứa với sư cả không tái phạm. Tội nặng thì chịu hình phạt, có thể là bị lột áo cà-sa đuổi khỏi chùa. Tùy theo từng tội phạm phải mà sư cả định hình phạt. Đối với bậc Sa-di phạm tội chưa đến mức đuổi khỏi chùa thì phải phơi nắng hoặc làm những công việc nặng nhọc, hoặc cấm phải ở riêng không được tiếp xúc với các vị sư khác. Sau khi hết thời hạn phạt, người phạm lỗi phải thọ giới lại như lúc mới vào trước sự chứng kiến của các vị sư cao niên, đức trọng.

Đối với bậc Tỳ-kheo phạm tội nhẹ có thể bị phạt ở riêng không cho tiếp xúc với các sư khác, không được đi "lấy bát" (tức không cho lấy thức ăn), không được dự các nghi lễ trong chùa, không được hưởng các phẩm vật như cà-sa, khăn,... do Phật tử dâng cúng.

Ông lục (tức là nhà sư) không đội nón, đầu luôn để trần nhưng có thể che dù bằng vải trắng hoặc vàng. Đúng theo kinh Phật, nhà sư phải đi chân không; tuy nhiên, để tránh gai góc, nhà sư được đi dép nhưng không được bít phía trước, và phải cùng một màu, dép không được cao quá hai phân tây. Chiếc áo cà-sa của nhà sư phải may bằng nhiều mảnh vải được nhuộm màu vàng tươi hoặc vàng sậm. Sư phải để trần cánh tay mặt, lúc ra đường mới kéo cà-sa choàng lại.

Để tránh sự cám dỗ, khi nhà sư có việc ra ngoài đường phải có sư bạn đi theo. Sư không được vào nhà ai một mình hoặc nói chuyện riêng, cũng không được đi chung đường với người đàn bà khi đường ấy không có bóng người.

Các sư ở chùa đều sinh hoạt theo lịch mà chùa đã quy định như bốn giờ sáng phải lên chánh điện lạy Phật và tụng kinh, sau đó ăn sáng và học kinh, học chữ dân tộc. Thường thì các nhà sư trẻ phải tu từ ba năm trở lên mới học thuộc lòng hết những bài kinh Phật thông dụng. Vì lẽ người đi tu có thể trở về đời sống thế tục bất cứ lúc nào trừ thời gian ba tháng nhập hạ như trên đã nói, cho nên trong thời gian học tập kinh điển ở mức độ ban đầu, các nhà sư mới nhập tu cũng được học về *Ch'bap brôs* - là luật dạy con trai. Luật này có

những nội dung đại khái như sau: *Đừng ỷ là con trai - Cứ tiêu xài không toan tính - Không biết nghĩ đến vợ - Hai bên thuận lòng*. Trong chùa cũng dạy cho người nhập tu về đời sống gia đình. Khi có gia đình thì vợ chồng phải sống hòa thuận, phải tránh xa các thứ phiền toái: *Là con trai chí khí - Phải biết học đạo ở đời - Người ta gọi ba cái điên - Một điên vì rượu - Một điên vì chơi bời - Một điên vì bài bạc*. Nhờ thời gian này mà các nhà sư trẻ mới thạo cung cách của người tu hành: cách ăn, nói, đi, đứng, nằm, ngồi, khi tiếp xúc với đồng bào Phật tử trong phum sóc.

Sau giờ học, các sư chia nhau đi khát thực. Nhà sư Khmer được phép ăn mặn, trừ mười loại thịt cạp, khỉ, mèo, chó, chồn, rắn, voi, ngựa, thỏ, người. Sư được phép dùng bữa cơm từ lúc sáng sớm đến giờ ngọ, còn từ giữa trưa đến chiều tối chỉ được dùng sữa, bánh ngọt, nước giải khát; mục đích là để tiết dục. Nhà sư nào vi phạm sẽ bị tín đồ coi như con quỷ đói lột đi tu. Tất cả sư sãi đều đi khát thực. Theo lời Phật dạy, khát thực không có nghĩa là xin ăn mà là cách nuôi thân một cách chân chính cho những đệ tử xuất gia.

Đến các phum, sóc Khmer, điều đặc biệt là dù làm gì thì làm, vào buổi sáng, những gia đình gần chùa cũng luôn tìm cách nấu cơm sớm để cúng dường cho các vị sư khi họ đi khát thực. Hàng ngày, chuyển đi khát thực diễn ra vào buổi sáng và chấm dứt khoảng từ mười đến mười một giờ trưa.

Chuyển đi khát thực bắt đầu khi có các cậu bé xách cà-mên đi trước và ra tín hiệu cho người dân biết là các nhà sư sắp đến để ai có cúng dường thì chuẩn bị. Kể đến từng nhóm có thể đi nhiều ba bốn sư hoặc ít là sư, thậm chí một sư, tùy thuộc vào sự sắp xếp của nhà chùa và tùy hoàn cảnh mà người đi cũng khác nhau. Riêng về cách thức đi và nhận thức ăn từ bá tánh thì không khác nhau là mấy. Các nhà sư đi chân không, khi đi không ngó qua ngó lại, không nói chuyện, phía trước ngực họ mang cái bình bát được quấn vải khéo léo. Bình bát thường được làm bằng đá, bằng sành, bằng đất sét nung có tráng men bên trong, không được làm bằng những kim loại quý, vì như vậy không đúng phẩm hạnh của người xuất gia.

Trước khi lên đường khát thực, trong lòng các vị sư nguyện rằng: "Nguyện cho các vị Khất giả thầy đều được no đủ và nguyện cho các thí chủ thầy đều được phước báu vô lượng. Như nay tôi được món ăn là dùng để điều trị cái thân độc hại này, để tu tập thiện pháp, lợi ích cho thí chủ". Mặt khác, khi đi khát thực, họ phải giữ tâm bình đẳng, nghĩa là theo thứ tự nhà của dân, không chỉ đến nơi nhà giàu mà cũng không chỉ nơi nhà nghèo. Đức Phật đã nhấn mạnh: "Chỉ khi nào thân tâm được điều phục, thực hành chánh niệm và phòng hộ các căn thì mới đi vào làng khát thực".

Khi các nhà sư đến, họ sẽ đứng thành một hàng ngang, lúc này sẽ có một người trong nhà mang thức

ăn ra. Nếu là cơm thì vị sư sẽ vén tay áo và đưa bình bát ra để nhận lấy, nếu là đồ ăn thì họ sẽ cho vào cà-mên của chú bé đi theo. Lúc này, cơm sẽ được chia đều cho tất cả các nhà sư, nhưng trước khi cho cơm vào bình bát, người cho sẽ xá một xá, sót cho mấy người thì xá mấy cái, với thức ăn thì cũng tương tự vậy.

Phật tử thường không bới cơm để sẵn mà để trong nồi cho nóng hoặc hâm lại rồi mới đem ra cúng. Đặc biệt, họ chỉ cúng những thức ăn đã được nấu sẵn, không cúng những thức ăn chưa làm thành món, chẳng hạn như cúng cơm chứ không cúng gạo, cúng rau luộc chứ không cúng rau sống. Và việc cúng nhiều hay ít, ngon hay dở tùy thuộc vào khả năng của từng gia đình. Và lại, không nhất thiết phải mỗi ngày mỗi cúng, lâu lâu cúng một lần cũng được. Còn khi muốn cúng nhưng các nhà sư đi ngang lại làm đồ ăn không kịp thì cũng không sao, cứ đợi khi họ quay ngược trở về rồi cúng cũng được.

Mỗi khi khát thực xong, các vị sư sẽ trở về chùa để ăn trước khi mặt trời đứng bóng, và đó cũng là bữa ăn duy nhất trong ngày của họ. Khi dùng thức ăn, các vị sư không xem đó là việc hưởng thụ mà đơn giản chỉ là có cái gì đó để duy trì sự sống mà tu hành, không được ham cầu cho nhiều vì như vậy sẽ phá vỡ thiện niệm của họ. Sau bữa ăn, các vị ngồi nghỉ trong chốc lát rồi tiến hành thiền định.

Trong trường hợp ngày hôm đó không có ai cúng thì họ cũng sẵn sàng chấp nhận trở về với bình bát không và sẽ không ăn ngày hôm đó. Nhưng tình huống ấy gần như không xảy ra, chỉ có điều người dân cúng ít hay nhiều mà thôi. Thậm chí, những lúc trời mưa gió, các nhà sư không đi khát thực được thì dân còn mang cơm vào chùa cho họ dùng. Trừ bốn ngày trong tháng (mùng tám, rằm, hai mươi ba, ba mươi) có người dâng cơm vào chùa, còn lại các ngày khác, ngày nào cũng vậy các vị sư luân phiên đi khát thực.

Việc đi khát thực không chỉ mang ý nghĩa thuần túy là "cho và nhận" mà nó còn góp phần giáo hóa con người, qua đó thể hiện sự nhiệm mầu của triết lý nhà Phật.

3 Ý nghĩa lớn nhất của việc đi tu báo hiếu không phải để người tu trở thành Phật mà để thành người. Theo quan niệm của người Khmer trước kia và bây giờ vẫn vậy, việc tu là chuẩn bị cho người thanh niên có đủ đạo đức, kiến thức, lòng nhân ái để sau khi rời chùa sẽ biết cách xây dựng một cuộc sống tốt đẹp, ý nghĩa. Bởi việc tu học ở chùa, dưới sự chỉ dạy của các vị sư có tâm, có kiến thức là một cơ hội tốt để cho họ có được chữ nghĩa, đạo lý và rèn luyện đức hạnh.

Việc tu báo hiếu để người tu tùy duyên gần bó với nhà chùa, có thể tu vài năm, vài tháng, vài ngày, thậm chí chỉ một ngày. Nhưng nhất định người con trai dân tộc Khmer phải trải qua thời gian tu mới được cộng đồng chấp nhận. ■



Tình yêu lứa đôi dưới góc nhìn Phật giáo

THÁI VĂN ANH

Mỗi con người sinh ra trên cuộc đời đều có nhu cầu yêu đương và mong muốn có được một tình yêu cao đẹp, bền vững. Không phân biệt đó là giới tính, tôn giáo, giai cấp, hay địa vị xã hội; con người ta khi sinh ra lớn lên ai cũng mong muốn tìm thấy một nửa kia của mình để từ đó xây dựng ngôi nhà hạnh phúc có tình yêu và những đứa trẻ. Có thể nói hành trình đi tìm một nửa kia là một trong những công việc khó khăn, phức tạp và tốn lao nhất trong cuộc đời của mỗi người. Và phải chăng cũng vì thế mà tình yêu đã, đang và sẽ mãi là những đề tài hay, hấp dẫn, thâm nhập vào mọi ngõ ngách của cuộc sống ở mọi thời đại. Phật giáo, một tôn giáo được mệnh danh là tôn giáo của mọi thời đại, đã đồng hành cùng với lịch sử nhân loại hơn 2.500 năm qua có quan điểm như thế nào về tình yêu lứa đôi? Bài viết dưới đây sẽ giúp người đọc hiểu rõ hơn về tình yêu lứa đôi theo quan điểm Phật giáo.

Mục đích cuối cùng của Phật giáo là hướng con người đến sự giác ngộ, giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Và để đi đến điểm đích cuối cùng đó, những người theo đạo Phật có hai thành phần. Thành phần thứ nhất là những ai muốn đi nhanh, đi đúng đường và có ý chí, nghị lực cao, cũng như có tâm từ bi lớn thì chọn con đường xuất gia. Những người này sống độc thân, không lập gia đình, không hưởng thụ khoái lạc lục dục của thế gian. Đời sống độc thân như vậy đã mang lại nhiều ý nghĩa thực tiễn cho sự tu tập và phụng sự đạo pháp, chúng sanh. Điều này không có nghĩa đạo Phật phản đối tình yêu, chỉ vì một người lập gia đình thường bận bịu cuộc mưu sinh nên có rất ít tự do và thời gian để theo đuổi đời sống tâm linh; chính vì thế, giới luật nghiêm cấm người xuất gia có đời sống vợ chồng. Thành phần thứ hai là những người sống đời sống phàm tục có gia đình và con cái; họ sống và làm việc cùng với các hoạt động chung của xã hội. Tuy nhiên

họ là những người quy y Tam bảo nên đời sống của họ còn áp dụng thêm những tiêu chuẩn đạo đức mà Phật giáo quy định để giúp cuộc sống và tâm linh của họ ngày càng thăng hoa.

Mỗi khi nói về đạo Phật thì người ta thường chỉ nghĩ đến những người xuất gia, nên thường cho rằng tình yêu là lĩnh vực ít được đề cập và phân vân không biết Phật giáo có nói gì về vấn đề này hay không. Thực tế, Phật giáo đã xác lập vấn đề này một cách rõ ràng, cụ thể qua các bản kinh Nguyên thủy về việc thiết lập quan hệ tình cảm nam nữ, tình yêu đôi lứa, tình nghĩa vợ chồng ngay trong đời sống hiện thực. Mục đích của việc xác lập này nhằm xây dựng một đời sống hướng thượng, gia đình hạnh phúc của giới Phật tử tại gia trong đời này và nhiều đời sau.

Mở đầu kinh *Tăng Chi*, bài Nữ sắc, Phật nói về vấn đề quan hệ tình cảm nam nữ: *"Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như sắc người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, sắc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông"*. Rồi Phật nói tiếp: *"Ta không thấy một tiếng nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như tiếng người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, tiếng người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông"*. *"Ta không thấy một hương, ... một vị... một xúc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như hương, vị, xúc người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, hương, vị, xúc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông..."*.

Có thể hiểu một cách đơn giản, hương là mùi hương, vị là vị nếm, xúc là tiếp xúc. Người nam thích những điều ấy từ người nữ. Ngược lại, trong quan hệ nam nữ, người nữ cũng cần những điều ấy từ người nam, cho nên Phật nói tiếp: *"Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như sắc người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, sắc người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà"*. Phật lại tiếp tục diễn trình về tiếng, hương, vị, xúc... của người nam cũng xâm chiếm và ngự trị tâm người nữ, được người nữ ưa thích và ham muốn. Như vậy, Đức Phật nhận định sự biểu lộ tình cảm, quan hệ yêu đương giữa nam và nữ nhìn từ hình dáng bên ngoài do sự khác biệt về giới tính mà nam và nữ hấp dẫn lẫn nhau, bị thu hút với nhau không những bằng sắc đẹp, mà còn bằng âm thanh, mùi hương, vị nếm, tiếp xúc và tìm đến với nhau qua con đường tình cảm yêu thương.

Tất nhiên, những điều được Đức Phật nói ra trong bài Nữ sắc thuộc kinh *Tăng Chi* như nêu trên là lời cảnh giác của Ngài đối với các bậc xuất gia. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng thấy nhận định của Đức Phật về tình cảm mà người nam và người nữ dành cho nhau rất thực tế. Không một đối tượng nào trong thế gian này lại thu hút sự chú ý của người nam hơn là người nữ. Cùng lúc ấy, sự thu hút chính đối với người nữ lại là người nam. Theo bản năng tự nhiên có nghĩa là người nam và người nữ đem lại cho nhau lạc thú trần tục; họ

không thể đạt được hạnh phúc này ở những đối tượng khác. Những quan hệ như vậy dẫn đến tình cảm lứa đôi, sau cùng đi đến hôn nhân, thiết lập một đời sống gia đình là chuyện bình thường và rất tự nhiên.

Đạo Phật không hề ngăn cấm tình yêu nam nữ bởi lẽ con người đang sống trong cõi Dục giới, đầy khát ái, nam nữ đến với nhau để xây dựng gia đình, duy trì nòi giống, đó là nghiệp lực của con người. Nói vậy không có nghĩa con người thích yêu như thế nào cũng được; học thuyết Nhân quả - Nghiệp báo của đạo Phật khẳng định con người là chủ nhân ông của nghiệp, là người chịu trách nhiệm trước những nghiệp đã gây tạo, và nghiệp là thai tạng. Cho nên, đạo Phật dạy con người phải nhận thức đúng đắn, có thái độ sống và hành vi ứng xử đúng mực, không nên tà dâm. Điều này có nghĩa là người Phật tử thì không nên có quan hệ nam nữ hay biểu lộ tình cảm không chính đáng, làm đổ vỡ hạnh phúc của mình và của người khác, mang tiếng xấu cho mình và cho gia đình. Làm được như vậy sẽ bảo vệ quyền được hạnh phúc của con người, xã hội nhờ đó trở nên văn minh, tiến bộ và không ngừng phát triển. Chính vì thế mà giới thứ ba trong năm giới của người tại gia là không được phép có những quan hệ nam nữ không chính đáng.

Tình yêu nam nữ cũng như mọi thứ tình cảm khác có mặt trên cuộc đời, theo Phật giáo cũng cần được chăm sóc và vun bồi. Vì tình yêu là nghiệp ái của mình và bản chất của nó là trói buộc và vị kỷ nên hạnh phúc lứa đôi tuy có, nhưng mong manh dễ vỡ. Tình yêu phải được nâng niu, trân quý và gìn giữ suốt cả cuộc đời mới mong bền vững, hạnh phúc. Nuôi dưỡng tình yêu không phải mãi nghĩ về người yêu mà còn học cách tu dưỡng đạo đức, sống chân thành, hiểu biết, chia sẻ và yêu thương hết lòng với người mình thương.

Nói tóm lại, đạo Phật không khuyến cáo, lại càng không bắt buộc các Phật tử phải tránh mọi quan hệ nam nữ, tình yêu lứa đôi, sinh hoạt chăn gối trong đời sống vợ chồng. Đạo Phật chỉ khuyến khích con người tìm đến những hạnh phúc chân thật hơn, cao cả hơn, lâu bền hơn. Đó là niềm vui sống đạo đức, niềm vui không vị kỷ, trải lòng từ với mọi người, niềm vui của đời sống thuần thiện thanh cao không bị dục nhiễm và cuối cùng là niềm vui của sự đoạn trừ tham ái, ly si tức là an vui giải thoát. ■

Thư mục tham khảo:

1. *Kinh Tăng Chi, phẩm thứ nhất*, NXB Tôn Giáo, 1999.
2. *Đạo đức học Phật giáo*, Thích Nguyên Thiện, NXB Tôn Giáo, 2000.
3. *Tuổi trẻ, tình yêu, lý tưởng*; Thích Nhất Hạnh, NXB Lá Bối, 2001.
4. *Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính*, PGSTS. Bùi Ngọc Oánh, NXB Giáo Dục, 2006.
5. *Quan điểm của Đức Phật về giới tính*, Thích Phước Đạt, bài đăng trên giacngo.vn.

Tầm thanh cứu khổ

DIỆU THIÊN

Hôm nay tôi đến nhà ông Ba C. là thủ quỹ Hội Khuyến học xã giáp ranh xã nhà để trả số tiền đã vay phục vụ cho việc học tập của tôi cách nay hơn năm năm. Ông ấy vui vẻ tiếp chuyện, chúc mừng tôi đã thành công trong học tập và có được việc làm ổn định. Sau khi giao đủ số tiền theo sổ sách, tôi lấy gói quà mang theo tặng cho ông để tỏ lòng biết ơn. Nhưng ông ấy rầy tôi bày chuyện cho tốn kém; ông nói ông không thiếu gì cả, chỉ cần sinh viên vay tiền học hành có kết quả tốt, ra trường có việc làm là đã tặng ông món quà quý nhất rồi. Biết có nói nữa ông ấy cũng không nhận, tôi đành cất lại gói quà, sau đó nán lại định nói chuyện tiếp với ông thì có một người dắt con đến xin vay tiền của Hội Khuyến học. Nhìn ông Ba C. tiếp đơn và hứa sẽ nhanh chóng đến tận nhà xem xét để giải quyết, tôi thán phục cách làm việc khoa học, nhiệt tình và nhanh nhẹn của ông ấy. Ít có ai ở tuổi trên tám mươi mà có được thể trạng và tâm thần tốt như ông ấy.

Trên đường về, tôi ghé viếng chùa HG - ngôi chùa mà tại đó nhờ duyên lành đưa đến, cuộc đời tôi mới có được sự thay đổi sáng sủa như ngày hôm nay. Sau khi lạy Phật và cúng dường Tam bảo xong, tôi ra ngoài sân chùa lạy tượng Bồ-tát Quán Thế Âm lộ thiên. Quỳ dưới chân tượng của Ngài, tôi thấy tâm hồn mình bình an và biết ơn vô vàn. Mùi hoa sa-la thoang thoảng lẫn hương trầm dịu dịu như đưa tôi về dĩ vãng...

Có thể nói cuộc đời tôi như sinh ra vào ngôi sao xấu; tuy rằng lúc ấu thơ tôi cũng được sống trong vòng tay rắn chắc của cha, sự chăm sóc dịu dàng của mẹ, nhưng khoảng thời gian hạnh phúc đó rất ngắn ngủi. Tai họa đã ập đến gia đình tôi trong một buổi chiều. Cha tôi bị tai nạn lao động khi đang làm việc trên công trường; dù cha tôi thoát chết nhưng sau thời gian điều trị kéo dài, rất tốn kém, ông vẫn bị tàn phế, liệt cả hai chân. Lúc trước, kinh tế gia đình đều trông cậy vào sức lao động của cha tôi, mẹ tôi chỉ quần quanh chuyện bếp núc; bây giờ mất đi chỗ nương nhờ đó, cả nhà lâm vào cảnh khốn

cùng; gánh nặng cơm áo gạo tiền chỉ còn một mình mẹ tôi gánh vác. Cứ trời vừa mờ sáng, mẹ tôi đã phải đi làm, tối mịt mới về. Tôi và đứa em, ngoài giờ đi học thay nhau gánh vác việc nhà, hái rau, bắt ốc, chăm sóc người cha tàn tật. Với sức đàn bà, mẹ tôi dù làm việc rất vất vả nhưng chỉ kiếm được ít tiền, lại phải chi tiền thuốc thang hàng ngày cho cha tôi, nên sinh hoạt gia đình rất chật vật, ăn uống kham khổ khiến ai nấy đều xanh xao vàng vọt; tôi thường xuyên vào lớp học với cái bụng lép xẹp, gần tới mười giờ là bụng sôi réo âm ỉ, hoa mắt chóng mặt thường xuyên. Do thiếu chất khiến người tôi lúc nào cũng ảm đạm, lặng lẽ. Bạn cùng lớp nói tôi có khuôn mặt của người côi âm; đâu có ai thấu hiểu hoàn cảnh nghèo đói của tôi. Thấy hoàn cảnh gia đình ngày càng bi đát, tôi bàn với mẹ và cha cho tôi nghỉ học, đi làm thuê để kiếm tiền phụ lo với mẹ, nhưng cả hai người đều cương quyết không đồng ý. Mẹ tôi bảo chỉ có con đường học vấn mới có thể giúp gia đình thoát khỏi cảnh nghèo khổ; nếu tôi nghỉ học là tất cả phải sống mãi trong cảnh bần hàn. Học, mẹ tôi nhấn mạnh, dù khổ đến đâu cũng không được bỏ học.

Mẹ tôi vốn là một Phật tử. Khi cha tôi còn khỏe mạnh, mẹ tôi thường dắt hai chị em chúng tôi đi chùa; tôi quy y Tam bảo tại chùa HG - ngôi chùa cổ của xã nhà. Từ ngày gia cảnh sa sút, bận bịu tối mịt vì công việc, mẹ tôi thỉnh thoảng mới đi chùa nhưng những ngày rằm lớn mẹ tôi vẫn mua hoa quả về nhà cúng Phật và ăn chay. Mẹ tôi thường bảo chúng tôi, lạy Phật, Bồ-tát, tụng kinh sẽ được nhiều phước trong đó có phước sáng suốt, học giỏi. Chúng tôi rất tin lời mẹ dạy, mỗi đêm đều thắp hương cầu nguyện Phật, Bồ-tát phù hộ mình và gia đình. Đặc biệt đối với Bồ-tát Quán Thế Âm, tôi xem Ngài như người mẹ thứ hai, hay tâm sự kể lể với Bồ-tát đủ thứ chuyện, đủ thứ ước mơ từ thời con trẻ đến tuổi thanh niên.

Thời gian trôi qua nhanh, nhờ Phật, Bồ-tát phù hộ và sự cố gắng của bản thân, năm nào tôi cũng đạt học sinh giỏi. Cứ đến cuối năm, mỗi lần được phát thưởng,

nhìn bạn bè có cha mẹ hân hoan đi dự lễ, tôi thầm tủi thân; cha thì nằm một chỗ, mẹ thì sáng sớm đã đi làm mượn tiền, có rảnh đâu mà đến tham dự. Cứ như thế, trong cái nghèo, cái đói, tôi đã vượt qua để đạt kết quả học sinh tốt nghiệp cấp ba loại giỏi. Rồi đến kỳ thi vào đại học và cao đẳng, tôi đăng ký thi vào một trường đại học ở TP.HCM và một trường cao đẳng tỉnh nhà. Mẹ tôi phải chạy vay, vay mượn nhiều nơi mới có đủ tiền cho tôi lặn lội đi ứng thí và kết quả là tôi đều đậu hết hai trường đã đăng ký. Khi nhận giấy báo nhập học của trường đại học, qua thông báo các chi phí học tập và hỏi thăm các khoản chi ăn ở, mẹ tôi bấy giờ phải lắc đầu chịu thua. Bà bảo không cách nào lo nổi cho tôi theo học đại học ở thành phố; mẹ tôi nói thôi thì học chỗ trường gần nhà cho ít tốn kém. Tôi cũng hiểu được nỗi lòng của mẹ và biết quá rõ về hoàn cảnh kinh tế của gia đình nên đành chấp nhận học ở địa phương nhưng trong lòng tôi buồn vô hạn. Biết bao bạn bè trang lứa mong được cầm tờ giấy báo nhập học đại học như tôi mà chẳng được, còn tôi có được thì đành phải bỏ vì cảnh nghèo.

Đêm đó, khi thắp hương cúng lạy Phật và Bồ-tát, tôi vừa khấn nguyện vừa chảy nước mắt vì tủi phận không may. Tôi thì thầm kể lẽ chuyện buồn của mình cho Bồ-tát Quán Thế Âm nghe như đã từng kể đủ thứ chuyện từ trước đến nay. Qua khói hương mờ mờ, tôi thấy đôi mắt tượng Bồ-tát như nhìn tôi với một nét dịu dàng, thương cảm. Đêm đó, tôi ngủ rất say, nằm mơ thấy mình đang bước đi trên con đường mờ mịt sương khói, không biết đang ở đâu nên lòng tôi hết sức sợ hãi; bỗng có một người đàn bà mặc bộ đồ trắng tinh đến nắm tay tôi bảo theo bà, không hiểu sao tôi hết sức tin tưởng, lặng lẽ theo bà ấy đến tận cổng một ngôi chùa sau đó dừng chân trước hồ sen, hồ sen nở rất nhiều hoa, người đàn bà đó ngắt một đóa sen hồng đang nở trao cho tôi rồi đột ngột biến mất. Tôi giật mình tỉnh giấc, lòng thấy rất vui vì giấc mộng lành. Phải chăng người đàn bà mặc bộ đồ trắng là Đức Bồ-tát Quán Thế Âm đến để mách bảo tôi điều gì đó, tôi thầm nghĩ như vậy, sau đó lại ngủ tiếp một giấc ngủ êm đềm, không mộng mị.

Sáng hôm sau, tôi đến trường rút hồ sơ để nộp vào trường chuyên nghiệp tại tỉnh nhà và tranh thủ viếng chùa HG để lạy Phật và cầu nguyện cho việc học hành của mình và gia đình được yên ổn. Khi đến nơi, lúc đó chùa vắng khách, chỉ có một người phụ nữ đứng tuổi đang ngồi nói chuyện với ni sư trụ trì. Sau khi đến chào hỏi sư cô, lạy Phật, cúng dường xong, tôi ra sân chùa lạy tượng Bồ-tát Quán Thế Âm lộ thiên. Lạy xong, tôi đến ngồi dưới tán cây sa-la gần tượng Bồ-tát; những lo âu, suy nghĩ về cuộc sống hàng ngày như tan biến khỏi tâm trí khiến tôi có cảm giác thanh thản kỳ lạ. Đang suy nghĩ vơ vẩn, bỗng cô trụ trì cho người bảo tôi vào uống nước và bàn chút chuyện. Vốn quá quen thuộc với ni





sư từ nhỏ, tôi nhanh chóng trở vào hầu chuyện. Ni sư trụ trì cho biết, vị khách ngồi cùng bàn biết chuyện tôi học giỏi mà gặp khó khăn, cô ấy muốn hỏi thêm một số việc để giúp đỡ. Nhìn nét mặt đôn hậu nhưng sắc sảo của một người thành đạt, tôi tin tưởng, kể rõ hoàn cảnh gia đình và việc gặp khó khăn trong đường học tập của mình. Cô ấy chăm chú lắng nghe, sau đó hỏi địa chỉ của gia đình tôi rồi dặn dò tôi mấy lần không được từ bỏ việc học ở trường đại học. Cô ấy nói sẽ nhanh chóng nhờ người đến giúp, sau đó cáo từ ni sư trụ trì ra về. Tôi đứng nhìn theo cô ấy, nhớ lại giấc mơ đêm qua, ngỡ ngàng tự hỏi đây là mơ hay thực.

Ngày hôm sau, khi tôi đang dọn cơm cho cha ăn thì có khách tới tìm, đó là ông Ba C., ông ấy vừa lau mồ hôi trán vừa hỏi tên cha tôi và tôi. Ông bảo nhà tôi khó tìm quá, ông lại bảo mình đại diện cho Hội Khuyến học của xã giáp ranh xã nhà, đến tìm để bàn về vấn đề hỗ trợ cho tôi đi học đại học theo sự ủy thác của nhà tài trợ của hội. Cha tôi và tôi rất vui mừng khi biết chuyện này. Trước kia tôi xem TV thấy trên đài truyền hình VTV1 có phát sóng hẳn một đoạn thời sự về Hội Khuyến học này, nhưng vì khác xã nên tôi không nghĩ hội này có thể giúp đỡ mình. Hôm nay, chính người đại diện hội tự tìm đến gợi ý giúp đỡ thì còn gì vui mừng hơn. Sau khi nghe tôi trình bày rõ ràng hoàn cảnh, ông Ba C. bảo tôi làm đơn xin vay tiền sau khi đã tính toán cụ thể các chi phí phục vụ cho việc học tập và ăn ở. Ông cho biết số tiền vay này sẽ được cung cấp đầy đủ theo yêu cầu; chẳng những thế, người vay sau khi ra trường, có công ăn, chuyện làm ổn định mới phải trả từ từ, không tính lãi. Ngoài ra, ông còn nói sẽ xuất tiền túi ra cho tôi ăn bánh hàng ngày để có sức học tập. Ông bảo, nhìn cháu mệt quá, ăn uống thiếu thốn là không trụ nổi với việc học nặng nề ở đại học đâu!

Tối đến, khi biết chuyện tôi được tài trợ để đi học đại học, mẹ tôi chảy nước mắt vì mừng. Đã có cơ hội thoát khổ rồi ông ơi, mẹ tôi vừa xoa bóp chân cha tôi vừa phấn khởi nói. Tôi lặng lẽ đến bàn thờ Phật, thấp nén hương thắp tạ ơn Phật và Bồ-tát đã xui khiến cho tôi gặp vị mệnh thường quân nên mới được giúp đỡ như hôm nay.

Một thời gian sau, nhờ có sự hỗ trợ kịp thời của Hội Khuyến học, tôi đã đăng hoàng ngồi trong giảng đường đại học ở TP.HCM. Biết vận mệnh cả gia đình đặt vào việc học của tôi, cộng với lòng mong muốn báo đáp ơn nghĩa đối với Phật, Bồ-tát và những người ra tay cứu mang, giúp đỡ mình, đặc biệt là sự dìu dắt chí tình của ông Ba C., tôi đã miệt mài học tập không nề gian khổ nên luôn đạt thành tích tốt. Có bạn thấy tôi cứ găm đầu mà học, chẳng chịu chơi bời, họ mắng tôi là con mọt sách. Mặc kệ, ai nói gì thì nói, tôi cứ một đường chăm chỉ học.

Trong thời gian tôi ngồi học ở giảng đường, gia đình tôi đã có nhiều thay đổi. Nhờ sự giới thiệu của ông Ba C., mẹ tôi đã đến một công ty chuyên sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, nhận hàng về gia công, công việc nhẹ nhàng nhưng cho thu nhập ổn định; không phải bỏ nhà đi suốt ngày như lúc trước, mẹ tôi có thời gian chăm sóc cha tôi nhiều hơn. Sức khỏe của cha tôi ngày càng tốt lên, có thể phụ giúp mẹ tôi công việc gia công hàng. Chính quyền xã nhà đã xây dựng cho gia đình chúng tôi một căn nhà tình thương, vách tường, mái tôn chắc chắn. Ông Ba C. thỉnh thoảng lại đạp xe đạp sang nhà tôi thăm viếng, cho quà cha tôi và em tôi. Có lần ông khệ nệ mang vào cả giỏ đồ hộp, bảo có người em gởi cho, ông đem chia bớt cho gia đình tôi. Ông ấy đúng là ông Bụt giữa đời thường, toàn lo chuyện giúp đời.

Thời gian trôi qua nhanh, sau bao nỗ lực học tập, tôi đã tốt nghiệp ra trường với bằng cấp ưu hạng, tôi đã tìm được việc làm với mức lương khá cao. Nhờ có tiền, tôi đã đưa em tôi lên thành phố học tập, con bé năm nay sẽ thi đại học, nó học rất giỏi và chăm chỉ. Hy vọng nó cũng đỗ đạt để khỏi phụ lòng cha mẹ và những người đã giúp chúng tôi học hành tới nơi, tới chốn....

Tiếng đại hồng chung vang rền khiến tôi giật mình thức tỉnh, vội trở vào chào tạm biệt ni sư trụ trì rồi trở về nhà. Trước khi rời chùa, tôi chấp tay xá tượng Bồ-tát Quán Thế Âm lần nữa, đôi mắt từ pho tượng như vừa nhìn tôi dịu dàng, như vừa lắng nghe, đôi tìm những số phận không may đang cầu mong được giúp đỡ. Tôi trầm nghĩ, cuộc đời tôi nhờ hết lòng tin kính Phật pháp, tin tưởng vào năng lực ban vui cứu khổ của Bồ-tát Quán Thế Âm nên mới được như ngày hôm nay. Năng lực tâm thanh cứu khổ của Bồ-tát là năng lực không thể nghĩ bàn, chỉ cần có tấm lòng thiết tha tin tưởng vào oai lực đó, tin tưởng và sống theo lời Phật dạy, chắc chắn sẽ được Bồ-tát đến giúp khi gặp khổ nạn. ■

Đoàn khất thực của Hệ phái Khất sĩ

Bài & ảnh: TRÍ BỬU

Sáng 28-2-2014, ngày thứ ba của chương trình Đại lễ Tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng, sau khi vượt hơn 500km đường bộ, chiếc xe ô-tô mười sáu chỗ đã đưa đoàn chư tôn đức và Phật tử chùa Từ Tôn (đảo Hòn Đỏ) Nha Trang, Khánh Hòa vào tham dự.

Ngay lúc ánh bình minh vừa ló dạng, có thể nói là mọi nẻo đường dẫn đến Pháp viện Minh Đăng Quang, tọa lạc tại số 505 Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, quận 2, TP.HCM vào buổi sáng hôm ấy, đã chật kín cả người; vì các bậc tôn túc, chư Tăng Ni và Phật tử từ khắp mọi miền đất nước đều vân tập về dự lễ.

Ấn tượng đầu tiên là quang cảnh Pháp viện Minh Đăng Quang thật lung linh, huyền ảo. Đèn hoa rực rỡ, cờ ngũ sắc tung bay, cùng một thảm y vàng của hàng ngàn bậc xuất gia nổi bật trên nền áo lam của hàng vạn Phật tử.

Sau khi vào Đại hùng bửu điện đánh lễ Phật, đánh lễ Tổ sư, chúng tôi chọn một vị trí thích hợp để từ đó có thể ngắm nhìn toàn cảnh Pháp viện Minh Đăng Quang ngày đại lễ. Chỉ hơn nửa thế kỷ qua, thế mà hôm nay Hệ phái Khất sĩ đã có một Pháp viện, một Tổ đường uy nghiêm, hoành tráng tầm cỡ nhất nhì của Phật giáo cả nước. Chợt có tiếng người nói: "Hệ phái Khất sĩ đi sau về trước". Thật đúng, quay đầu là bờ, "hốt nhiên đại ngộ".

Đúng 6g30, loa phóng thanh vang lên truyền đi lời vị Thượng tọa xướng ngôn viên điều phối chương trình buổi lễ. Ông nhẹ nhàng nhắc nhở đại chúng, rằng ngày xưa khi Đức Phật còn tại thế, Ngài nói pháp cho 1.250 đệ tử nghe, không phương tiện phóng thanh, không hô hào, không nhắc nhở, thế mà ngàn người như một, với tất cả tấm lòng thành kính, trang nghiêm, lắng lòng, im lặng, lắng nghe; vậy thì, hôm nay, để tưởng niệm công đức cao dày của Tổ sư, mỗi người con Phật chúng ta hãy cố gắng thực hiện được như vậy!

Chưa đến 7g00, nhưng những dòng người từ các nơi kéo về đứng ken chặt dọc đường vào cổng Pháp viện. Hai hàng Phật tử trang nghiêm hai bên đường sẵn sàng cung đón, đánh lễ chư tôn đức Tăng Ni trì bình khất thực và dâng phẩm vật cúng dường với tất cả tấm lòng thành kính. Không ai bảo ai, khi đoàn khất thực đi đến tất cả đều quỳ xuống đánh lễ hết sức cung kính. Khung cảnh đoàn chư tôn đức Tăng Ni Hệ phái Khất sĩ trì bình khất thực với đầu trần, chân đất đã tái hiện bức tranh truyền thống của Tăng đoàn thời Đức Phật còn tại thế cách đây



trên hai ngàn năm trăm năm: một buổi sáng nọ, Đức Phật trở về cố quốc xứ Ca-tỳ-la-vệ, Ngài cùng 1.250 vị Tỳ-kheo vào thành, mỗi người đều lặng lẽ ôm bình bát...

Được biết đoàn khất thực hôm ấy có sự tham gia của trên 1.500 vị Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni thuộc Hệ phái Khất sĩ, là thành viên của sáu giáo đoàn Tăng và một giáo đoàn Ni trên khắp mọi miền đất nước, có cả những vị niên cao lập trọng. Đây là dịp để toàn Hệ phái Khất sĩ bày tỏ lòng tưởng nhớ và tri ân Tổ sư Minh Đăng Quang, người đã khai lập Hệ phái Khất sĩ Việt Nam với chí nguyện "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp".

Đoàn khất thực đi theo các tuyến đường vành đai xung quanh phần diện tích khu đất nơi Pháp viện Minh Đăng Quang tọa lạc. Sau một tiếng rưỡi đồng hồ, vào lúc 8g30 đoàn đã quay về Pháp viện Minh Đăng Quang trong niềm xúc động chân thành của những người con Phật đã được chứng kiến quang cảnh trang nghiêm như tái dựng hoạt động của Tăng đoàn thời nguyên thủy... ■



Một thoáng tỉnh thức

VÕ VĂN LÂN

Người bạn tôi cư trú ở nước ngoài. Bao năm xa quê, anh vẫn thao thức một chuyến trở về; nhưng cuộc sống vốn thành nếp, anh rất ngại đi xa. Bỗng được tin đất nhà cha mẹ để lại ở quê mà lâu nay người em của anh ở bị sang tên đổi chủ. Anh sững sốt như tin sét đánh. Gọi điện về nhà, người em đã không trả lời cụ thể mà chỉ vòng vo “Mọi thứ đã đổi thay, các anh không về mà thấy... Đất đai ruộng nương quy hoạch xây dựng... Ai cũng đổi đất cất nhà. Các anh chỉ lo vun quén gia đình con cái không đoái hoài mồ mả, quê hương... rồi nghe người ta nói này nói nọ!”. Anh càng giận hơn, trầm nghĩ, “Thằng em học hành tuy không nhiều nhưng cũng đủ để... biết phải trái, không hiểu cứ sao lại đến nỗi? Bao năm ở nhà hương hỏa không ơn nghĩa còn giữ giọng!”. Nhưng chưa kịp nói bên kia đã cúp máy khiến anh giận run cả người, muốn về ngay hỏi cho ra lẽ và cho đứa em bài học vỡ lòng về đạo lý.

“Chỉ có nước phải về...”. Ý định thôi thúc khiến anh quên cả hiện tình sức khỏe, tuổi tác...!

Bước chân xuống sân bay, tường tận mặt mũi quê hương sau bao năm xa cách. Bao bồi hồi xúc động... Con đường hàng cây ngày ngày hai lần đến trường. Con đò, cây cầu bắc qua sông bốn mùa mưa nắng sáng chiều đi lại... Bao nôn nao! Nhưng niềm vui chưa trọn thì lòng quặn thắt khi đặt chân về chốn cũ, mảnh vườn ngôi nhà xưa nơi lưu dấu bao kỷ niệm thời ấu thơ đoàn tụ bên cha mẹ anh chị em. Ngôi nhà giờ đây vắng vẻ hoang tàn cổng khóa im ỉm và hàng rào lưới B.40 ngăn hai khu vườn như cắt xé lòng anh. Bên kia là ngôi nhà mái ngói đỏ chói ngạo nghễ như thách thức anh. Anh đoán là nhà đứa em và cơn giận bùng bùng, chân run không còn đứng vững.

Vợ chồng người em đơn đả ra chào hỏi nhưng cử chỉ cứ lúng ta lúng túng không che giấu được sự gượng gạo. Anh không giữ được bình tĩnh đến quên đáp lại lời chào hỏi của người em dâu và nôn nóng đặt thẳng



vấn đề với đứa em. Người em ấp úng cho là không gì thay đổi, chẳng qua tình hình chung nên phải tạm tách hai vườn. Không khí nặng nề phủ trùm lên mối quan hệ anh em lâu ngày gặp nhau lại càng trở nên ngột ngạt khi cậu thanh niên, đứa con trai của người em xuất hiện. Hai vợ chồng rút lui giao cho đứa con đối phó. Cậu ta to tiếng cố áp đảo bác mình. Không ai còn kìm được nóng nảy, lời qua tiếng lại chẳng ai chịu nghe ai. Bầu không khí trở nên căng thẳng và đụng độ suýt xảy ra giữa hai bác cháu. Anh không biết mình đã nói gì nhưng chợt nhớ là mình kẻ ở xa về, thân thích không có ai ngoài gia đình em. Nên anh kịp dừng lại vì dù có đúng mười mươi liệu ai bênh vực. Và lại cổ họng khô khốc không nói năng gì được, anh đành bỏ ra đi.

Cảm thấy như mất đi điều quý giá, anh hực hắng. “Không ngờ sự tình lại tồi tệ đến vậy. Đứa em xưa nay hiền lành chơn chất... giờ còn gì gia phong nề nếp”. Anh giận run cả người. Mất mảnh vườn ngôi nhà cha mẹ để lại là mất mát lớn nhưng đau xót nào bằng mất tình nghĩa anh em! Anh chợt nhớ gần đây việc tranh giành đất đai nhà cửa mà báo đài đề cập. Chỉ vì miếng đất, gian nhà rách nát đến cha con, anh chị em đưa nhau ra tòa; chút gia tài chẳng đáng là bao mà thậm chí cảnh nổi da xáo thịt cha mẹ con cái anh em đâm chém nhau. Nghe đến, anh chỉ cười “Báo nói láo, đài đặt chuyện...”. Ngờ đâu chính anh rơi vào sự thật phũ

phàng!

Anh đến thăm tôi, than thở chuyện nhân tình thế thái và hỏi ý kiến có nên đưa ra tòa. Cảm thông với anh nhưng chuyện nhà anh tôi không thể can dự mà chỉ gợi ý “Có khóa tu thiền sắp tổ chức tại... anh thu xếp tham gia cùng tôi. Biết đâu có sự bất ngờ!”. Không suy nghĩ, anh đáp liền: “Thiền, từ lâu tôi có nghe nói, nhưng có ăn nhập gì đến chuyện của tôi, có thể nào giải quyết?”. Nói thế, nhưng trong khi cân nhắc; và lại, chưa biết bao giờ thủ tục xong, nên trong thời gian căng thẳng chờ đợi, theo đề nghị của tôi, anh tham gia khóa tu thiền tổ chức tại tịnh xá... do một thiền sư Thái Lan hướng dẫn.

Suốt tuần lễ, ngày đêm sáu thời ngồi thiền, thiền hành, mọi thao tác ăn uống, nói năng, làm việc, ngủ nghỉ theo đúng nội qui. Và nhất cử nhất động đều diễn ra trong yên lặng và rõ biết. Vị thầy chẳng nói năng giảng thuyết gì nhiều, chỉ chú tâm hướng dẫn mọi người thực tập; ở ông toát ra một tâm thể thanh thản tỉnh táo. Trong hai ngày đầu, người học được hướng dẫn tư thế thiền tọa. Ngồi yên vững chãi, lưng thẳng, hai chân bắt chéo, bàn chân phải gác lên đùi chân trái và ngược lại, gọi là thế ngồi kiết-già. Ai không ngồi được thế này thì ngồi theo lối bán-già, bàn chân trái gác lên đùi chân phải. Bàn tay trái đặt trên lòng bàn tay phải; hai đầu ngón tay cái chạm hờ vào nhau tạo thành hình ô-van đặt lên trên chỗ giao tiếp hai mắt cá chân. Đôi chân anh cứng đờ như hai khúc củi thật khó bắt chéo vào nhau, đầu muốn chảy nước mắt. Nhìn quanh thấy ai cũng làm được chẳng lẽ mình chịu thua nên anh cố chịu đựng. Hai ngày đầu qua đi mà không thấy gì rõ nét hơn là cơn đau và sự cố gắng cưỡng lại nhu cầu cơ thể thoải mái nên anh định bụng rút lui.

Sang ngày thứ ba, anh bắt đầu cảm thấy nhẹ nhàng hơn; đôi chân bớt đau, thao tác khá thuần thục; và việc thực tập chuyển vào nội dung quán sổ tức nghĩa là theo dõi hơi thở ra vào bằng cách đếm. Hít vào thở ra đếm một, cứ thế cho đến mười thì đếm trở lại sao cho khỏi lộn, nếu lộn thì đếm lại từ một. “Đầu óc hoàn toàn trống rỗng chỉ còn hơi thở, theo dõi hơi thở. Thở vào biết rõ đang thở vào, thở ra rõ biết đang thở ra. Thở vào một hơi sâu, hơi cạn biết rõ đang thở vào một hơi sâu, hơi cạn. Thở ra một hơi cạn hơi sâu biết rõ đang thở ra một hơi cạn, hơi sâu... chỉ còn hơi thở... Mọi nhớ tưởng quá khứ, dự tính tương lai đều buông bỏ!”. Vị thầy luôn nhắc nhở.

Nghe đơn giản nhưng có dễ gì đâu. Bao nhiêu chuyện trên trời dưới đất không biết từ đâu hiện ra kéo ta chạy theo. Cố bỏ đi nhưng chỉ được chốc lát đầu óc lại bị cuốn hút. Chuyện mảnh vườn ngôi nhà... cha mẹ bao năm lao nhọc giờ đây vào tay kẻ khác. Không thể được! Bằng mọi giá phải lấy lại. Kiện ra tòa... thủ tục, tiền bạc ra sao... vợ con có thuận chịu? Thành em xưa nay biết điều, vợ con hay ai xui khiến mới đến nổi! Bao

vấn đề cuốn hút đầu óc anh. Đang miên man... bỗng tiếng gõ thước vang lên, anh giật mình trở về thực tại và nhận ra đang ngồi trong chánh điện... Trước mặt anh vị thầy nét mặt từ bi đang nhìn và anh nghĩ mọi suy tư thắm kín của anh không tránh khỏi cái nhìn sắc bén của ông. Đầu óc anh trở nên rỗng lặng và mọi suy tính đúng sai, phải trái, hơn thua không còn lôi kéo được anh. Anh trở về hơi thở đang có mặt và bất chợt nhận ra sự sống thật mong manh ngắn ngủi chỉ trong hơi thở. Thở ra mà không hít vào được hoặc ngược lại thì kết thúc. Và thân tâm có mối liên hệ gắn bó, thân yên tâm anh mới lạc và tâm có nhẹ nhàng thanh thản thân anh mới khỏe! Anh đang sống đây và cuộc sống tốt đẹp biết bao! Tại sao không ngắm nhìn và tận hưởng? Của cải tài sản nhà cửa... mọi thứ vô thường, lúc này của tôi mai có thể của anh có gì tồn tại mãi mà tranh giành đến phải lao tâm khổ trí?

Khóa tu kết thúc, một ngày anh nghỉ ngơi rồi đi thăm hương mộ ông bà, cha mẹ xong anh trở lại thăm vườn nhà cũ... Vợ chồng người em vẫn thái độ dè dặt tiếp anh. Nhưng anh không như lần trước xăm xăm bước vào với ý định giải quyết dứt điểm mọi thứ. Giờ đây đặt chân vào ngõ anh nhìn kỹ cảnh vật xung quanh, bên gian nhà cũ hoang vắng là ngôi nhà mới xây xinh xắn vững chãi. Trong sân mấy chậu cây cảnh xanh tươi. Bước vào nhà phòng khách nền gạch hoa bóng loáng, bộ xa-lông nệm mút, bàn ghế tủ giường mới tinh tuy không sang trọng nhưng sắp xếp ngăn nắp đem lại cảm giác mát mẻ dễ chịu. Đặc biệt chiếc tủ thờ chạm trổ với đôi chân đèn và lư hương bát nước bóng loáng trên bàn thờ trang nghiêm. Thì ra mọi thứ có gì đứng yên mãi mà từng giây từng phút không ngừng biến đổi. Thay đổi là tất yếu của mọi sự vật, hiện tượng. Nếu không thay đổi hẳn không có sự phát triển tiến bộ. Con người và muôn vật không ngừng đổi thay! Chợt nhớ trong quyển *"Thử hòa điệu sống"* của tác giả Võ Đình Cường có một câu mà hồi nhỏ đọc anh chưa hiểu giờ thì rõ ràng: "Mọi sự luôn đổi thay là điều không bao giờ thay đổi!". Vâng, đứa bé từng giờ từng phút không ngừng thay đổi để lớn lên trưởng thành. Hột thóc cho xuống đất nếu không bóc vỏ thì không thể thành cây lúa cho bao nhiêu hạt. Có gì giữ nguyên trạng...? Đó là chân lý bất biến. Lớn nhỏ rộng hẹp cũ mới chỉ là khái niệm, hình tướng bề ngoài... tùy thuộc chủ quan mỗi người, có chuẩn mực nào nhất định! Con sông quê hương thời bé rộng mênh mông là thế giờ đây nhìn lại nhỏ xíu... Cũng thế, mảnh vườn ngôi nhà mà trước và sau khóa tu cái nhìn của anh đã khác.

Giờ đây nhìn lại anh có chút gợn buồn nhưng không quay quắt như trước. Trái lại ngôi nhà mới sừng sững ra đó, trước đó làm anh gai mắt khó chịu, giờ đây nhìn kỹ anh thấy đẹp đẽ khang trang. Dù có thay đổi, chủ là ai đi nữa, thì mảnh vườn ngôi nhà cha mẹ vẫn còn đó, nói chi chủ sở hữu vẫn là em anh cháu anh...! Có ảnh hưởng gì đến cuộc sống như anh vẫn nghĩ! Và lâu nay chính

gia đình em anh đã chăm sóc bảo quản, thờ cúng giỗ quây ông bà cha mẹ; trong khi ở xa anh vô tư sống yên ổn bên vợ con. Có khác chăng giờ đây bên ngôi nhà cũ có thêm ngôi nhà mới! Và nếu không ai nhắc hẳn anh chẳng thắc mắc, chuyện nhà cửa ở quê có bao giờ anh để tâm! Bao nước chảy qua cầu, cuộc sống vẫn thế... bình lặng! Có cần phải làm gì để cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc hơn hay tranh giành, kiện cáo để làm rõ nghiệp chủ... thật ra chỉ là cái tên trên giấy. Và lại thời gian anh còn nhiều nhỗi gì, buổi sáng sờ sờ đi ra đi vào... một tai nạn thậm chí cơn gió thoảng qua... chiều đã ra người thiên cổ. Thế nên còn được ngày nào sống cho ích mình lợi người, gây căng thẳng chỉ thêm khổ.

Anh cảm thông với người em và nhận ra điều em anh làm tuy chưa hợp lý nhưng không phải không thuận tình. Anh thấy lòng nhẹ nhõm và muốn làm điều đó cởi mở với em. Chưa biết bắt đầu từ đâu thì người em tỏ ý muốn nói gì với anh. Anh lắng nghe. Người em chậm rãi giải bày "Chuyện nhà... chưa kịp báo anh chị đã tự ý... tụi em thật có lỗi. Chẳng qua tình hình chung và lại hoàn cảnh vợ chồng em... hai đứa con gái đến tuổi mà nhà cửa xụp xệ...! Vì vậy định sang một nửa vườn cho cháu lấy tiền xây lại nhà thờ, khi nào có tiền trả nó thì nhập lại. Ai vô đó, con cháu cả! Ở đây ai cũng làm thế". Thì ra là vậy! Có lắng nghe mới hiểu và có hiểu mới cảm thông. Sự việc hóa đơn giản! Anh cùng với gia đình người em bàn bạc giải pháp chủ yếu là khoản tiền trả lại đứa cháu ứng xây nhà. Và anh không chờ vợ chồng em lo đủ tiền... Trước khi ra đi, anh đã gọi điện cho vợ con xoay xở số tiền gửi về. Khu vườn được nhập lại và ngôi nhà mới dùng làm nhà thờ. Tất nhiên gia đình em và cháu anh vẫn sử dụng như trước. Đụng đến kiện tụng còn gì tình nghĩa ruột thịt; tránh được, anh sung sướng như trút được gánh nặng!

Anh, niềm vui lộ nét mặt lại đến thăm tôi. Bên tách trà, anh thuật lại tường tận mọi sự việc, kể cả những suy nghĩ và cảm nhận của anh, về khóa thiền, về việc trở lại thăm viếng người em, về những cách giải quyết giữa hai anh em và các cháu. Anh kết luận: "Mọi việc ổn thỏa, tránh được sứt mẻ tình cốt nhục, tôi thật không gì sung sướng hơn. Thật bất ngờ, điều kỳ diệu quá sức mong đợi của tôi. Tôi vô cùng biết ơn anh". Tôi vui lây với anh và đáp lại: "Chúc mừng anh. Thật ra chẳng có gì bất ngờ và cũng không phải tôi mà chính anh; là hoa trái gặt hái từ khóa tu thiền anh gieo trồng, chăm bón với sự tận tình của Thầy, vị thiền sư khả kính". Anh trở mắt nhìn tôi: "Có lẽ thế! Tuy nhiên có điều tôi không khỏi thắc mắc là làm sao hai vợ chồng đứa em tôi có thể chuyển biến nhanh đến vậy, và cả tôi nữa, đã thay đổi cả nhận thức lẫn hành vi?". "Đấy là ý nghĩa buông dao, kẻ sát nhân thành Phật! Chỉ ngọn đèn thấp lên đủ xua tan bóng tối vây phủ gian phòng. Một sát-na, tia chớp thu nhiếp vô lượng kiếp. Và ngàn năm tăm tối chỉ cần giây phút bừng ngộ!". Tôi đáp lời anh. ■

Thư gửi các em

CAO HUY THUẦN

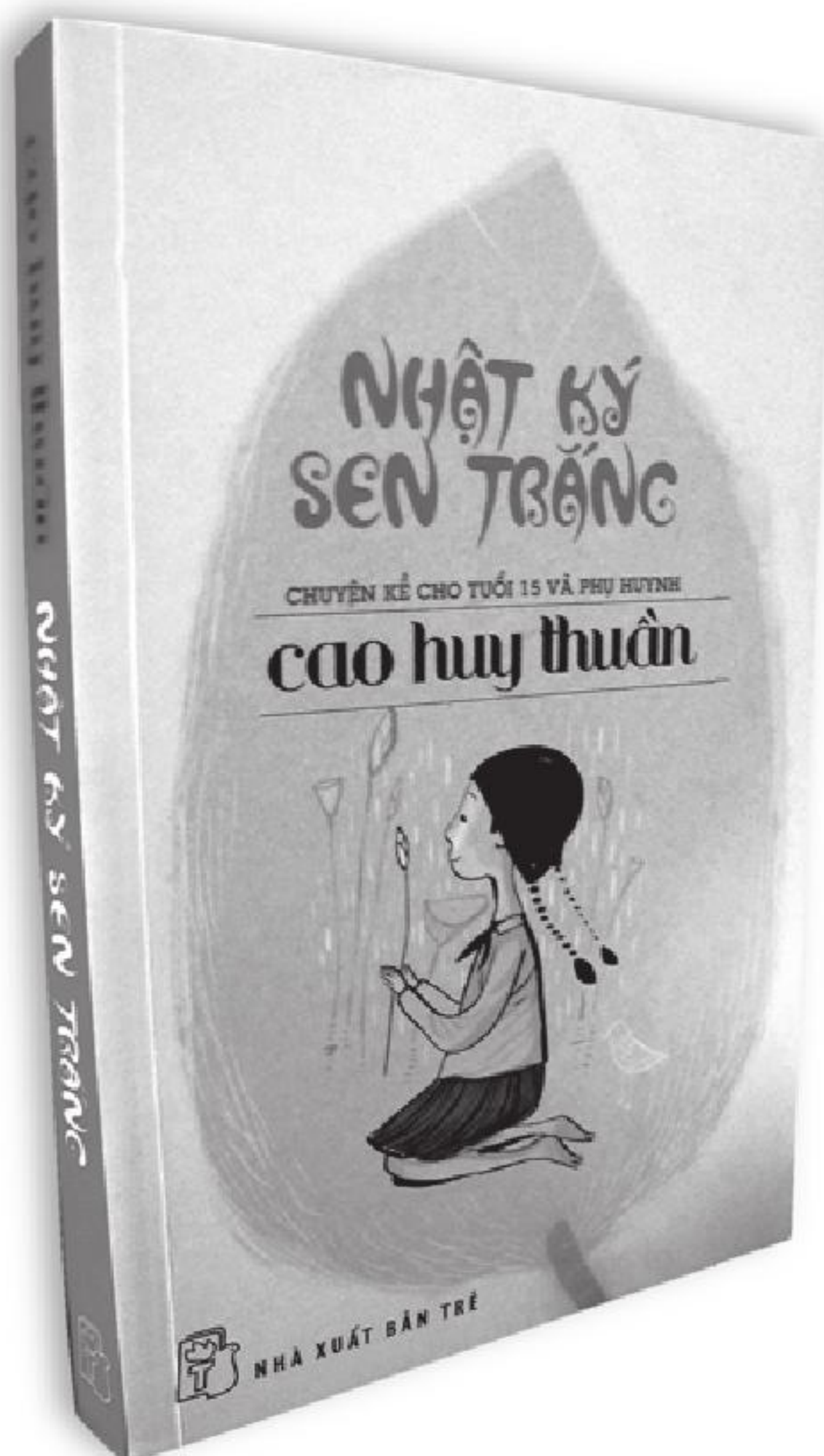
Lời tòa soạn: Giáo sư Cao Huy Thuần vừa gửi tặng Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo tác phẩm "Nhật ký Sen Trắng, chuyện kể cho tuổi 15 và phụ huynh" mới xuất bản. Chúng tôi xin đăng bài viết Thay lời nói đầu ở đầu sách có tựa "Thư gửi các em" của tác giả, thay cho lời giới thiệu.

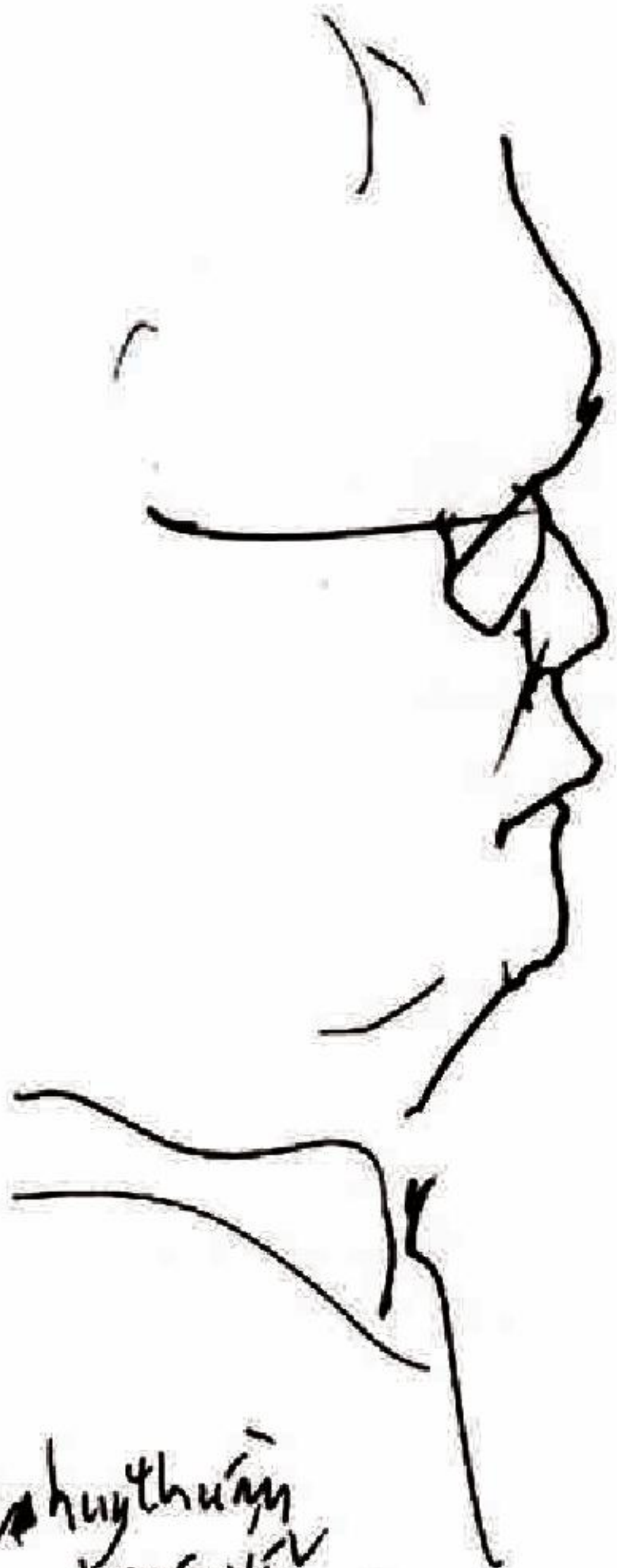
Văn Hóa Phật Giáo

Học mà chơi: đó là mục đích của quyển sách nhỏ này.

Trước hết là học. Về mục này, tác giả muốn kể cho các em một kỷ niệm riêng. Từ nhỏ cho đến hết năm Đệ ngũ (lớp 8 bây giờ), cậu học sinh là tác giả lúc ấy luôn luôn đứng đầu lớp về môn văn. Bài luận nào cũng được thầy khen, lắm khi được đem đọc cho cả lớp. Đến năm Đệ tứ (lớp 9 bây giờ), cậu bỗng khựng lại và khám phá ra rằng mình dốt văn. Cho đến năm đó, làm luận chỉ là tả tình, tả cảnh. Viết văn trôi chảy, trau chuốt, thế là quá đạt tiêu chuẩn rồi. Đến Đệ tứ, học sinh bắt đầu phải làm "nghị luận luân lý" theo đúng chương trình của Pháp. Tiếng Pháp gọi môn đó là *dissertation morale*. Bài luận đầu tiên mà cậu học sinh khốn khổ là tác giả hồi đó phải làm trong lớp có đề tài như sau: "Có người nói, 'Hoa hồng nào cũng có gai'. Người khác lại nói, 'May thay, trên gai có hoa hồng'. Trò nghĩ thế nào?". Chết tôi! Nào tôi có nghĩ gì được đâu? Có bao giờ tôi suy nghĩ đâu mà hỏi tôi nghĩ gì? Bao nhiêu vốn liếng thân nạp được, nào tả tình, nào tả cảnh lâm ly, điệu nghệ, chẳng giúp gì được cho ngòi bút. Đầu trống rỗng trước trang giấy trắng. Kinh hoàng! Bởi vì "nghị luận" đòi hỏi phải có ý. Mà có ai dạy tôi đào bới ý ra như thế nào đâu? Các sách tôi đọc toàn là truyện và tiểu thuyết. Mà tiểu thuyết thì đâu có thiên về lý luận?

Kỷ niệm ấy theo đuổi tôi suốt đời, cho đến bây giờ, và quyển sách này là cách tôi gửi thương cảm về cho cậu học sinh Đệ tứ ngày xưa. Tôi muốn giúp cậu làm bài "nghị luận luân lý". Tôi nói với cậu: Học văn không phải là học bài mẫu mà là học cách suy nghĩ, cách nhìn vấn đề, cách làm bật ý tưởng ra khỏi đầu, cách diễn đạt chặt chẽ, cách cụ thể hóa một vấn đề trừu tượng, cách nắm vấn đề và xoay quanh vấn đề như xay lúa để hạt thóc nhả ra hạt gạo. Học văn chính là để mở cái đầu suy luận, giúp cái đầu mở ra cho các môn khác, kể cả toán, kể cả khoa học.





Cap huy thuan
học về
27.2.14

Tác giả - Đỗ Hồng Ngọc vẽ.

Nhưng quyển sách này không có tham vọng dạy, chỉ có tham vọng chơi. Chơi như Sen Trắng chơi với bạn bè trong nhóm. Cô ấy chơi như thế này: chọn một câu chuyện thật là giản dị, giản dị như chuyện đời xưa kể cho trẻ em, rồi từ chuyện giản dị để hiểu ấy nhìn ra vấn đề gì nằm sâu ở bên trong, và bàn luận chung quanh vấn đề đó. Tất nhiên, ở tuổi của các cô ấy, các cô chỉ có thể suy nghĩ đến mức ấy thôi, các cô chỉ mới tập tễnh chơi với cái đầu mở ra của mình. Nhưng giá như cậu học sinh khốn khổ ngày xưa được chơi với các cô ấy thì cậu đâu có đến nỗi phải kinh hoàng trước trang giấy trắng mênh mông!

Như vậy là chơi mà học. Nhưng học mà vui. Vui, vì ở đây chẳng ai dạy ai, tự mình tìm học, tự mình dạy cho mình. Đây là bạn bè cùng dạy nhau, cùng học với nhau. Và cùng chơi!

Bây giờ, tác giả xin nói với ba mẹ các em một câu. Khi thể hệ của tác giả bắt chương trình Pháp đưa *dissertation morale* vào lớp Đệ tứ, quả thực người ta đã làm một việc rất đúng. Ở cái tuổi ấy, suy luận mà không mở ra thì con em của quý vị không tiến xa được trên đường học vấn cũng như trên đường sự nghiệp. Triết học bắt đầu từ tuổi này chứ không phải đợi đến khi lên đại học, bởi vì triết học bắt đầu là đặt vấn đề. Tò mò khoa học cũng nảy mầm từ tuổi ấy, bởi vì từ tuổi ấy cái đầu dậy lên câu hỏi vì sao. Cũng vậy, ở cái tuổi ấy, nếu các em không biết suy nghĩ về những vấn đề đạo đức thì không biết đến bao giờ các em mới hiểu được thế nào là "học để làm người". Phải chăng ở cái tuổi ấy, gia đình nào cũng lo ngại cái quyền rũ của ma túy, xì ke? Của bạn xấu bè ác?

Quyển sách mỏng này "nghị luận luân lý" chung quanh 15 đề tài và 15 câu chuyện tiền thân của Đức Phật mà tác giả kể lại thế nào cho hợp với đạo đức của mọi gia đình không phân biệt tín ngưỡng. Với tâm hồn Việt Nam, tác giả tin rằng bất cứ ai đọc cũng nghĩ rằng tác giả không nói gì khác hơn đạo đức Việt Nam.

Chúng ta cứ mãi than phiền đạo đức suy đồi trong xã hội ngày nay. Có nên nhắc lại, nhắc hoài, thà thấp một cây diêm bé hơn là ngồi mà nguyền rủa bóng tối? ■

Thăm nhà văn Trang Thế Hy

ĐỖ HỒNG NGỌC

Trang Thế Hy là một trong những nhà văn lão thành Nam Bộ, đã viết nhiều truyện ngắn đăng trên các báo ở Sài Gòn trong thập niên 50 của thế kỷ trước, nổi tiếng với tập truyện ngắn Nắng đẹp miền quê ngoại in tại Sài Gòn vào năm 1964. Ông được Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1994 với tập truyện Tiếng khóc và tiếng hát. Ông đã 90 tuổi, hiện sống tại Bến Tre.

Văn Hóa Phật Giáo

Tôi vốn không ưa thuốc lá, không ưa cả người hút thuốc lá. Cũng bởi mình là thầy thuốc, lại làm việc trong chương trình phòng chống tác hại thuốc lá. Nhưng lần này tôi bỗng thấy mê một người hút thuốc lá. Mê thật. Thấy cái cách ông ngậm điếu thuốc chếch qua một bên khoe miệng, thấy cái cách ông khum khum đôi bàn tay ấp ủ ngọn lửa như một bông hoa, tự dưng thấy lòng xao xuyến. Một người gần 90 tuổi, ghiền thuốc lá từ ngày còn trẻ, ngồi bên cạnh mình, nhẹ nhàng rút một điếu, nâng niu đưa lên miệng, rồi ân cần xoay xoay chiếc hộp quẹt trong tay chuẩn bị bật lửa... có cái gì đó như một nghi lễ tôn giáo, khiến tôi chỉ biết ngồi im, lặng ngắm, không dám hó hé. Tôi biết thứ thuốc lá ông hút chẳng phải nhẹ nhàng gì, nhưng người ta đặt tên dịu dàng với bao bì thanh mảnh dễ thương chẳng qua để người hút tưởng nó nhẹ, nó không nhiều chất độc vậy thôi. Người đàn ông đó, người đàn ông hút thuốc lá mê hoặc được tôi đó chính là nhà văn Trang Thế Hy, buổi trưa nắng gắt hôm đó tại nhà riêng của ông ở dưới chân cầu Rạch Miễu, Bến Tre mà tôi có dịp lần đầu đến thăm sau nhiều lần dự định mà không thành.

Bác sĩ Trần Đức Dũng người quen của gia đình ông đưa tôi đến, theo yêu cầu của tôi, không báo trước. Tôi vẫn nghe từ lâu ông là một nhà văn khó tánh. Nổi tiếng trên văn đàn từ những năm 50 của thế kỷ trước, được nhiều

người ngưỡng mộ, đang sống ở TP.HCM, ông lặng lẽ từ biệt Saigon phồn hoa đô hội, tự mình “đi chỗ khác chơi”. Nhà thơ Thanh Thảo thì dùng một câu ca dao Nam Bộ để viết về ông: “Gió đưa gió đẩy, về rẫy ăn còng, về sông ăn cá, về đồng ăn cua...”. Còn nhà văn Nguyên Ngọc thì đã gọi ông một cách trân trọng: “Người hiền của văn học Nam Bộ”. Còn ông tự coi mình chỉ là “người tình thoáng chốc của văn chương”. Rời bỏ cuộc chơi, lánh về ẩn cư chốn quê nhà, “rửa tay gác kiếm”. Thế nhưng hình như người tình của ông thì chẳng bao giờ chịu rời bỏ ông cứ như người tình của Tchekov ngày nào...

Tôi muốn được đến thăm ông như một độc giả mê văn ông từ thời *Mỹ Tho* - tên một truyện ngắn của ông - đăng trên báo *Nhân Loại* hơn nửa thế kỷ trước. Dĩ nhiên sau này ông còn có nhiều truyện ngắn hay hơn, sâu sắc hơn, nhưng với tôi, *Mỹ Tho* vẫn mãi đọng lại với tiếng còi xe lửa xinh xịch Saigon-Mỹ Tho thời đó. Tôi cũng mê thơ ông, đặc biệt bài thơ có tựa là “*Đắng và Ngọt*”, đã được đổi thành “*Cuộc đời*” khi đăng báo mà sau này trở thành “*Quán bên đường*”, do Phạm Duy phổ nhạc. Từ lâu, mỗi lần nghe “*Quán bên đường*” tôi lại thấy rung rung, như muốn khóc. Cái người có một bài thơ làm mình muốn khóc đó bây giờ ra sao thôi thúc tôi tìm đến thăm ông. Thơ kể chuyện thôi mà, có tân hình thức có hậu hiện đại gì đâu, cứ sao mình mới nghe đã thuộc, đã nhớ, đã thổn thức, đã rung rung?



Trang Thế Hy - Nguyễn Trung vẽ.

Bác sĩ Dũng hỏi tôi cần mua gì làm quà cho bác Tư không? Tôi bảo thôi. Không cần đâu. Không sao. Tôi giục. Dũng mượn cái nón bảo hiểm, vèo chớ tôi đi ngược về phía chân cầu Rạch Miễu, và dừng lại ở một con hẻm nhỏ, bên cạnh một con rạch. Phía bên kia đường là khu dưỡng lão với những ngôi nhà ngói đỏ au. Bác Tư Trang Thế Hy đang sống với vợ chồng cô con gái trong một căn nhà nhỏ bé, thấp lè tè, yên ả giữa mảnh vườn xanh um, dừa chuối bưởi bồng. Đã mấy lần tôi định tìm thăm ông – một người bạn văn của cậu tôi, ông Nguyễn Ngũ Í, thời Bách khoa – để được nhìn ngắm ông, hỏi han sức khỏe ông và... nhờ ông giải thích cho vài chỗ còn lơ mơ trong bài thơ. “*Khét nắng hôi trâu thềm đi học*” thì tôi biết, nhưng “*tóc bánh bèo*” thì chịu. Trước kia tôi vẫn ngỡ bài thơ đó là của Bình Nguyên Lộc, có người còn nói của Khổng Nghi. Khi Phạm Duy phổ nhạc vẫn chỉ ghi tác giả là “*khuyết danh*” mà! Bây giờ biết tác giả là ông, tôi càng háo hức. Lại, dù qua giọng ca Thái Thanh ngày xưa hay sau này Ý Lan, con gái Thái Thanh, cứ mỗi lần nghe hát, tôi lại thấy rưng rưng nhớ lại những ngày thơ ấu của mình. Câu chuyện kể trong bài thơ đó quá xúc động, không dừng ở câu chuyện riêng, mà ở một triết lý sống,

một triết lý nghệ thuật với câu kết “*Thì cứ hỏi cuộc đời*” như mở toang một cánh cửa trống hoác...!

Dũng đưa tôi đến đúng lúc bữa cơm trưa của ông cùng với một người khách quen, Nguyễn Tùng, Hội Nhà văn Bến Tre đến chơi. Dũng lí nhí giới thiệu bác sĩ Ngọc đến thăm bác Tư nè bác Tư. Ông kêu đem thêm chén đĩa. Về dè dặt. Tôi cười cười ngấm ngấm ông. Thấy thương ghê. Ốm nhom ốm nhách trong bộ pijama lụa lưng nhùng đặc sệt Nam Bộ. Tóc bạc lênh đênh chuôi về phía sau, dồn cái trán rộng về phía trước, miệng móm mém, mũi cao, thẳng, mắt sâu và sắc như một thiền sư khổ hạnh. Tôi phân vân không biết nên gọi ông là chú hay là anh. Sau cùng tôi gọi ông bằng... anh vì nghĩ đã là một nhà văn như ông, hẳn nên được đối xử như một người không có tuổi, nhất là nhà văn này đối với tôi còn là một nhà thơ mà tôi hằng quý mến. Cho nên tôi gọi bằng anh. Gắn gũi hơn, ấm áp hơn là chú, là bác, là ông, là cụ hay là... nhà văn! Tôi “thăm dò” bằng cách hỏi han ông: Anh có khỏe không? Hơi yếu hơn trước. Lúc này anh có bệnh gì không? Không. Chỉ bị phổi tắc nghẽn mạn tính thôi. Chắc tại anh hút thuốc lá hơi nhiều? Phải, nhưng nay đã bớt hút rồi. Bây giờ chỉ hút khi có khách. Tôi được biết năm ngoái ông đã từng phải vào cấp cứu ở Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre vì khó thở, rồi phải điều trị theo chương trình COPD mất tám tháng. Trong khi tim mạch vẫn rất tốt. Huyết áp ổn định. Ông lại với tay lấy gói thuốc, rút một điếu nữa, bật quẹt. Anh ốm quá, được bốn chục ký không? Bốn chục ký non. Hôm trước 40, nay còn 39 thôi. Vẫn lạnh nhạt, dè dặt.

Trên bàn là những món ăn tốt cho người già, tôi quan sát. Cơm trắng cá kho, canh rau, trái cây, rồi nào bưởi nào chuối luộc... Và một ly rượu nhỏ. Chắc có Nguyễn Tùng đến nên Tùng một ly, ông một ly. Ông kêu Tùng rót thêm hai ly nhỏ nữa cho tôi và Dũng. Thấy Dũng hớp vội xong nhồm dầy lo chạy việc riêng, tôi nhờ anh bấm cho vài tấm hình kỷ niệm. Ông để yên cho chụp không nói gì. Tôi bấm thêm mấy tấm cận ảnh lúc ông ngậm điếu thuốc, với cái dáng điệu nghệ mà tôi mê. Bỗng ông lên tiếng: Này, người ta nói “*tốt khoe xấu che*”, hiểu không? Tốt khoe xấu che. Chụp hình tôi thì chụp nhưng đừng có đăng báo đó nghe! Tôi cười cười trong bụng nghĩ đúng là ông già khó tánh. Tôi nói, già có cái đẹp của già chớ anh Tu! Mà quả thật, tôi thấy ông đẹp. Và khỏe nữa. Tai thính này. Mắt tinh này. Ông cho biết mới mổ cườm, vẫn đọc sách báo tốt. Và đặc biệt, trí nhớ tuyệt vời!

Rồi tôi lảng sang chuyện khác: Bài thơ được phổ nhạc với tên *Quán bên đường* của anh sao mọi người vẫn tưởng là của Bình Nguyên Lộc? Bởi vì Bình Nguyên Lộc là người đăng bài đó lên báo mà! Báo *Vui Sống*, khoảng 1960 gì đó phải không? Không, 1959 chớ. Mỗi lần nghe hát bài này sao tôi đều thấy muốn khóc. Lại thiệt. Tôi nói. “*Khét nắng hôi trâu thềm đi học*...”, rồi “*khoai sùng lượm mót*...”. À, mà “*tóc bánh bèo*” là tóc làm sao anh Tu? Có phải ba vá không? Không, không phải ba vá. Tóc bánh bèo, này Tùng - ông bỗng gọi - Tùng biết tóc bánh bèo không? Tùng nói:

Dạ có phải cạo trọc, để lại một chùm đằng sau ót, tròn tròn... Ông cầm cái chén lên, vo vo theo miệng chén bảo đúng rồi, cạo trọc, để lại một miếng tròn như vậy, nhưng ở giữa phải có một chùm tóc như cái nhơn bánh bèo vậy! Thì ra thế. Cả tôi cả Tùng đều không biết.

Nhìn đồng hồ, thấy sắp đến giờ hẹn với Dũng, tôi bèn mở túi xách lấy mấy cuốn sách mang theo từ Saigon xuống tặng ông. Đó là *Già ơi... chào bạn!*, *Những người trẻ lạ lùng* và *Thư gửi người bạn rợn*. Xin gửi tặng anh Tư vài cuốn sách đọc cho vui, tôi nói. Ông nhìn tên tác giả trên bìa sách rồi ngạc nhiên: Ủa, Đỗ Hồng Ngọc hả? Tôi có đọc Đỗ Hồng Ngọc. Tôi thích cái style của Đỗ Hồng Ngọc đó! Ông lật lật, cười tươi, cười mở, nồng nhiệt, thân thiện. Bỗng ông đứng lên, vui vẻ kêu: Ngọc ơi, đi qua đây, đi qua đây nghe bài hát *Quán bên đường* này. Tùng nữa. Qua đây. Một người bên Đức gửi tặng tôi đĩa này do Thái Thanh và Quỳnh Giao ca đó. Ông kéo tôi và Tùng qua phòng bên. Một phòng nhỏ, rất riêng, rất bề bộn của một nhà văn... Nào phin lọc cà-phê, tách trà, bình thủy... nào sách báo ngổn ngang các thứ. Rồi ghế xích đu, rồi vông... Ông chỉ chiếc ghế salon nhỏ cạnh bàn nước, kêu tôi ngồi, chỉ Tùng chiếc vông. Ông bật máy cassette rồi ngồi xuống chiếc ghế xích đu cạnh đó. Giọng Thái Thanh lạnh lốt. *Ngày xưa ngày xưa ngày xưa...* Rồi giọng Quỳnh Giao... Tôi lắng từng lời từng lời, lòng vẫn thấy rung rung... Thấy tôi gật gù, ông bỗng nở nụ cười: "bèo", "chữ bèo"... Ông nằm bật ngửa sảng khoái trên ghế xích đu, ngón chân nhip nhip theo bài hát, mắt lim dim. Nghe xong, tôi nói: Bài này còn có bản do Ý Lan ca rất hay nữa anh Tư à. Ý Lan là con gái Thái Thanh đó. Tôi chưa có bản đó, ông nói, hôm trước Phạm Duy xuống thăm cũng nói vậy. Ông lại hỏi: Quỳnh Giao con Dương Thiệu Tước phải không? Dạ phải. Thái Thanh hát technique nhiều, Quỳnh Giao hát có lòng hơn. Lúc phổ nhạc, người ta đã thêm bớt nhiều quá! Nhưng đành vậy thôi. Ông nói.

Rồi kéo tôi và Nguyên Tùng trở lại bàn ăn. Một Trang Thế Hy khác: sôi nổi, hoạt bát, sắc sảo, dí dỏm... Chúng tôi nói về những người Việt trẻ tài năng. Ông nhắc Lê Bá Hùng, một thanh niên gốc Việt, hạm trưởng một tàu hải quân Mỹ USS Lassen vừa cập cảng Đà Nẵng. Tôi nhắc một người gốc Việt khác, Philipp Roesler 36 tuổi là Bộ trưởng Y tế Đức. Tùng nhắc nhà văn Nam Lê ở Úc với *The boat*. Chúng tôi lại nói đến giải Nobel, rồi đến Cao Hành Kiện. Có đọc bài diễn văn nhận giải Nobel của Cao Hành Kiện không? Ông hỏi rồi nhắc luôn những ý chính của bài diễn văn đó, đại khái nhà văn cần phải đứng cao hơn những ràng buộc và cám dỗ để đạt được tự do và độc lập trong tư tưởng... Im lặng một lúc, ông nói: Hôm trước có cô nhà văn gì đó hỏi tôi tại sao không ưa... mà thích Lỗ Tấn? Tôi không trả lời, nhưng hôm nay nói cho Đỗ Hồng Ngọc nghe nha: Tôi thích Lỗ Tấn vì... Ông đột ngột hỏi tôi: Có đọc *Nhật ký người điên* của Lỗ Tấn do Phan Khôi dịch rồi phải không? Tôi gật. Ông đọc thuộc lòng ngay một đoạn, đoạn kết của truyện ngắn *Nhật ký người điên* đó. Thấy

chưa, Lỗ Tấn là như vậy đó... Ông đâu có quốc tịch. Ông là nhân loại. Là con người... "Hãy cứu lấy trẻ con vì nhiều em chưa kịp ăn thịt người!". Nhà văn trong bối cảnh nào cũng có cách riêng của nó. Nếu nó hòa hợp được thì nó đã hòa hợp, còn không, nó có cách riêng...

Khi biết tôi là cháu gọi Nguyễn Ngu Í bằng cậu, ông hỏi Ngu Í còn sống không? Đã mất từ 1979 sau những cơn điên nặng. Hồi trước Nguyễn Ngu Í có phỏng vấn anh mà, loạt bài trên báo *Bách Khoa* đó. Tôi nhắc. Đúng. Nguyễn Ngu Í phỏng vấn tôi lúc nào cũng viết Trang Thế Hy, với chữ I cụt! Lại móm mém cười. Rồi ông hỏi thăm tôi về bác sĩ Lương Phán, một người bạn thân của ông. Rồi cùng nhắc bác sĩ Trần Hữu Nghiệp. Tôi nói anh Chín Nghiệp quê ở Mỹ Tho? Không, Ba Tri, Bến Tre chứ! Rồi cùng nhắc đến Trần Hữu Dũng và nhiều nhân vật khác...

Thấy đã quá trưa, nên rút để ông nghỉ. Dũng vẫn chưa trở lại. Tùng tình nguyện đưa tôi về để kịp giờ hội thảo buổi chiều. Ông đặt bàn tay trên mấy cuốn sách tôi tặng xoa xoa và nói đến thăm nhà văn mà nhà văn không có gì để tặng lại... Tôi cười "Già ơi... chào bạn!" là... Bonjour vieillesse đó anh, cũng như... Bonjour tristesse vậy mà! Ủ, Sagan, một cô bé mới mười mấy tuổi đầu mà đã viết *Bonjour Tristesse*... Ngay trong câu mở đầu cô đã viết... Rồi ông đọc vanh vách nguyên một đoạn mở đầu đó của F. Sagan cho tôi nghe. Tùng đã nổ máy xe đợi ngoài cổng. Ông lững thững theo tôi ra. Tôi bỗng muốn ôm chặt lấy ông một cái nhưng không dám, chỉ nắm cánh tay ông siết nhẹ:

- Thưa Thầy, em về!

Ông cười, mắt nheo lại thật tươi. ■



Điều giản dị

LÊ THỊ CHÂN TÚ

Cuốn sách cũ bị bỏ quên ở một góc trên giá sách. Đó là một tập truyện ngắn của Sê-khốp cùng với những tác phẩm khác của các nhà văn cổ điển Nga mua từ thời bao cấp. Bìa cứng, màu xám, giấy đã ố vàng, chữ nhỏ li ti. Đã lâu rồi không đọc lại nhưng tôi vẫn thích cách viết ngắn, gọn, chân thực của Sê-khốp. Và thích cả câu nói: “Cái đẹp nằm trong sự giản dị”. Ý của ông là nói về câu, chữ trong văn chương. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn khái quát nó lên và điều này ảnh hưởng nhiều đến suy nghĩ và cách sống của mình. Giản dị có vẻ đẹp riêng, thâm trầm, khó nắm bắt nên thường chọn lọc đối tượng tiếp nhận. Tôi vẫn nhớ mãi một truyện ngắn trong tập sách này. Cục ngắn so với những truyện vốn đã rất ngắn của ông. Chỉ là chuyện một chú bé mồ côi được ông nội gửi lên thành phố học việc. Chú bé nhà quê viết thư cho ông về địa chỉ: ‘Gửi ông nội, ở nhà quê’. Bức thư với địa chỉ như thế lưu lạc phương nào trong nỗi nhớ thương khắc khoải của cả ông và cháu. Chuyện chỉ vậy, nhưng man mác một nỗi buồn... Một con người bé bỏng trong kiếp nhân sinh... Tôi sợ những trang viết ngắn ngọn kiến thức nhưng lại không mấy liên quan đến điều đang viết. Với kinh nghiệm và sự nhạy cảm, nhà văn nhắc nhở: “Chống chất cả núi chi tiết và quả núi đó đã che lấp mặt trời”. Hãy tin tưởng vào người đọc và để cho họ cùng tham gia sáng tạo và vì thế: “Nói lửng thì hay hơn nói đi, nói lại”. Những truyện ngắn của Sê-khốp, thơ Haiku, những bài Đường luật tứ tuyệt nổi tiếng chỉ khẽ chạm mà tâm thức người đọc liền mở ra với nhiều liên tưởng... mệnh mông... không giới hạn...

Trong thế giới màu sắc có hai màu chủ đạo là đen và trắng vì chúng là tổng hợp của tất cả các màu khác theo những cách khác nhau với mức tương phản hoàn toàn. Đen và trắng vốn đơn giản nhưng vẫn được các nhà thiết kế của những thương hiệu thời trang nổi tiếng dành nhiều ưu ái. Có một điều lạ mà tôi thường để ý là trang phục của hai màu này thường đơn giản, không có nhiều chi tiết hay phụ kiện rườm rà. Bàn tay tài hoa của các nhà thiết kế khéo léo ẩn mình, uốn lượn theo đường cong của người mặc, tạo một vài điểm nhấn rồi để tự thân cái màu trắng tinh và đen tuyền ấy phô bày

về sang trọng, thanh lịch và huyền bí của nó. Đen và trắng, giản dị nhưng gợi cảm và không bao giờ cũ, là lựa chọn số một trong các buổi lễ trang trọng.

Mặc là vậy còn ăn thì thế nào? Trong thời đại toàn cầu hóa, món ăn thả sức phiêu lưu, vượt biên giới vùng, miền, quốc gia, đến bất cứ nơi nào nó muốn. Có món vẫn giữ đặc trưng, có món phải pha trộn để thích nghi, có món truyền thống, có món là sự sáng tạo riêng của từng đầu bếp, nhà hàng. Các nghệ nhân và đầu bếp chuyên nghiệp thỏa sức thi thố tài năng trên các show truyền hình thực tế. Những món ăn hòa quyện nhiều hương vị, cầu kỳ, trình bày tinh tế với nhiều màu sắc, đường nét trông thật hấp dẫn. Ăn bây giờ không chỉ là ăn mà là văn hóa, “văn hóa ẩm thực”. Tuy nhiên, cũng có một xu hướng ẩm thực khác. Người ta muốn thưởng thức những món ăn giản dị như tự thân nó vốn có. Ví như đi ăn bánh xèo của bà Xiêm. Những chảo to tráng bánh để gần cửa ra vào mà không cần che giấu trong một căn bếp sang trọng. Rau còn nguyên cọng đứng trong rổ tre. Bàn ghế cũng bằng tre. Không phải tình cờ mà có dụng ý cả đấy. Vì còn gì dân dã và Việt Nam hơn tre nhỉ? Thức ăn dường như được hạn chế gia vị để rau, củ, quả miền sông nước Nam Bộ dậy lên hương vị riêng của nó. Không cần quảng cáo nhiều lời, cứ nhìn gương mặt phờn phơ của thực khách, ta có, Tây có, nướm nướp ra vào là có thể đo độ khoái khẩu của món ăn này. Và thế là bà chủ quán nông dân đặc sệt được chính thức mời sang Mỹ với linh kinh những nồi, niêu, soong, chảo để trình bày với thực khách nước ngoài một món ngon thuần túy Nam Bộ, thuộc dạng quốc hồn, quốc túy trong ẩm thực Việt Nam.

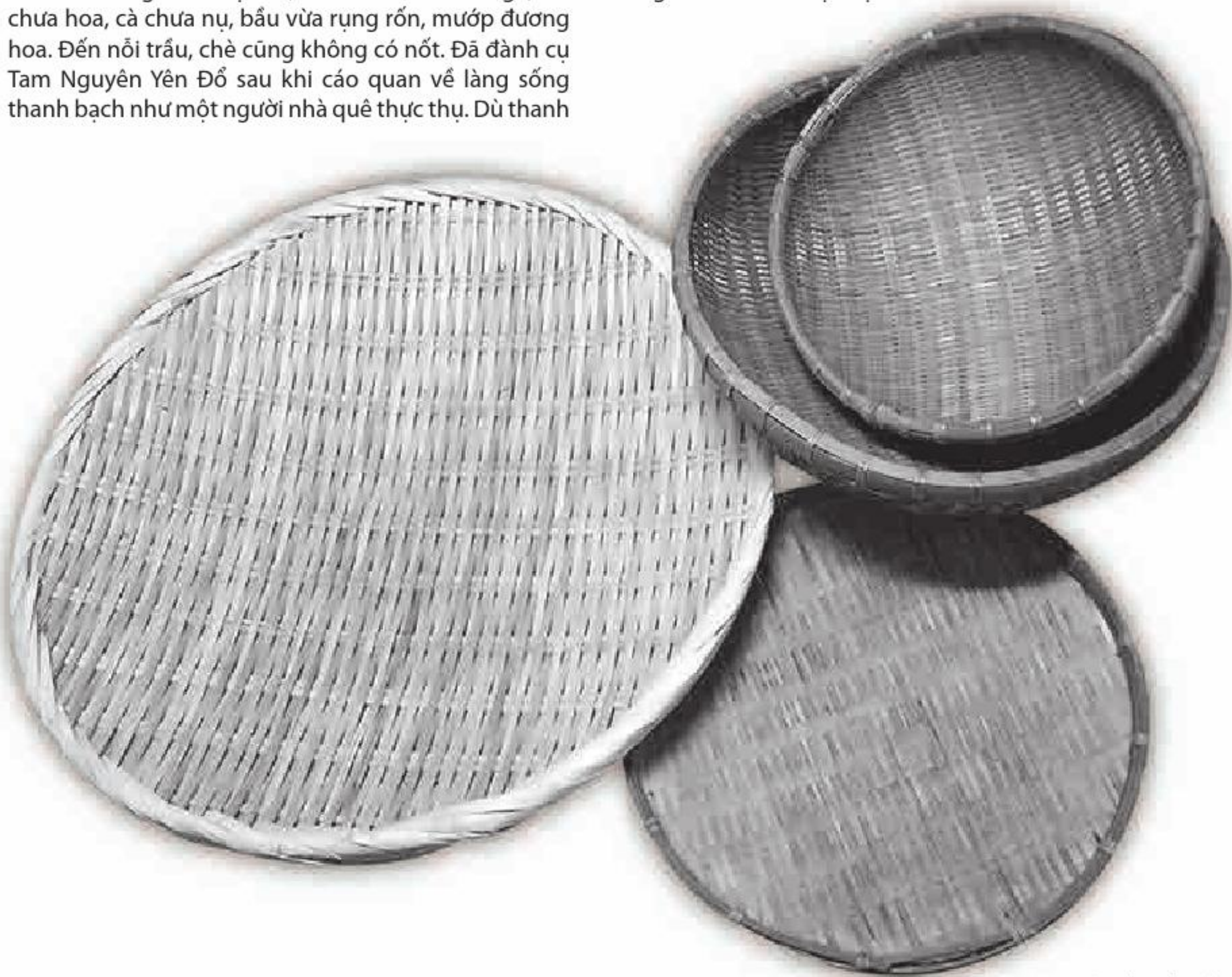
Đời sống bây giờ tương đối thoải mái, nhiều nhà hàng sang trọng mọc lên với những món ngon, lạ nổi tiếng của thế giới. Nhưng cũng có những quán ăn hấp dẫn thực khách bằng cách trở về với sự dân dã, thô mộc. Những chòi tranh nằm bên bờ sông hay trên những cù lao lộng gió. Cá nướng ngọt lừ còn vương mùi rơm, rạ. Rau hoang đủ loại tươi rói cứ như vừa được hái từ vườn nhà. Thay rượu tây bằng rượu đế mới hợp. Thực khách thoải mái thưởng thức các món ăn trong cái hây hây của gió sông nồng đượm mùi phù sa, vắng vắng âm

điều man mác buồn của đồn ca tài tử. Âm thực cứ y như thời ông cha ta đi khai hoang, mở đất. Cái dân dã mà bất cứ người nông dân Nam Bộ nào cũng có thể được hưởng thì người thành phố phải trả tiền khá đắt. Hóa ra là giản dị đôi lúc cũng có cái giá của nó.

Sống trong xã hội, con người phải tuân thủ những quy tắc ứng xử từ ăn, mặc, đi đứng, nói năng, giao tiếp để trở thành người văn minh, lịch sự. Điều ấy thật cần thiết. Không chống lại nhưng cũng có lúc con người muốn thoát khỏi khuôn phép ràng buộc. Sáng Chủ nhật đẹp trời, lang thang cùng với người bạn, nhâm nhi tách cà-phê ở góc phố để nhìn người qua lại. Một lần khác, có chuyện không vui, rủ một ai đó đủ thân lai rai vài ly ở một quán cóc ven đường để trút bầu tâm sự. Không ai mời đối tác làm ăn đi cà-phê bụi hay vào quán cóc. Chỉ là với ai và khi ấy ta được là mình, có thể phơi bày gan ruột với người hiểu ta (tri kỷ). Giản dị là thế nhưng cũng thực hạnh phúc. Tôi chợt nhớ một bài thơ của Nguyễn Khuyến mà ai cũng biết. Bài "Bạn đến chơi nhà". Thơ Nguyễn Khuyến vốn điểm đậm như tính cách của ông. Nhưng riêng bài này, sau vẻ điểm đậm là nụ cười hóm hỉnh, thân tình chỉ dành cho một đối tượng đặc biệt. Bạn đến chơi mà cái gì cũng không có. Ao sâu không bắt được cá, rào thưa khó đuổi gà, cải chưa hoa, cà chưa nụ, bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa. Đến nỗi trầu, chè cũng không có nốt. Đã đành cụ Tam Nguyên Yên Đỗ sau khi cáo quan về làng sống thanh bạch như một người nhà quê thực thụ. Dù thanh

bạch đến mấy thì chủ nhà là một nhà nho, một nhà thơ làm sao thiếu rượu, thiếu trà. Chẳng qua ông muốn nói quá lên thế thôi. Nói nhiều cái không chỉ để nhấn mạnh một cái có: cái tình. Tình tri kỷ vượt lên vật chất và những nghi thức xã giao thông thường. "Bạn đến chơi đây ta với ta".

Trong cuộc mưu sinh, con người thường phải bôn ba, mài miết kiếm tìm, không mấy khi được ngừng nghỉ. Có khoảnh khắc nào đó bất chợt dừng lại, thơ thần trong khu vườn nhà thân quen bỗng phát hiện một nụ hoa vừa hé, tiếng chim sâu chim chíp trong vòm lá... Gốc nhãn lâu năm cần cỗi, xù xì như một ông già cau có, gắt gỏng trổ những chồi non... Lòng thấy bình an... Người trải đời biết cách buông bỏ những thứ không cần thiết. Càng buông được, càng nhẹ nhàng. Thiên nhiên lúc nào cũng vô tư và hào phóng. Một trong những điều giản dị nhưng hạnh phúc của con người là được gắn bó với đất đai, cây cỏ, hoa lá quanh mình. Người ta sinh ra từ đất rồi có lúc sẽ trở về. Suy cho cùng, cái chết có thể cũng không đến nỗi đáng sợ như ta thường nghĩ. Một cái chết dịu dàng, giản dị như hạt muối tan trong nước có vẻ đẹp riêng. Vẻ đẹp của sự sinh-diệt nằm trong quy luật tuần hoàn chung của toàn thể vạn vật. ■





Đôi Chân của Con

LÊ HỮA HUYỀN TRẦN

Mẹ vẫn thường nhìn con thờ dài. Con không được may mắn như những đứa trẻ khác, di chứng chiến tranh đã làm đôi chân con bị bại liệt, teo tóp không thể tự đi được. Từ bé con chỉ có thể nằm một chỗ mà ú ớ khóc. Những lúc ấy mẹ vẫn hay khóc theo, những giọt nước mắt của mẹ từ thuở xa xăm vẫn luôn được giấu đi, nhoi nhói sau lưng con suốt miền ký ức.

Lúc con còn bé, ba vẫn hay cõng con trên lưng rong ruổi đi khắp các cánh đồng. Ba chỉ cho con những hạt lúa đương chín vàng và trĩu nặng. Ba lắc lư để cho con được nghe điệu mầm của hạt rồi thả con nhẹ nhàng xuống đồng lúa, để con ngửi thấy mùi sữa non của lúa

đang bay trong gió... Con nghịch với những chú cào cào... Con ngộ ngាយ chụp bắt lũ ếch đồng và cười vô tư dưới nắng mềm.

Từ bé con vẫn hay được chị gánh đi trong những quang thúng đầy rau quả. Chị luôn nhớ đặt trong thúng một nắm xôi vò cho con, sợ khi con mãi chơi quên cơn đói. Thế giới của con lúc ấy là một cái thúng nhỏ xíu mà con vẫn quanh quẩn mãi hoài không biết chán. Thế giới ấy có nụ cười trên gương mặt lấm lấm mồ hôi của chị, thế giới ấy có ánh nhìn dịu dàng chốc chốc vẫn ghé vào thăm chừng con như thế nào...

Từ bé con đã ước mình có thể lượn bay trên trời như những cánh diều kia... Hay có thể chạy đùa cùng tụi thằng Thân, thằng Vương nghịch chơi bắt bướm, hái



hoa, lội suối... Hoặc chỉ đơn giản là sẽ lội xuống đồng bắt những con cá rô quẫy nước đem về cho bà kho măng. Tuổi thơ của con là những lúc hai đứa bạn thân sửa đổi cái chông tre thành cái cáng, khiêng con chạy mệt nghỉ trên những triền đê dài tít tắp...

Tuổi thơ của con lăn mãi theo những bánh xe lăn mà ba cặm cùi đóng được từ mớ gỗ bỏ đi của nhà hàng xóm. Cái xe lăn ba làm cho con rất khó đi vì những bánh xe không tròn trịa lắm dù ba đã cố gắng gọt giũa. Vậy mà khi ba đặt con vào lòng chiếc xe lăn ấy, con đã ứa nước mắt vì hạnh phúc... Con đi học trường làng, những vòng xe vẫn cứ lăn đều đặn. Những lời cười đùa cợt nhả vô ý thức trên gheo con, nhiều khi khiến con buồn, khiến con đã bật khóc. Con tủi với thân phận của mình, con chợt nhận ra đôi chân khiếm khuyết của con là một gánh nặng cho mọi người.

Theo thời gian, con lớn... Con chợt nhận ra quanh con có rất nhiều những đôi chân thay thế cho con, những đôi chân dìu con bước đi và cứ thế con đi từng bước vào cuộc sống.

Mẹ đưa con đến trường dẫu nắng mưa, bệnh tật; như vậy, chính mẹ đã mang lại cho con từng nét chữ, giúp con xây dựng cả một tương lai. Mẹ cho con một

chân trời mới, mở mang những kiến thức, hành trang cho con bước vào đời. Mẹ cho con những ước mơ và niềm vui sống. Tình thương của mẹ mặn chát những giọt mồ hôi. Mẹ tập tễnh theo những bước đi chậm rãi của con, mẹ trang bị cho con nhiều sức mạnh tinh thần để con không cô độc. Đôi chân mà mẹ tặng con là "đôi chân của những Ước Mơ".

Ba vẫn hay cõng con trên lưng, vết chân ba in hằn trên cát... Người đi về phía biển, người đi suốt cánh đồng. Và dẫu cho khi con đã bước vào giảng đường đại học, con vẫn quá nhỏ bé trên vai ba. Qua tấm lưng rộng lớn, to bè và chắc nịch, con nhìn thấy cả một thế giới ba đã mang đến cho con. Ba cho con những bữa cơm no ấm, ba xây dựng gia đình đầy ắp những yêu thương để con không bao giờ cô đơn và hiu quạnh. Ba đã cho con "đôi chân của Hạnh Phúc".

Con hay vòi vĩnh và cho đến khi lớn khôn con vẫn còn mè nheo với chị. Chị chỉ lớn hơn con vài tuổi nhưng lúc nào cũng nở nụ cười dịu dàng và luôn chu đáo với con. Chị luôn là chỗ dựa cho con khi con cần đến, là bờ vai con gái yếu đuối nhưng thật vững vàng với nụ cười mát trong như dòng suối, đưa con đến với chân trời xanh thẳm của những giấc mơ. Chị đã mang đến cho con "đôi chân của Tình Thân".

Và cả lũ thằng Thân, thằng Vương lúc nào cũng bày trò nghịch dại. Có khi tụi nó mang con theo đi hái trộm bưởi nhà ông Út, rồi khi thấy ông xuất hiện thì hốt hoảng bỏ chạy để con ngồi trơ ra đó. Ông giả vờ bắt lỗi con, khiến tụi nó vội vàng quay lại, vừa run sợ, vừa nước mắt ngấn dài nhận lỗi về mình... Con chợt nhận ra yêu thương không chỉ có những nụ cười. Mãi đến bây giờ, chợt nhìn lại sau những bộn bề của cuộc sống, những điều đơn giản tưởng như dễ mất đi, thì bàn tay hai đứa vẫn nắm chặt tay con... Con đã có được "đôi chân của Tình Bạn".

Và những người khác nữa, vô vàn trong số những người yêu thương con, mang đến cho con những vòng tay ấm tình, những sự cảm thông nâng đỡ, dù chỉ từ ánh mắt, cũng đủ để con tiếp thêm sức mạnh để bước đi, cho con có thêm "đôi chân của Sẻ Chia".

Còn bây giờ... là anh, người đã bên con cả một quãng thời gian rất dài. Anh là người đã nhìn vào mắt con mỗi khi hừng đông và lén quay đi giấu giọt nước mắt khi nhìn xuống chân con... Anh cõng con đi ngắm bình minh và hôn lên trán con khi nói lời yêu, là đôi chân sẽ sánh bước cùng con cả cuộc đời, "đôi chân của Tình Yêu".

Và rồi con lại khóc. Con khóc vì dẫu con không đi được trên chính đôi chân của mình, nhưng bằng một cách nào đó, con sẽ đi bằng "đôi chân của riêng con", đôi chân mà mọi người đã mang đến cho con, đôi chân của những tấm lòng. Con tin là đôi chân con sẽ vững bước trong cuộc sống, vì con đã có "đôi chân của Hy Vọng". ■



Cuộc sống và tình Lam

NGUYỄN TÁNH-ĐỖ THỊ DIỆU TRANH

Vào năm 1971, tôi đến sinh hoạt với Gia đình Phật tử (GDPT) Hòa Quang có đoàn quán tại chùa Hòa Quang, xã Thủy Xuân (nay là phường Thủy Xuân, thành phố Huế). Lúc đó tôi mới được chín tuổi, là đoàn sinh của đoàn nữ Oanh vũ. Nhờ sinh hoạt với GDPT mà tôi đã nhận được sự dìu dắt của các anh chị trưởng; bên cạnh việc hòa nhập vào các hoạt động thanh thiếu niên hết sức sinh động và phù hợp với lứa tuổi, tôi còn được các anh chị trưởng dạy dỗ cho tôi biết bao điều hay lẽ phải, trau dồi cho tôi những hiểu biết về giáo lý của

Đức Phật, hướng dẫn tôi để tôi trở thành một Phật tử chân chánh.

Trước khi đến với GDPT tôi là một đứa trẻ mồ côi cha và vắng mẹ. Mùa xuân năm 1968, trong hoàn cảnh chiến tranh thì cha tôi lại đau nặng phải nằm điều trị ở bệnh viện Huế. Mẹ tôi lo lắng không ngủ được nên cứ đi ra đi vào và không may trúng một viên đạn lạc rồi bị thương, được các chú bộ đội chữa trị nhưng sau đó họ gánh mẹ tôi ra Bắc rồi đi thẳng luôn; từ đó, bà mất liên lạc với gia đình. Đến năm 1970 cha tôi cũng mất sau một cơn bạo bệnh. Khi đó, tôi còn quá nhỏ nên chưa



Nguồn: gdptbariavungtau.org.vn

biết huyệt hăng và đau khổ là gì, chỉ biết khóc khi đến giờ phút ba tôi lâm chung. Từ đó gia đình tôi sống trong hui quạnh và khốn khó, chị em đùm bọc nuôi nhau.

Một thời gian sau, gia đình tôi bắt đầu nhận được sự giúp đỡ của bác Siêu. Hồi đó vì còn quá nhỏ, chị em tôi không biết bác Siêu là bác nào, chỉ biết bác cho gạo thì nhận; nhưng hình ảnh và con người của bác thì luôn ghi đậm những ấn tượng trong tâm trí tôi: chiếc xe đạp với hai bao gạo vắt sau yên, mặc áo dài đen, đội chiếc mũ cối trắng, quần lúc nào cũng ống cao ống thấp; có lẽ bác chẳng màng nghĩ tới mệt nhọc của bản thân mà chỉ lo lắng cho sự nghèo khổ của những người đang thiếu thốn... Giờ đây, khi biết đến bác qua những dòng hồi ký, những bài viết tường niệm về bác thì bác không còn trên thế gian này nữa. Bác đã học được chí nguyện cao siêu trong đạo Phật, vì sự tế độ chúng sanh, giác ngộ chúng sanh, giúp ích chúng sanh mà quên đi bản ngã nhỏ mọn hẹp hòi của mình. *"Bác ơi con xin thành tâm cầu nguyện cho bác được an lành nơi cảnh giới của Đức Phật A-di-đà"*.

Đến năm 1973, sau thời gian sinh hoạt chuyên cần và tiến bộ, tôi được các anh chị huynh trưởng cho tham dự trại Tuyết Sơn tổ chức tại đồi Voi Ré Long Thọ lúc bấy giờ. Thật thú vị và say mê với con đường đã chọn, với lý tưởng cao đẹp từ tuổi nhỏ. Đã khắc sâu trong tâm trí tôi những điều luật của ngành Oanh: *Em tưởng nhớ Phật, Em thuận thảo với cha mẹ và anh chị em, Em thương người và vật*. Qua giáo lý của Đức Phật được các anh chị trưởng truyền đạt, tôi đã hiểu thế nào là đau khổ và thế nào hạnh phúc chân thực; tôi cũng hiểu được vai trò của cuộc sống cá nhân trong mối quan hệ xã hội. Chính nhờ các anh chị đã khéo gieo những hạt giống yêu thương mà bản thân tôi đã hiểu biết nhiều hơn. Nhưng dù bất cứ thời đại nào, GDPT vẫn không tránh khỏi những khó khăn do sự chi phối của dòng đời hối hả.

Đến những năm tháng sau mùa xuân 1975, đất nước hòa bình thống nhất, Bắc Nam sum họp, mẹ tôi lại trở về trong sự ngỡ ngàng, mừng vui đầm nước mắt của chị em tôi và bà con họ hàng. Mẹ tôi kể, sau khi ra Bắc chữa trị lành vết thương thì mẹ tôi tình nguyện ở lại phục vụ việc nấu ăn cho tập thể ở ngoài đó. Thời gian này tình hình có nhiều chuyển biến và tràn ngập khó khăn, sinh hoạt của GDPT cũng chịu nhiều tác động. Rồi đời sống đổi thay và thời cuộc cũng đổi thay. Một thời gian dài, vì quá bận rộn với cuộc sống gia đình riêng, tôi chưa thể trở lại với đời sống của một đoàn sinh GDPT. Nhưng với mong muốn và tâm nguyện có sẵn mà tôi đã ôm ấp trong lòng từ lâu, đến năm 2000 tôi quyết tâm thực hiện cho được ý định đó. Đến với GDPT Dương Biểu, lần này là mái nhà Lam thứ hai của tôi, cái buổi đầu tiên ấy, sao mà cảm thấy gần gũi thân thiện vô cùng. Khi tôi đến đây sinh hoạt thì không chỉ một mình mà còn có cả hai cháu là con gái của tôi cũng được tiếp nhận vào đoàn nữ Oanh vũ nữa. Từ đó tôi đã tự hứa với lòng mình sẽ mãi mãi theo con đường mà mình đã chọn, đã khắc sâu tận đáy lòng từ lâu. Từ một đoàn sinh ngày trước, năm 2001 tôi mới là một huynh trưởng tập sự, nên tôi cần học hỏi nhiều ở các anh chị, những người thuộc thế hệ đi trước. Mỗi lần qua một kỳ trại huấn luyện huynh trưởng, tôi cảm thấy mình trưởng thành hơn. Tôi cảm nhận tình Lam sao gần gũi như người thân trong gia đình. Với tôi, tình Lam thật tuyệt vời, tình Lam thấm mãi vấn vương trong lòng.

Hôm nay, ngồi viết những dòng này thì tuổi tôi cũng đã "ngũ thập dư niên" rồi, thế mà tôi vẫn cảm thấy mình trẻ như ngày nào, hoạt bát sinh hoạt năng động với ngành Thiếu. Tôi thầm cảm ơn các chị, các em trong mái nhà Lam hiền hòa đã cho tôi niềm vui, ước mơ, sự lạc quan với cả lòng nhân ái và tình thương. Tôi luôn nhớ mãi màu lam hiền hòa, đầm ấm và màu lam yêu thương. Cuộc sống đời tình Lam đầy ý nghĩa để phụng sự đạo pháp và xây dựng gia đình ngày một vững mạnh. ■



Thêm nhà vắng hoa xuân

NGUYỄN HOÀNG DUY

Nàng yêu hoa. Điều đó được thể hiện trên những luống hoa đẹp rực rỡ trước thềm nhà do chính tay nàng vun trồng. Trong ngôi nhà của đôi vợ chồng son chúng tôi, lúc nào cũng có nhiều lọ hoa đặt khắp nơi; một số là sản phẩm do nàng tạo ra, số còn lại do nàng đi chợ thấy đẹp mua về. Nàng trồng hoa bốn mùa nên hầu như lúc nào thềm nhà cũng trải thảm hoa và cây

xanh trong mát. Gần Tết, nàng trồng hoa nhiều hơn, chăm sóc chu đáo hơn những ngày thường. Theo nàng thì mùa xuân là mùa đẹp nhất trong năm, khách đến nhà thường xuyên, nếu không trang trí ngôi nhà cho thật đẹp thì vô vị. Vì vậy, cứ còn hai tháng nữa đến Tết là nàng đã lo gieo hạt vạn thọ, cúc tía, hướng dương... Rồi đến giữa tháng Chạp là nàng bắt đầu bấm đọt vạn thọ, cúc và tước lá mai. Do chỉ là "nội tướng" nên nàng

có dư thời gian để làm những chuyện này. Phải công nhận rằng, cứ mỗi năm xuân về, khách đến nhà tôi đều khen lấy khen để thêm nhà đẹp như bức tranh thủy mặc, đặc biệt là khen cô vợ của tôi có khiếu thẩm mỹ tuyệt vời.

Tôi yêu thích cái khoảnh khắc nàng ngồi hàng giờ trước thềm hoa rồi bất giác cười vu vơ khó hiểu. Nụ cười cuốn hút như đóa hoa đang bung mình trong sương sớm. Cũng vì cái nét duyên ấy mà tôi quyết theo đuổi nàng hồi còn là sinh viên. Sau khi ra trường, chúng tôi đã được cha mẹ hai bên hài lòng tác hợp để được chính thức đến với nhau. Nhiều lúc tôi trêu nàng: “Bây giờ sao đây, định yêu hoa rồi bỏ bê chồng phải không? Có biết là anh ganh tị không?”. Nàng cười duyên, bẹo má tôi và nói: “Mặt anh trông gian quá, không yêu nữa. Em chuyển qua yêu hoa coi bộ thích hơn”. Nàng trồng hoa nhiều nhưng chỉ để chưng, trang trí quanh nhà, còn lại thì mang đi biếu ba mẹ, hàng xóm chứ không bán. Cũng có nhiều người đến hỏi mua nhưng nàng từ chối thẳng thừng: “Tôi trồng hoa để ngắm chứ không phải kinh doanh”.

Thế mà cái Tết năm nay, ngôi nhà tôi lại lạnh lẽo, tẻ nhạt vô cùng. Nhà không còn phảng phất hương hoa Tết như những năm trước. Mấy luống vụn thọt, cúc tía, thủy tiên, hướng dương... khô héo, ủ rũ đến phát tội. Dù hoa đã ra nụ, nhưng trông chúng thiếu sức sống và chẳng có gì gọi là mang xuân về. Cây mai được nàng tưới lá phân nửa thì bỏ dở. Nhà cửa bừa bộn không thể tả, cứ y như ổ chuột của mấy gã cái bang. Tôi đi làm từ sáng sớm cho đến tối mịt mới về nhà, không còn thời gian để dọn dẹp phòng ngủ, nói gì đến chuyện xách nước tưới hoa. Nàng giận tôi. Bỏ mặc tôi, xách vali về nhà ba mẹ ruột. Thật ra chuyện chẳng có gì gọi là ầm ĩ. Số là công ty đối tác của tôi có tổ chức tiệc tất niên sớm và mời tôi tham gia. Hôm đó, không biết trời xui đất khiến thế nào mà tôi lại ngồi gần một nữ nhân viên khá hấp dẫn. Dù biết tôi đã có vợ nhưng cô ta vẫn ra chiều lả lơi với tôi. Đợi lúc tôi say, cô ấy nhét vào túi áo tôi một tờ giấy có ghi số điện thoại, kèm theo một dòng ghi chú thân mật. Vì lịch sự nên tôi không bỏ đi và về đến nhà thì quên mất. Sáng hôm sau, trong lúc giặt đồ, nàng phát hiện và nộ khí xung thiên. Phải công nhận khi ghen, đàn bà đáng sợ thật. Thường ngày nàng dịu dàng, mỏng manh như những cánh hoa trước thềm nhà bao nhiêu thì nay dữ tợn bấy nhiêu.

Mặc dù tôi đã cố giải thích, cho nàng số điện thoại công ty đối tác để nàng điều tra, nhưng nàng vẫn không nguôi giận. Thế là nàng bỏ về nhà ba mẹ ruột như thể không còn vương bận gì quanh mình.

Hai ngày vắng nàng, tôi không thèm gọi điện vì cho rằng mình chẳng làm gì có lỗi. Nhưng sang ngày thứ ba thì tôi nhớ, nhớ nhiều lắm. Tối ngủ một mình trống vắng làm sao. Nhiều lần muốn gọi điện cho nàng, nhưng tính tự ái đàn ông trỗi lên, thì lại thôi. Đành gọi

điện cho mấy cậu em vợ, hỏi han coi nàng ra sao. “Bà chị giận anh dữ lắm. Anh mau qua rước về đi, em chịu hết nổi rồi. Bà cứ khóc thút thít suốt ngày”, cậu út nói thế. Chao ôi, nghe cậu em nói mà tôi chùn lòng, cứ đau đầu mãi. Mấy đồng nghiệp tôi cũng đốc thúc vào: “Mày coi qua nhà xin lỗi vợ đi, chứ không khéo năm nay ăn Tết một mình đó. Phụ nữ thường giận dai lắm, nhưng nếu đàn ông chịu xin lỗi là xong ngay. Lăn tăn làm gì, dù sao cũng là vợ mình mà, bộ tính giận nhau cả đời chắc”. Nghe ông bạn nói thật chí lý, cộng thêm những lời khuyên của mấy chị hàng xóm, cuối cùng tôi quyết định sẽ qua xin lỗi nàng.

Nhưng tạm thời chưa phải lúc. Giờ bắt đầu nghỉ Tết, tôi phải dọn dẹp lại ngôi nhà cho khang trang, tươi tắn, trát sơn cho sáng sủa lên. Tiếp đó là chăm sóc mấy luống hoa trước thềm nhà cho tươi tốt, bón phân vào, tỉa lá tỉa cành cho ra vẻ nghệ nhân. Dù rằng chúng không khỏe bằng lúc vợ tôi “nuông chiều”, nhưng chịu khó một tí, sau mấy ngày, chúng cũng bừng tỉnh mùa xuân. Cây mai trước nhà chỉ trổ hoa một nửa, nửa còn lại thì dày đặc màu áo xanh ngắt. Nhưng lỗi nghệ thuật đôi khi dẫn đến sự phá cách độc đáo, trông cũng hay hay. Tôi muốn dành sự ngạc nhiên này để khi bước vào thềm nhà, nàng sẽ cảm động và yêu tôi hơn. Thú thật là tôi chịu hết nổi cái cảnh xa vợ rồi. Thiếu nàng như thiếu cả mùa xuân, thiếu một đóa hồng dịu dàng, thùy mị. Nhưng tôi phải đợi đến sáng mồng một mới qua rước nàng về, sẵn tiện xông đất lấy hên nhà ba mẹ vợ. Lòng tự nhủ thầm: “Cố lên, tôi ơi!”. ■



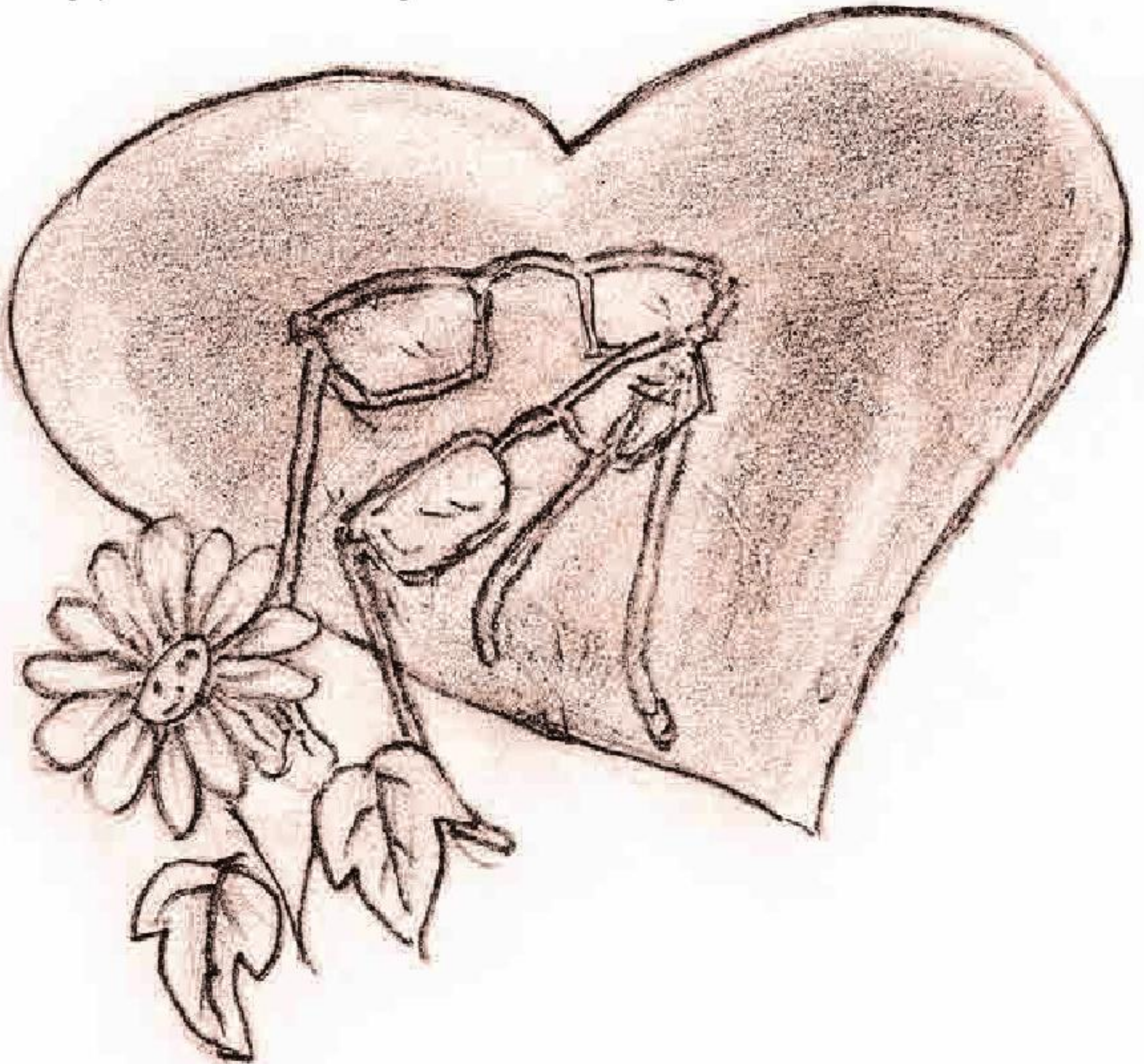
Mẹ

ngồi soi trước gương

PHÚC YÊN

Cô con dâu Sài Gòn trong lần đầu tiên về quê chồng ăn Tết, lên phố khệ nệ mua tặng mẹ chồng một cái bàn trang điểm. Cả nhà cười ngất trước món quà thiếu thực tế, sang trọng và không phù hợp với một bà mẹ nhà quê lam lũ. Cô con dâu không ngượng trước lời trêu ghẹo chê bai của đám em chồng mà chỉ cười

cười ý nhị. Bà mẹ chồng tỏ ra ái ngại khi con dâu bước tới trước mặt mình, đưa bàn tay ngón thon dài, trắng trẻo ra nắm lấy đôi tay sần nhám của bà, lắc lắc: “Con cũng đắn đo trước khi mua nó. Mẹ đừng chê, đừng quên dùng quà của con nha mẹ. Biết đâu sau này mẹ sẽ thích ngồi



vào bàn, không chỉ để trang điểm". Cô con dâu nháy mắt tinh nghịch với bà.

Thêm cái bàn trang điểm, căn buồng của vợ chồng bà không chật mà chỉ khang khác. Trông nó so le khi đặt cạnh cái tráp nhôm cũ kỹ, trong đó nào là hình đen trắng của vợ chồng bà và các con, bộ áo dài cưới của bà, giấy khai sinh, bằng tốt nghiệp của từng đứa con, cả những cuốn vở từ hồi mẫu giáo của chúng bà cũng đem cất kỹ. Kho kỷ niệm, đời sống son trẻ của ông bà nằm trọn trong cái tráp nhôm sờn rỉ này. Cô con dâu xếp vào tủ trang điểm một chai dầu gió, tuýp thuốc trị nứt nẻ chân, chai thuốc nhỏ mắt, thỏi son, hộp phấn... Trừ chai dầu gió và thuốc trị nứt chân, các thứ kia đều lạ lẫm với bà. Đi cùng với bàn trang điểm là chiếc ghế dựa cũng bằng gỗ, nhỏ bé nhưng ngồi vào rất thoải mái. Cả đời bà mấy khi được ngồi ngời ngời, hướng chỉ là yên vị thư thả trên chiếc ghế dựa như thế này. Đời bà chỉ có đi bộ và khom lưng. Không khom lưng sao được khi bà làm tới gần hai mẫu cả ruộng lẫn đất, thêm bầy heo, đàn bò. Sống thời nay còn ai lạc hậu bằng bà khi mà bà không biết đi cả xe đạp lẫn xe gắn máy. Đi gần gần thì "mô-tô bước", đi xa thì kêu chồng con chở hoặc cấp cái mũ bảo hiểm ra đường cái quan vẫy xe quá giang. Hết mười hai năm nằm vông ru con, lần lượt đều đặn ba năm một đứa. Cả khi ngồi trên cái đòn gỗ, ấy là mỗi khuya bà phải bằm một giỏ rau đầy để hôm sau nấu hai nồi cháo heo to chẳng... Giờ ngồi lâu lâu trên cái ghế dựa này, bà tưởng như cơ thể mình là một con tàu, không miệt mài trên đường ray nữa mà đã ngưng nghỉ tại sân ga.

Một lần, hai lần, chục lần... rồi hằng đêm, bà đã quen với việc ngồi vào bàn trang điểm trước khi đi ngủ. Trước gương, bà thấy lòng mình thành thoi lạt. Ký ức một thời lam lũ, với bầy con đứa ba đứa bảy, cái thời chỉ mới đây thôi vẫn còn bán mặt cho đất, khi hết đứa này đến đứa kia vào đại học... trở về trong tâm trí bà càng lúc càng rõ như chiếc gương soi phủ bụi lâu ngày, nay được lau chùi sáng bóng. Bà nhớ đến cái nháy mắt tinh nghịch của đứa con dâu khi nó xin phép bà mang cái bàn vào buồng, cả cái bàn tay trắng trẻo mềm mại của nó nắm lấy tay bà lắc lắc, nói rất giọng miền Nam thiệt ngọt: "Dùng quà của con, nha mẹ!". Kể cũng lạ, con dâu mới, nó cũng đáo để chớ, chẳng hề nao núng trước lời trêu chọc của lũ em chồng.

Cô con dâu mặc những bộ đồ bộ sáng màu, cười nói vui vẻ, cứ bật lên một sức sống giòn tan như nắng tháng Tư trong căn nhà mà ai cũng trầm tính, ít nói. Rồi thì nó còn ra ngoài ao bứt lục bình về cắm trong bình; hoa lục bình cánh mỏng tang, gió chưa kịp tạt qua đã se cánh mà nó không chán, cứ bứt hoài cắm hoài. Rồi nó ra đám ruộng của nhà, hái mấy nhánh bông lúa đang làm đồng; ra bãi thả bò, hái về một nắm cỏ may, nó mày mò đầu ra một bông xương rồng đỏ rực. Bà háo hức để ý xem con nhỏ sẽ làm gì với mấy thứ bông, cỏ

tạp nham kia. Với bông lúa, hoa cỏ may, bông xương rồng, nó lôi trái dừa khô ra chặt miếng, tróc tróc cho tua tua lớp vỏ rồi cắm tất cả vào đấy, thì ra là một bình hoa gáo dừa. Nó đặt bình hoa chẳng giống ai lên bộ bàn uống nước ở nhà trên. Lũ em chồng lại trêu anh nó rước về một bà vợ thành phố "cà từng". Bà bênh con dâu, ừ thì có thể không hợp, dân thành phố nên nó thấy háo hức trước cảnh nhà quê, cứ kệ nó, nó có ở đây lâu đâu mà. Bà thấy vui lây cái vui của con, chỉ cần mỗi lần về nó hòa nhập cùng gia đình bà, vui vẻ, cởi mở hết mình là không khí ấm cúng rồi. Nhưng bà lại đâm lo, nó ham vui thể chắc lại cũng vô tâm, đui đui, rồi khổ con trai bà thôi. Cái đầu nghĩ là chân bà bước. Bà đi vào buồng xem thử nó có mắc mùng cho chồng nó ngủ không; hồi chiều thằng con bà làm vài ly với đám bạn hàng xóm đã hơi ngà ngà, mà nhà thì đầy muỗi. Bà quay ra, len lén lau giọt nước mắt: mừng được mắc căng rộng, con trai bà ngủ ngon lành, bên cạnh đứa con dâu lúi cuí khâu cái nút áo sứt chỉ của chồng nó. Cái dáng vẻ tiểu thư thị thành, hồn nhiên của con dâu lặn đâu mất; trước mắt bà là sự lặng lẽ, nhẩn nại và hiền ngoan đến nao lòng của con dâu. Con dâu bà dân Sài Gòn gốc, cha mẹ đều là nhà giáo, khá giả, mô phạm, chẳng hiểu sao lại thương lấy thương để thằng con lấm lì ít nói mà dễ mùi lòng của bà. Con đặt đâu cha mẹ ngồi đấy, ông bà ưng cho chúng nó lấy mà dạ không an tâm. Cưới xong, chính con vợ lại bảo thằng chồng từ chối để nghị ở rể, hai vợ chồng ra thuê trọ ở riêng. Nó biết nghĩ được như thế không phải là đứa nông cạn, ỷ lại. Ừ phải, người sinh ra mỗi thời mỗi khác nhưng cái tình của vợ đối với chồng con thì muôn đời giống nhau thôi. Chợt nhớ, mấy bà hàng xóm có con dâu miền Nam, miền Bắc thường than thở về sự không hòa hợp. Bà lại nghĩ, nó không chun mũi trước nỗi mầm chua của mình thì có gì mình lại trề môi trước nỗi canh chua ngọt lịm, dẻo queo kiêu miền Nam của nó? Mình đã từng làm dâu nên thấu hiểu cái mong mỏi được nhận sự rộng mở từ phía nhà chồng. Bà đã đem cái tình người mẹ ra đối với con nên nhận được sự thảo hiền đáp lại chẳng?

Song, người lạ nhất nhà là chồng bà, gần sáu chục tuổi đời, gần bốn mươi năm chung sống vợ chồng, nay ông bỗng sinh tật thích... ngắm bà. Ngắm cái lưng đã sắp sửa cong vẹo vì chứng thoái hóa cột sống. Ngắm mái tóc vẫn dài quá mỏng nhưng đã mất đi sự mượt mà, chỉ còn vẻ sần sùi, lấm tấm sợi bạc. Cả ngón tay trái áp út vĩnh viễn không duỗi thẳng ra được sau cái lần bà chặt tre chẻ lạt bị đứt gân. Mỗi ngày, khi đã xong xuôi hết mọi chuyện ngoài chuồng bò, heo, gà, nhà bếp..., bà trở vào chốn riêng: căn buồng có chiếc bàn trang điểm án ngữ bên tráp nhôm cũ. Mân mê thớ gỗ láng mịn, bà như nhìn thấy nụ cười tươi rói cùng dáng ngồi khau của con dâu. Bà soi vào gương, khuôn mặt đầy vết chân chim của bà hiện ra, bà lại như thấy một thời son rồi của mình. ■



Ký ức mùa khoai mì

LINH LAN

Những mùa khoai mì còn sót lại trong ký ức của tôi là những năm tháng mà bố mẹ tôi luôn phải thức dậy từ tinh mơ sớm, những bữa cơm sáng cho chúng tôi được bố mẹ chuẩn bị một cách đơn giản, nhanh gọn. Và khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn, uể oải xúc từng thìa một trong cơn ngái ngủ, bố mẹ lại ăn một cách vội vàng gấp gáp rồi tắt bếp, cặm cùi xắt cho xong đồng khoai mì trước hiên nhà để kịp phơi khi trời vừa nắng. Bây giờ tôi còn là một đứa trẻ.

Đó là hình ảnh về những mùa khoai mì tôi đã trải qua.

Nhà tôi trồng nhiều khoai mì. Đó là nguồn thu nhập chính của gia đình tôi. Thuở ấy, ở quê tôi hầu như nhà nào cũng có rẫy trồng khoai mì. Nhà nào không có rẫy thì đi làm củ mì, nhỏ mì, gọt củ mì thuê.

Mùa thu hoạch khoai mì thường rơi vào mùa hè, bởi khi đó trời nắng ấm, khoai mì rất nhanh khô, màu sắc đẹp và dễ bán.

Vào mùa thu hoạch, những chiếc xe bò lúc lắc chở hàng tạ khoai mì nối nhau đi trên đường. Những đồng khoai mì đầy ắp được bày ra khắp hiên trong các nhà hàng xóm. Từ sáng đến chiều, mọi người tập trung



Nguồn: vietgiaco.vn

quanh đồng cù, người bào vỏ, người xắt lát, người đem phơi. Không khí rộn ràng đông vui hơn hẳn ngày thường. Cũng ở đó, những câu chuyện vui buồn khắp nơi từ xóm trên đến xóm dưới, làng này qua làng nọ, chuyện thật, chuyện xạo, chuyện khóc, chuyện cười đều được đem ra kể một cách rôm rả, khi mọi người mặc những bộ quần áo cũ kĩ nhất để không phải tiếc rẻ khi mũ mìn dính vào và ngồi suốt mười tiếng đồng hồ chỉ với công việc bào vỏ, xắt lát, đem phơi...

Những đứa trẻ như chúng tôi cũng hăm hở lao vào cái công việc thú vị đó. Dường như chúng tôi là lực lượng "lao động" đông đúc và ồn ào nhất. Nhưng chỉ gọt được vài chục củ là đã chán, chúng tôi bèn len lén bỏ đi chơi.

Một lần bố tôi nhặt nhanh những củ mì bé tí, dồn thành đồng rồi gọi tôi lại, bố nói: "Nếu con chịu khó gọt, xắt, phơi, thì bán được bao nhiêu bố sẽ cho con khoản tiền đó". Nghĩ đến cơ hội được kiếm số tiền đầu tiên trong đời, tôi thích chí đồng ý ngay.

Ngày đó, mỗi khi đi học về, tôi đều chăm chỉ học bài sớm rồi lại cặm cụi bên đồng khoai mì, gọt gọt, xắt xắt... Khi bận bịu tôi bắt đầu những ngày tháng tự do rong ruổi, thoát khỏi bài vở và áp lực của những kỳ thi tôi cũng lại cặm cụi bên những củ khoai bé xíu, cặm cặm với công việc của mình.

Khoai mì sau khi cạo sạch và xắt lát được tôi đem phơi trên tận mái nhà. Bố cho phép tôi được phơi ở đó với điều kiện đi lại nhẹ nhàng. Sáng phơi lên, chiều gom xuống, sáng mai lại phơi... Cứ thế, nhờ sức nóng của mái tôn và nắng trời, chỉ vài ba hôm khoai mì đã khô. Tôi sung sướng nhận ra những lát khoai của tôi trắng và sạch nhất.

Cuối mùa, mẹ gom chỗ khoai của tôi lại và cho vào một bao tải mang đi bán. Khi mẹ cầm về số tiền bán được từ chỗ khoai mì mà tôi cặm cặm sửa soạn trong một thời gian dài, tôi đã vô cùng hụt hẫng. Số tiền khá nhỏ so với công sức mà tôi đã bỏ ra. Tôi buồn xo. Lúc đó, bố đã đến ngồi cạnh tôi và nói rằng: "Bố làm vậy không phải muốn con làm ra tiền ngay lúc này. Bố chỉ muốn con bỏ công sức ra để hiểu được giá trị của sức lao động và đồng tiền mà thôi. Đây là công việc mà bố mẹ đã làm bằng tất cả tâm huyết lẫn sức lực có thể để gom góp những khoản tiền bé tí nuôi nấng các con ăn học ăn học thành người. Bố muốn con hiểu được những kỳ vọng lớn lao mà bố mẹ đã tin tưởng gửi nơi các con. Có thể khoản tiền nhỏ nhoi ấy sẽ làm con thất vọng nhưng nó sẽ giúp con học được một bài học lớn lao rằng khi con bỏ công sức ra để làm một việc gì đó con cũng sẽ nhận lại được thành quả của mình. Có thể, thành quả đó chưa xứng đáng với công sức con đã bỏ ra nhưng điều đó chẳng hề gì. Cuộc sống không có điều gì là dễ dàng cả. Để nhận lại được một thành quả xứng đáng với công sức bỏ ra, con cần phải nỗ lực và phấn đấu thật nhiều. Đó mới chính là mục đích mà cuộc sống mang đến, con ạ!".

Những điều bố nói với tôi hôm ấy đã làm tôi vỡ lẽ ra nhiều điều. Tôi không còn buồn bã vì khoản tiền nhỏ nhoi ấy chưa tương xứng với sự nỗ lực và chăm chỉ của tôi. Tôi đã làm phẳng từng tờ tiền nhăn nheo ấy và cất giữ nó một cách thật cẩn thận trong ngăn tủ của mình để mỗi khi nhìn lại nó tôi sẽ nhớ về những điều bố đã từng nói. Đó sẽ là khoản tiền nhắc nhở tôi về giá trị của sức lao động mà bố mẹ đã bỏ ra để nuôi chúng tôi ăn học thành người, nhắc nhở tôi về sự nỗ lực không ngừng nghỉ để đạt được những mong ước mà chúng tôi và bố mẹ chúng tôi đang mong đợi.

Giờ đây, tôi đã khôn lớn, không còn là một cô bé ngây thơ như ngày nào. Tôi đã là sinh viên của một trường đại học như những gì bố mẹ luôn kỳ vọng nơi tôi nhưng những điều bố nói với tôi hôm ấy, tôi vẫn sẽ luôn khắc ghi và mang theo bên mình như một hành trang quý báu, để khi bước vào đời, mỗi lần bắt đầu một công việc nào đó tôi cũng sẽ cố gắng làm hết sức mình có thể để đón đợi những thành quả xứng đáng. ■



Hồn quê xứ nẫu

TRẦN DUY ĐỨC

Trong bài thơ thất ngôn bát cú *Nẫu và tui* của nhà thơ Hà Giao, có hai câu:

*"Nẫu hờn nẫu giận tui xin nẫu
Tui dỗi tui hờn nẫu bỏ tui..."*

Sao mà thấm đẫm tình người xứ nẫu. Anh Hà Giao không còn trên cõi tạm này, nhưng nguồn cội văn hóa dân gian của núi rừng Vĩnh Thạnh - Bình Khê, nơi đầu nguồn sông Côn và cả dải đất nắng dài mưa dầm, đứng giữa đồng bằng nhìn lên là rừng, nhìn xuống là biển, nằm giữa ba đèo: An Khê, Cù Mông, Bình Đê, đã ngấm vào anh để cho đến tận khi về thế giới bên kia anh vẫn đau đáu mang theo hồn quê xứ nẫu.

Xứ *nẫu* mà theo Quách Tấn mô tả trong *Nước non Bình Định*:

*"... Bình Định không đồng khô cỏ cháy
Năm dòng sông chảy
Sáu dãy non cao
Biển Đông sóng vỗ dạt dào
Tháp xưa làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh..."*

Quê hương của Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ, nơi khởi phát phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn, rồi cùng cả nước nối tiếp các phong trào yêu nước, các cuộc khởi nghĩa, giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ quê hương, Tổ quốc, đổi mới, hội nhập và phát triển.

Trở lại với những từ phương ngữ *nẫu, tui, dĩa, dẫy, hén...* mà chỉ ở Bình Định và Phú Yên mới có, có rất lâu đời và bây giờ vẫn thế. *Nẫu* có nghĩa là họ, là người ta, là kẻ khác. Còn *tui* tức là chỉ cho mình, là tôi. *Dĩa* là đi dĩa, tức đi về, đi dễ. *Dẫy* na tức vậy sao, có thể là hỏi lại, xác định lại. Chữ *dẫy* còn đi liền với chữ *hén*, chữ *nghen* (*dẫy ghen, dẫy hén*) muốn nhắc lại điều gì đã nói với ai trước đó, để người ta nhớ và làm như đã hẹn. Cái thời giao thông đường bộ chưa phát triển, các dòng sông trong tỉnh còn sâu, nước trong veo, thuyền bè lên xuống tấp nập, nhộn nhịp trên bến dưới thuyền, hàng hóa từ trên nguồn chuyển xuống, từ miệt biển chở lên, từ thuở còn thương cảng Nước Mặn, đã ăn sâu vào tâm thức người dân hai câu ca dao:

*"Ai dìu nhẩn với nậu (nấu) nguồn
Măng le gửi xuống, cá chuẩn chở lên".*

Nhớ lại hồi còn nhỏ, có lần tôi theo ông nội ra Huế, lũ bạn trang lứa cứ gọi tôi là thằng dân *nấu*, ở xứ *nấu*, tôi nghe thấy quê quê thế nào và ít nhiều mặc cảm, bực mình, nhưng đành nhin cho qua, vì *tui* đang ở xứ người. Lớn dần tôi cũng cố lảng tránh không dùng tiếng *nấu* trong khi trò chuyện với ai, nhưng không thể nào được, vì tiềm thức đã ăn sâu tiếng *nấu* và *tui*, nên miệng cứ tự động bật ra như vậy, lúc đầu chưa quen cảm thấy hơi mắc cỡ.

Ấy là chuyện hồi còn nhỏ. Càng lớn lên, càng quan hệ rộng hơn, biết được ở mỗi vùng miền có thổ âm, phương ngữ riêng và họ vẫn giữ như vậy, nên tôi lại càng thấy mình tự hào về tiếng nói xứ *nấu* và thích người ta gọi mình là dân xứ *nấu*. Thời còn bao cấp, một lần tôi đi xe đò từ Nha Trang về Quy Nhơn, lúc ấy mua vé rất khó, xếp hàng mua được vé xe là mừng lắm. Lợi dụng lúc đông người chen lấn xô đẩy, một anh thanh niên cao to mua vé xe khác tuyến đã giở trò sàm sỡ, còn đồ đối với một cô gái, không ngờ chỉ một cái vung tay nhanh như chớp của chị ta mà anh nọ đã ngã ùng, lỵ mọ ngổ dẫy rất khó khăn và không dám phản ứng, vì đã chạm phải cao thủ. Khi xe chạy, một số người chúng kiến cảnh xô xát đã khen cô gái ấy có võ Bình Định. Ngồi trên xe, có người còn nói thêm là đã có lần nhìn thấy trên đường phố Sài Gòn hồi trước năm 1975, một bác đập xích-lô đã đánh gục một kẻ ăn quýt cao lớn người nước ngoài chẳng những không trả tiền đi xe mà còn hiếp đáp người lao động; hỏi ra mới biết bác xích-lô ấy là người gốc An Vinh. Chẳng ai xác nhận đúng hay không, nhưng tôi và bà con ngồi trên xe là người xứ *nấu* đều tự hào về con người đất võ, mặc dù tôi rất i tờ võ nghệ.

Là người Bình Định, mấy ai không biết đến câu ca dao từ xứ võ:

*"Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định bỏ roi đi quyến".*

Không chỉ giới nam nhi mà cả đàn bà, con gái cũng giỏi võ và giỏi cả roi lẫn quyến. Roi Thuận Truyền, quyến An Thái hoặc trai An Thái, gái An Vinh... đã trở thành câu nói cửa miệng của người làng võ. Vùng đất được bồi tụ bởi phù sa sông Côn đã sản sinh, nuôi dưỡng và quy tụ biết bao hiền tài, anh hùng, hào kiệt, bao nhiêu nhà thơ, nhà văn nổi tiếng góp phần không nhỏ vào dòng chảy của lịch sử quê hương, đất nước.

Lúc sinh thời khi về thăm một số địa danh và thi hữu Bình Định, men theo những con đường có nhiều tháp Chăm đứng *"chắc chắn, lẻ loi và bí mật"*, nhạc sĩ Văn Cao đã cảm nhận *"Từ trời xanh - rơi vài giọt Tháp Chăm"*, và ông ghé lại thăm góc thành Bình Định, nơi hội tụ nhóm thơ *"Bàn Thành Tứ Hữu"*, nơi nhà thơ Yến Lan viết *"Bến*

Mi Lăng", cùng với thi hữu uống rượu Bàu Đá, nhạc sĩ đã thốt lên *"Rượu làng Vân mông. Rượu Bàu Đá dày"*. Đất Đồ Bàn lắng đọng văn hóa nghìn năm với dày đặc di sản văn hóa Chăm-pa, văn hóa Tây Sơn, văn hóa triều Nguyễn, văn hóa Cách mạng. Những nhà nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu lịch sử đã nói đây là *"Đất võ, Trời văn"*, con người xứ *nấu* *"Trong văn có võ. Trong võ có văn"*, hẳn là xác tín.

Nếu như Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến, "độc bản" văn hóa Thủ đô và cố đô Huế thơ mộng còn nguyên đến đài lăng tẩm... thì xứ *nấu* Đồ Bàn-Bình Định vẫn là đất hai vua. Một tinh mà nền văn minh Chiêm Thành ngàn năm trước đã in dấu trên tháp cổ, thành xưa. Mảnh đất từng vang lừng chiến công của bao thời đại, đã viết nên những trang sử vẻ vang cho quê hương Bình Định và cho non sông đất nước Việt Nam.

Bình Định, Phú Yên của một thời chưa xa lắm đã từng là *chúng tôi trong chúng ta* của tỉnh Bình Phú. Dẫu có thay đổi ranh giới hành chính qua từng thời kỳ, nhưng trong tâm thức của người dân hai tỉnh vẫn nặng lòng xứ *nấu*, muốn giữ nét văn hóa riêng, tuy hai mà vẫn trong một. Đó là văn hóa xứ *nấu*.

Ngược dòng lịch sử, với một nền nông nghiệp lúa nước, hẳn nhiều người nay đã thuộc lớp cha ông, còn nhớ đến câu ca dao tình tứ:

*"Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa".*

Hình ảnh con trâu đi trước, cái cày theo sau hay con trâu là đầu cơ nghiệp của nhà nông, hình ảnh đôi quang gánh luôn kéo kết trên vai người nông dân... phản ánh thời kinh tế tiểu nông lạc hậu nhưng rất căn cơ. Đời sống của người dân miền quê gắn với những phiên chợ gần, chợ xa, và hình ảnh những chiếc xe ngựa, còn gọi là xe thổ mộ chở người, chở hàng với tiếng lục lạc leng keng cùng tiếng kêu lộc cộc của móng ngựa bọc sắt nện trên con đường rải đá từ bến xe ngựa Đập Đá lên phố cổ An Thái, Phú Phong và từ Cây Bông đi xuống chợ Gò Chàm, Phú Đa, Cảnh Hàng, Gò Bồi, vào Diêu Trì, ra Gò Găng, chợ Gồm... nghe mà liên tưởng đến tiếng vó ngựa quân reo trên đất kinh thành hoàng đế năm xưa.

Ít ai ở thời còn ăn gạo giã mà không nhớ đến cối xay lúa, cối giã gạo, nhớ tiếng hò cấy lúa, tiếng hò giã gạo vào những đêm trăng thanh gió mát; nhớ tiếng thoi đưa từ những khung cử dệt ở các xưởng dệt Phú Phong, An Thái, Đập Đá, Sita; tiếng đe búa chát chúa, lò bễ phập phù ở làng rèn Nam Tân, Tây Phương Danh dưới chân thành Hoàng Đế; tiếng gò cồng chiêng râm ran ở làng chiêng Mỹ Thạnh; đến làng nghề cần xà cử Cẩm Văn, làng nón lá Gò Găng, Phú Đa; nhớ nước dừa xiêm ngọt lịm được uống ở các làng làm xơ dừa, bánh tráng nước dừa Tam Quan; làng gốm Nhân Tháp, làng tiện gỗ mỹ nghệ Vân Sơn, làng cốm, bánh hời, bánh



uớt An Lợi, làng rượu Bàu Đá, bún Song Thần An Thái, nước mắm Gò Bồi, Đền Gi, v.v... Ngày nay, nhiều nơi mọc lên những khu, những cụm công nghiệp tập trung quy mô lớn, nhưng chính những làng nghề truyền thống từ xa xưa đã gắn với con sông bến nước, làng quê, phố chợ. Tuy có một số làng nghề đã mai một, nhưng nhiều làng nghề được khôi phục và tiếp tục phát triển, đứng vững trong cơ chế thị trường.

Và, có ai là người xứ *nẫu* mà khi nhìn ánh đèn điện sáng trưng lại quên ánh sáng lờ mờ của đèn dầu rái, đèn dầu phộng, đèn dầu lửa? Có ai ở miền trung du, đồng bằng khi ăn bánh tráng với cá ngừ, cá nục tươi luộc chấm nước mắm nhĩ lại không nhớ đến những nơi tráng bánh bột mì, bột gạo pha mè, đến những gánh cá cơm, gánh muối đi bộ từ Quy Nhơn, Gò Bồi, Đền Gi... lên đồi lúa, để cho miệt trên chợ nước mắm ngon? Rồi còn biết bao món ăn dân dã đến những thức đơn sang trọng như mắm cua kho với cá đồng, bánh ít lá gai, bún Song Thần, chim mía Phú Phong, nem chả chợ Huyện, bánh tráng nước dừa Tam Quan... đặc sản quê hương đã đi vào thơ ca, trở thành văn hóa ẩm thực của người Bình Định.

Hẳn không ai có thể quên không khí của lễ hội Đống Đa tại Bảo tàng Quang Trung vào thời điểm còn đón Tết vui xuân, dù chỉ mới đến với lễ hội một đôi lần

đã cảm nhận niềm phấn chấn lẫn tự hào về một địa chỉ văn hóa không chỉ xếp vào bậc nhất của Bình Định, mà nổi tiếng của cả nước bởi tầm vóc lịch sử của triều Tây Sơn. Rồi đến những lễ hội dân gian, lễ hội làng nghề, lễ hội tôn giáo, lễ hội văn hóa - thể thao miền núi, miền biển... Và, không chỉ có ta là người xứ *nẫu* mà khách du lịch phương xa đã rất ấn tượng mỗi khi tham quan những di tích lịch sử, di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh ở Bình Định nằm trong hành trình di sản miền Trung. Tuy mức độ và ý nghĩa của từng lễ hội, từng điểm tham quan có khác nhau, nhưng ở mỗi địa chỉ văn hóa đã kết tinh bản sắc văn hóa đa dạng, đa sắc màu của mỗi vùng miền, góp phần bảo tồn nét đẹp văn hóa dân tộc trong tiến trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

Hồn quê được tích chứa từ trong cuộc sống gian khổ mà đầy sáng tạo, kiên cường của con người từ trong quá khứ, được các thế hệ tiếp theo tiếp tục phát huy, nuôi dưỡng niềm tin vào bước đường đi tới, nhằm làm cho đời sống vật chất lẫn tinh thần ngày càng đầy đủ, sung túc. Năm tháng rồi sẽ đi qua, nhưng những gì được sàng lọc, lắng đọng trong cuộc sống của mỗi người dân xứ *nẫu* sẽ mãi là vốn quý, điểm tựa cho cuộc sống hiện đại đang ở phía trước.

Với xu hướng tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, nhiều nơi đã phá vỡ không gian kiến trúc làng quê vốn tồn tại bao nhiêu thế hệ. Có người lo lắng, rồi đây sẽ không còn nét đẹp văn hóa làng quê trước lối sống xô bồ phố chợ ra phố, quê thì không còn ra quê. Còn tôi thì cứ vẫn tin là cái gì đã đi vào lòng người thì sẽ còn mãi.

"Cuối con phố đã là quê

Người qua đó sẽ bộn bề màu xanh".

Phố phường, đô thị thực chất là một phần cội nguồn của đồng quê, ai đó bảo *ra phố* nhưng lại là *về quê*... Và, chính làng và những thứ hương quê, những âm thanh của làng đã là sự nối kết với cuộc sống hiện nay. Chúng ta đang ngồi trên phương tiện giao thông cơ giới, đi trên những con đường trải nhựa, những chiếc cầu kiên cố bắc qua sông hắt hắt quên cái thời đi lại bằng đường sông và hình ảnh bến nước, con đò vẫn còn đọng trong ký ức... Không ít những cử nhân, tiến sĩ, quan chức, nhà doanh nghiệp đã một thời cưỡi bò, cưỡi trâu tắm sông, thả diều trên bãi cát trong ba tháng hè, một thời công chữ qua sông để ngày nay công thành danh toại.

Chỉ là đôi nét trong có bề dày và chiều sâu văn hóa - lịch sử, trong một kho tàng văn hóa dân gian được bồi đắp, nâng niu, lắng đọng, lưu giữ từ thời quá khứ vàng son, cho đến tận hôm nay của quê hương xứ *nẫu*. Đó là tinh hoa của của vùng đất và con người *"Trong văn có võ. Trong võ có văn"*, từng thấm đẫm mồ hôi, nước mắt và cả xương máu của bao thế hệ. Tôi xin gọi đó là *Hồn quê xứ nẫu*. ■



Nét buồn lưu giữ

HẠT CÁT

Tôi có dịp cùng lang thang với người bạn là nhiếp ảnh gia về một thị trấn vùng cao. Một thị trấn buồn hiu trong nắng trưa, vắng vẻ đến nao lòng. Cái vắng vẻ của một ngày Chủ nhật, mà nếu là ở thành phố sẽ không bao giờ tìm được nét im lìm quyến rũ như thế, nét buồn đặc trưng của vùng cao! Thị trấn vắng, buồn nhưng nhà cửa gọn gàng và sạch. Những hàng phượng vĩ trơ cành khô trong nắng, lẻ loi một vài chùm hoa phượng còn sót đỏ rực rỡ. Phố nhỏ, đường nhỏ, cây lá chụm đầu vào nhau thân mật, những quán cà-phê chõng chơ ghế bàn cũ kỹ... Thị trấn dường như chỉ có những bàn bi-da là còn thấy bóng dáng thanh niên địa phương đến giải trí, tìm chút niềm vui...

Anh bạn cùng đi mang theo máy ảnh, mục đích là để đi "săn" cái vẻ vắng quanh hiếm có này. Tôi thấy mình như lọt hẳn vào một vẻ buồn đã rất lâu rồi không gặp lại. Cái vẻ thanh vắng, êm đềm của một huyện lỵ nào đó, nơi có bóng dáng đông đưa của tiếng vông chao khe khẽ, nơi có một cô hàng nước xinh tươi, tranh thủ lúc vắng khách lơ mơ ngủ với cuốn sách cũ đặt hờ hững trên ngực, xa xa mơ hồ vọng lại tiếng hát ru con từ một ngôi nhà nào đó... Ôi, một "nét buồn dịu êm"! Giữa một cuộc sống xô bồ, đôi khi người ta thấy thêm làm sao một nét buồn làm dịu mát tâm hồn. Cô lẽ, có những điều khi đã mất đi người ta mới cảm thấy trân trọng và hối tiếc...

Suốt buổi trưa nắng cháy đi chụp hình thị trấn, ra xa hơn một chút đã là những cánh rừng, những đồi nương... Nắng đến thế mà người dân ở đây vẫn khăn che kín mặt, phơi lưng trên cuộc sống của mình.

Những giọt mồ hôi cơ cực như thấm vào từng nụ cười hồn nhiên, lấp lánh những ước mơ... Tất nhiên thị trấn không chỉ có những ruộng vườn, nó còn có những khu du lịch sinh thái, khu nghỉ mát thiên nhiên đang dần mọc lên; nhưng những tiềm năng ấy như vẫn còn xa lạ với tư duy của người dân vùng quê. Hình như họ ít thích đổi thay một nếp sống...

Trở lại thành phố, bạn tôi hẳn sẽ có một bộ ảnh đẹp của cái buổi trưa hiếm hoi này. Những con đường, góc phố lặng lẽ, những vườn xoài đầy trái rụng im ắng ban trưa, gõ vào lòng hoài niệm... Cái không gian và cảm giác trĩu nặng vì buồn ngủ, chợt vắng một tiếng gà trưa gáy khan, đánh thức những tình cảm quen thuộc xa xôi. Tôi như thấy trí óc mình đang "vẽ" lại một buổi trưa không biết ở thời nào, "có cu gáy và bướm vàng nữa chứ..." như trong thơ Huy Cận vậy.

Nét buồn vùng cao, thị trấn đẹp khôn tả! Nhưng chút cao hứng ấy như tắt dần trong tôi, khi chính người bạn thờ dài: "Các ông nhà thơ, nhà văn chỉ muốn nó vắng, nó buồn, nó đẹp thế này để mà cảm thán, mà suy tưởng, tìm cái thi vị cho mình. Nó mà đông lên, giàu lên là các ông ấy sẽ "la làng" là hết đẹp, hết vắng, hết buồn, hết "bản sắc" ngay ấy mà... Nhưng nếu thử bảo mấy ông về đây ở luôn đi để mà hưởng cái vắng, cái đẹp ấy, các ông có chạy "mất dép" không?...".

Ừ nhỉ! Thôi ta cũng im lặng mà lắng nghe một nỗi buồn nhẹ nhẹ vừa chảy qua lòng mình... Ai mà chẳng muốn có một cuộc sống sung túc, nhưng có phải chẳng cứ sung túc thì những "nét buồn dịu êm" như thế chẳng thể lưu giữ? Hình như đó chỉ là câu chuyện của lòng người... ■

Văn Hóa Phật Giáo năm thứ mười

TRÀ KIM LONG

Truyền bá huyền vi của Phật gia
Duyên văn cư sĩ hiệp Tăng già
Xiển dương chánh niệm khai đường tới
Hoằng hóa phàm tâm mở lối ra
Bốn hướng nhìn tuy đời khác nghiệp
Muôn phương góp lại đạo chung nhà
Mười năm kiên định điều duy nhất
Hằng nguyện không mòn bút lợi tha.

Xuân trí tuệ

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

Giác tính muôn xưa vẫn tịch thường
Xuống trần, quang rạng một vàng dương
Soi lòng khô mực, bung hoa lộ
Chiếu óc trơ lì, biết hiểu thương
Tắm tới nghe kinh, trắng dọi bóng
U mê học pháp, nước mài gương
Mất mù, mờ mẫm tìm chân thực
Thân tật, làn dò gặp cổ hương
Sanh, già - vỡ đất, trồng cây trái
Bệnh, chết - lấp mờ, cây ruộng nương
Phản chiếu, hồi đầu, nguyên diện mực
Thế gian như thị, Tuệ-Con-Đường!

Dáng mẹ

NGUYỄN DŨNG

Rời một chiều
Mẹ đi về nơi gió cát
Bỏ lại sau lưng cánh đồng ngát hương lúa bay bay
Gió cũng lặng lẽ nhớ mồ hôi rơi vạt áo
Gốc rạ thần thờ nhớ dáng mẹ còng lưng

Ngày tháng nào mẹ bỏ quên mùa xuân
Trắng tóc quên bao lần không chải
Gà khuya gáy tiếng rao bán buồng cau chuối nải
Gạo giã trắng mờ dịu giấc con thơ

Mẹ bỏ lại bãi dâu hoang sơ
Cái gáo nhớ bàn tay sần chai của mẹ
Bếp cùi hồng nhớ ánh mắt nhăn nheo của mẹ
Ánh trăng treo nhớ mẹ cây đồng xa

Dáng Mẹ che bóng râm trên đường con đi
Che bóng con qua bao cơn bão lũ kinh kỳ
Che đời con mát đến ngày phai tóc
Ôi mẹ hiền! Một dáng thật thiêng liêng.

Lục bát cho bà

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Cháu về thăm lại làng quê
Thì bà đã mãi đi về chốn xa
Hàng cau còm cõi ra hoa
Chờ ngày xanh trái tay bà nâng niu
Dây trầu giậu đỏ liêu xiêu
Lá vàng, lá úa tiêu điều còn đâu
Ngày xưa bà dặn dăm câu:
“Đi xa phải nhớ lâu lâu thăm nhà
Đừng ham vui ở chốn xa
Bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ bà nghe con!”
Lời bà khắc khoải, héo hon
Vây mà cháu ngỡ quên con đường về
Lao theo những thứ u mê
Để giờ chợt thấy nhớ quê, nhớ nhà
Ngoài sân trầu rụng la đà
Hoa cau rơi trắng mộ bà trong sương
Cháu về đây thấp nén hương
Nhật từng ký ức thân thương một thời
Bóng bà phía cuối chân trời
Còn vang vọng mãi những lời thiết tha!

Khổ - Vui

NGUYỄN TỬ

Nhất thiết duy tâm tạo Khổ - Vui
Biết sao là Khổ, biết sao Vui?
Vui nơi sòng bạc: là Vui Khổ
Khổ chốn thiền môn: ấy Khổ Vui
Miệng niệm Di Đà âu hết Khổ
Duy tâm Tịnh độ ấy tâm Vui
Tây phương dành sẵn đài sen tốt
Hành giả ráng về để được vui!

Đại ngàn mùa xuân

LÊ HÒA

Minh mang đại ngàn
Núi xanh thao thiết
Chiều rơi, chiều rơi
Nhịp chiêng bồi hồi
Vít cần nghiêng mây

Ngày thơm nếp mật
Đôi sương thấm gió
Ta đi nhớ lửa
Ta về nhớ cây
Những dòng suối đầy
Kết tình thương mến

Thênh thang đại ngàn
Rực màu thổ cẩm
Nhuộm hồng nắng mưa
Để mùa thơm rượu
Để anh thơm em
Để hoa lên mặt
Và rừng xanh men

Ta xa đại ngàn
Một đêm rồi nhớ
Một đời không quên
Kìa khèn xuân gọi
Núi chân ta về.

Lời mẹ ru

PHAN THÀNH MINH

Bắc qua chín khúc Cửu Long
Con đồ thay mẹ gánh gồng nắng mưa
Ngọt ngào tiếng hát ầu ơ...
Dòng sông trải gấm đề thơ bốn mùa

Chiều rơi chạm tiếng chuông chùa
Mùa không bến đỗ ngân ngơ gió đông
Rối bời mái tóc thu đông
Ngô bông con đứng chờ chồng quạnh hiu

Khói rơm bám đuôi cánh diều
Mồ hôi mẹ trộn thơm niêu cơm đầy
Hương đồng cuốn lá rau dầy
Con no bụng chữ mẹ say sưa mừng

Mẹ giờ xa cách nghìn trùng
Vàng rơi theo lá bạn cùng gió thu
Con về quỳ trước thương đau

Thằng Tèo và con sáo

PHÚC DUYÊN

Người nọ chuyển tai người kia, chỉ vài ngày, chuyện cu Tèo bị mất con chim sáo mà khóc lóc ủ rũ, bỏ cơm, suốt ngày tha thần khắp nơi tìm kiếm... đã lan ra khắp thôn, khắp xã. Rồi từ tụi thằng Tùng, thằng Quốc gần nhà Tèo, câu chuyện ấy được cả trường thằng Tèo đang học đều biết hết. Mới nghe, ai cũng thấy tức cười cho cái thằng con trai, coi vậy mà mít ướt, dờ hơi, mê mẩn vì một con sáo, mà có phải con

sáo đẹp hay khỏe mạnh gì cho cam. Nhưng rồi, cả lớp thấy thằng Tèo, vốn là một đứa hiếu động, mà cứ lảm lì, buồn rười rượi, học bài không vô; rồi cả xóm thấy nó cứ thơ thần ngoài bụi duối, lùm tre mà tìm kiếm, vừa đi vừa huýt sáo – ngôn ngữ giao tiếp riêng của nó và Sáo – thì chẳng ai cười nữa. Ai cũng thương! Lũ trẻ con chạy rông chơi cũng để ý ngó nghiêng xem có thấy con sáo không. Người lớn ra đồng cũng dành thời gian tìm con sáo, có người còn cố nhử bắt một con khác đẹp hơn



cho Tèo (tất nhiên nó không chịu), người lớn hăm lủ con cháu ở nhà: “Đứa nào bắt trộm giấu con sáo thằng Tèo ở đâu, khai ra mau, tao mà biết được thì nứt đít!”. Bà Hai trên nhà Tèo thì đi ra đi vào chắc lưỡi: “Tội nghiệp thằng nhỏ quá, ở cái xã này không đứa nhỏ nào biết thương loài vật như nó đâu”. Một tuần trôi qua, con sáo vẫn biệt tăm.

* * *

Đó là một con sáo con bị lạc. Sáng sớm dắt xe đạp ra đi học, thằng Tèo phát hiện nó nằm thoi thóp giữa sân. Chưa đập bụng sến. Con sáo non còn đỏ au nhưng có lẽ qua một đêm sương lạnh da nó chuyển sang tím bầm, trên mình sáo chưa có lông, có cánh gì. “Tội nghiệp mày chưa. May là sáng nay tao dậy sớm đi học thủng thủng, chứ mọi ngày vội vàng hấp tấp từ nhà lao xuống sân, lỡ trúng thì mày tan xác rồi”, thằng Tèo nói một mình. Đem con sáo vào nhà, lấy cái rổ nhựa up lại, Tèo không quên lấy nắm cơm nguội nhai nhuyễn bỏ cạnh miệng sáo. “Tạm thời mày ở đây, ráng sống đợi đến trưa tao học về rồi tính”. Con Hiên chót chết, “Hai không đặt tên cho nó á?”. “Không cần, gọi là Sáo thôi, đẹp chán!”. Con Hiên có vẻ không khoái cái tên vừa chung vừa riêng này, nó ngó nghiêng con sáo gầy nhom, tím tái đang run cầm cập, lẩm bầm: “Ăn cơm đi mày, ráng sống nha, lớn nhanh làm bạn với anh em tao”. “Sáo chưa đập bụng sến, không ai nuôi chim chưa đập bụng sến sống được trừ mẹ chúng đâu, Tèo”, má thằng Tèo nói. “Khi nào nó chết hăng hay”, Tèo chắc nịch.

Má nó biết không lay chuyển được Tèo. Còn Tèo suốt buổi học hôm đó, cứ nhấp nhòm như có ai đang đợi ở nhà. Má nó nhớ, năm trước, Tèo cũng lượm một con chó con ốm nhom đi lạc về nuôi. Nó cưng con chó không thua gì con Hiên em gái nó, cho ăn, bắt ve, tắm tấp mỗi ngày, con chó lớn nhanh, lông mượt rượt, ú na ú nã ai cũng khen. Đùng một cái, chiếc xe độ phóng âm ầm ầm như cán nó chèn bẹp. Lúc ấy thằng Tèo đi học chưa về. Con Hiên và mấy đứa nữa đem con chó vào hành lang, tụi nó thống nhất với nhau sẽ bí mật việc đã “trang điểm” lại cho dung nhan con chó đỡ thảm thương trước khi thằng Tèo về. Ai cũng lạ vì thằng Tèo không khóc, nó lẳng lặng đem chôn con chó ngoài sau vườn. Má nó và con Hiên biết, nửa đêm thằng Tèo đi đái, đều đứng nhìn cái tô nhựa cũ thường dùng cho con chó ăn cơm và khóc. Con Hiên hứa với anh Tèo nó là hàng năm sẽ cùng anh nó nhớ ngày con chó chết thảm mà cúng cơm cho con Vàng xấu số. Vậy mà ngay “cái giờ đầu” của con chó, con Hiên đã vội quên mất. Mãi đến chiều hôm đó ra vườn hái trái mướp vô cho má nấu canh, thấy chòm đất cao chỗ con chó nằm có tô nhựa đầy cơm và mấy con cá nục kho, nó nhớ ra, chạy vô lẩm lét trách anh: “Sao Hai không nhắc em cúng con Vàng với”.

* * *

Ơn trời! Ông trời đã không phụ lòng Tèo, tình cờ Tèo tìm thấy con sáo. Con sáo chẳng đi đâu xa, nó núp ngay trong hốc cây sung nhà bà Hai trên nhà nó. Tèo thừa lệnh má nó đi bắt con gà mái đẻ bậy trên đồng rơm nhà bà Hai về; chừng leo tới ngọn rơm thì Tèo nghe tiếng kêu yếu ớt. Nó huýt sáo lại – ngôn ngữ của nó và con sáo –, tiếng kêu lớn hơn một chút. Tèo quên ngay con gà mái đẻ bậy và leo lên cây sung, quả đúng là Sáo, Tèo mừng đến khóc. Sáo đang trong giai đoạn tập bay chuyển, đôi cánh chỉ mới mọc vài nhúm lông non tơ của nó bị rách tới tả, may chưa rách da. “Thủ phạm là con chó hay mèo nào đây”, Tèo nghĩ. Tèo ôm con sáo khư khư vào bụng, phần khích nhảy cái vèo qua hàng rào nhà bà Hai, la toáng lên “Tìm thấy con sáo rồi, tìm thấy Sáo rồi, là lá la...”. Má nó đứng trong bếp nhìn ra thấy hai anh em nó ôm nhau nhảy lưng tưng mà chảy nước mắt. Từ sau cái hôm thằng Tèo nghe lời mách nước của hàng xóm lên thị trấn tìm nhà ba nó về, nó trở nên lảm lì, nó chỉ nói một câu: “Con thấy ba rồi, đã biết mặt ba. Ba đang đón con ba đi học về, thằng nhỏ cao bằng con Hiên”. Từ sau bữa đó, nay má nó mới lại thấy nó hát là lá la. Con Hiên bép xép: “Chắc do anh em mình đem cái lồng sáo phơi lủng lẳng dưới hiên nhà, lại tối ngày cho ăn, nựng nịu sáo đã “chọc tức” hai cái đứa chó, mèo mất nết kia, nên thừa lúc anh em mình đi học chúng nhảy chồm lên giựt cái lồng xuống, anh hai hén”. Thằng Tèo chẳng thèm ừ hử mấy câu của con Hiên vì nó còn đang bận vuốt ve con sáo, vỗ vỗ: “Làm sao mày nhanh chân chạy trốn may mắn vậy Sáo? Đôi cánh bay chuyển yếu ớt này mà bay vòng vòng tìm ra cái hốc sung đó trốn chắc mệt lắm hen. Mấy ngày nay mày không nghe tao huýt sáo gọi na, làm tao tìm mày quá chừng, tưởng mày chết anh em tao buồn quá chừng nè”.

* * *

“Con không muốn bán con sáo thì thôi, má không ép”, má Tèo nói. Nhưng rồi bà thở dài bồi thêm một câu nghe rất chí lý: “Nhưng bán sáo thì có tiền mua cái xe đạp Nhựt cho anh em thay phiên đi học. Con là con trai, mùa mưa gió đạp mười mấy cây số tới trường con ráng được, tội em con buổi chiều về đến nhà là tối thui”. Con Hiên không đóng góp ý kiến bán hay không nhưng Tèo biết chắc nó đang mơ màng đến chiếc xe đạp điện. Con sáo càng lớn càng nói rõ, và bắt chước rất nhanh, nhớ rất giỏi. Nó có thể thuộc cả bài “Rồng rắn lên mây” sau mấy lần vênh tai ngó nghiêng nghe tụi con Hiên chơi trò đó ngoài sân, rồi léo nhéo cả bài quảng cáo Know trên tivi. Vì vậy mà con sáo trở nên nổi tiếng và... có giá. Nó làm thằng cháu nội cưng của

ông Ba Hoàng xóm trên khoái tí thò lò. Cuối tuần, ba mẹ nó đánh xe con đưa nó về thăm ông bà nội, xong nó nhất quyết không chịu trở lên thành phố đi học, “mua được con sáo đỏ mang theo con mới đi”, thằng nhóc tuyên bố một câu xanh rờn. Ông Ba Hoàng với ba nó đến nhà Tèo năn nỉ bán, giá bao nhiêu cũng được. “Cái này tui không quyết được, con sáo hai đứa con tui quý lắm, tui phải hỏi ý kiến tui nó”, má Tèo hên. “Chỗ bà con lối xóm, con ráng giúp chú nhen, thằng cháu ở nhà tính bướng lắm, muốn gì được nấy quen rồi, lỡ nó không chịu đi học chắc nứt đất với ba nó”, ông Ba Hoàng căn dặn má thằng Tèo.

Suốt bữa cơm nghe má nó nói chuyện, anh em Tèo cứ ngồi im không và đùa nào. Con Hiền suốt mướt lắc

đầu quấy quậy “không bán, không bán” nhưng nghe nhắc tới chiếc “xe đạp Nhựt” thì quệt nước mắt thì thầm “con thích xe sơn màu xanh da trời!”. Sáng hôm sau thằng Tèo xách cặp đi học, dắt xe ra tới ngõ quay vô bếp bảo má nó: “Chút nữa má lên kêu ông ba Hoàng tới bán con sáo đi. Dặn thằng nhóc đó là con sáo thích sưởi nắng và ăn cào cào”. Nghe má Tèo kể lại, con trai ông Hoàng tới nhà, chẳng cần hỏi giá cả gì (má thằng Tèo đã định bụng sẽ “hét” giá 2 triệu, ngoài mua chiếc xe đạp Nhựt còn may mấy bộ quần xanh áo trắng cho hai anh em) mà đưa luôn cục tiền toàn tờ năm chục ngàn nặng trĩu. “Chị cầm lấy mua chiếc xe đạp điện cho hai đứa nhỏ đi học. Cha con tui sẽ chăm sóc con sáo chu đáo, lâu lâu về đây thăm ông bà nội, tui sẽ mang theo con sáo về cho anh em nó đỡ nhớ”.

Chiếc xe con mang con sáo chậm chậm rời xóm, con Hiền còn chạy theo sau huyết sáo. Má nó thì ngồi bệt xuống sân đất, ngẩn ngơ đếm đi đếm lại cục tiền, trời đất, tới mười triệu lận!

Chiếc xe đạp điện của anh em Tèo oách nhất trường. Chuyện thằng Tèo bán được con sáo với giá mười triệu làm chấn động cả xã. Nhiều người tới ghẹo thằng Tèo là nếu họ bắt được con sáo nào thì nhờ anh em nó chăm sóc hộ, dạy tiếng người, bán thì chia đôi. Nhưng cũng có người thông cảm: “Mười triệu cũng đáng công nó cứu sống, nuôi nắng, thương yêu con sáo. Với lại, trông mặt nó buồn đến thế kia!”. Anh em nó chờ nhau chạy thử, con Hiền cứ vầu lúng anh nó trầm trồ “êm ghê hén anh Hai”, thằng Tèo chẳng nói chẳng rằng.

Sau một tuần, một mình con trai ông Hoàng đánh xe về mang theo con sáo đến nhà Tèo trả. Má thằng Tèo gần khóc: “Anh mang cái xe đạp điện đi giùm chớ tui lấy đâu ra mười triệu tiền mặt trả anh bây giờ. Cái xe hai đứa con tui chạy cần thận lắm, về đến nhà là lấy giẻ lau chùi, không trầy xước gì đâu”. “Thằng Tèo đâu, tui gặp nó chút”. Con trai ông Hoàng mang cái lồng sáo đem treo lại mái hiên trên nhà mà tuần trước ông đã hạ lồng sáo xuống, con sáo nhảy lưng tung trong lồng, cất giọng chí chóc: “Anh Tèo đi học về ể ể”, ngó ra ngõ thằng Tèo đang ngơ ngác đi vào. Con trai ông Hoàng bật cười: “Cha, bây giờ mày mới chịu mở miệng hả Sáo! Về nhà, gặp lại chủ cũ trông nhanh nhen quá mày”.

Ông đem trả con sáo, vì về nhà ông, nó chẳng thèm mở miệng nửa lời, mang ra sưởi nắng cũng không bay nhảy, cào cào không thèm ăn. Đôi cánh rũ xuống ủ rũ. Thằng con nhanh chóng chán. Mà không phải ông mang trả con sáo, ông đem tặng lại cho anh em Tèo. Vì ông chẳng mang chiếc xe đạp điện đi mà cũng không đòi mười triệu. Ông chỉ xoa xoa đầu thằng Tèo cười cười, dặn: “Mai mốt học cấp ba có lên thị trấn học thì ở nhà chú nhen con, thuê trọ chi cho tốn kém!”. ■





Này gác tía, này lòng son!

CAO HUY HÓA

Tôi đếm, có tất cả 23 loài chim, từ loài nhỏ nhắn đến loài khá to, từ loài dạn dĩ đến loài rụt rè, từ loài kêu lách chích cho đến loài hót mê ly, từ loài của địa phương cho đến loài từ xa đến... Đó không phải là những con chim xuất hiện nơi sân chim ở Bạc Liêu hay tại khu vườn của một đại gia chơi chim nào đó, cũng không phải tại một thảo cầm viên của một thành phố, mà đây là những con chim

được đề cập trong một bài báo của *Le Figaro online*, ngày 29-11-2013, tác giả là Marc Mennessier, kỹ sư nông nghiệp Pháp, một người mê say cây cỏ, ký giả của *Le Figaro*, nhan đề: "*Nourrissez les oiseaux!*" (Nuôi chim!). Bài báo này thuộc chuyên đề "*Au jardin ce week-end*" (Làm vườn cuối tuần) do chính tác giả này chủ biên, có mục đích "gửi đến bạn đọc những lời khuyên và những ngón nghề để biến ngôi vườn của bạn thành vườn địa đàng".



Chuyện nuôi chim ở đây là chuyện ở Pháp, đúng hơn là ở Paris và phần phía Bắc nước Pháp, có những loài chim người Việt mình không nghe nói đến, cũng không có từ để dịch, nhưng cũng có những loài chim quen thuộc với ta như chim sẻ, chim sáo, bồ câu; tuy nhiên mỗi loài lại có tính đa dạng, ví dụ như Mésanges (chim sẻ ngô) thì có bleue, charbonnière, huppée, à longue queue (xanh, than, có mào, đuôi dài). Nhưng chim ở đâu cũng là chim, cũng như người ở đâu đại thể cũng giống nhau, dầu màu da, tiếng nói khác nhau.

Chim trong bài là loại chim trời, tự do thênh thang, bình dân chứ không phải thuộc loại quý hiếm trong Sách đỏ, nhưng mùa đông khắc nghiệt khiến chim phải chọn một nơi trú ngụ thích hợp, đồng thời phải có cái ăn; và như thế, tác giả đề nghị người chủ khu vườn tạo hoàn cảnh thuận tiện “cung phụng” cho chim, đồng thời mình được hưởng hạnh phúc thấy chim vui vậy, hoan ca trong khu vườn của mình.

Trước hết là những *loài chim quen thuộc*: chim sẻ, chim cổ đỏ, chim chích, gà ri Nhật, chim sáo, chim hét... Rồi đến những *loài chim rụt rè*, e sợ, đáng như chim sẻ nhưng ít thấy hơn, nhỏ nhắn như *accenteur mouchet* (chim sẻ núi), *troglodyte* (chim kim tước), *verdier* d'Europe (chim sẻ lục châu Âu), *bouvreuil* (chim sẻ ỨC

ĐỎ). Tiếp theo là những *loài chim đến và đi trong mùa đông*. Chim kim oanh được nhận ra bởi bộ lông lông lầy bay về những phương trời ôn hòa (đặc biệt về miền Nam nước Pháp và Tây Ban Nha) và chỉ trở về vào đầu mùa xuân. Cũng như thế đối với chim mình đen đuôi đỏ, cũng bay về phương Nam. Ngược lại, chim sáo tro hay chim sáo nhạc, làm tổ vào mùa hè tại Nga, bay về đây vào mùa đông; còn loài chim như én hay cò thì tiếp tục bay đi di trú tại châu Phi. *Cuối cùng là những loài chim mới đến tìm đất mới, trước lạ sau quen*. Đó là trường hợp của bồ câu rừng xám, một loài chim di trú trên đường đến thường trú kể từ ba mươi năm nay, của cu gáy Thổ Nhĩ Kỳ dễ nhận ra bởi cái cổ đen lịch lãm, và của chim vẹt xanh ở khoang cổ. Khởi đầu từ những cá thể thoát khỏi bị bắt, những loài chim nhiệt đới hầu như rất thích hợp với khí hậu ở đây, vì chúng không ngừng gia tăng, đặc biệt gần những thành phố lớn như Paris.

Cứ xem mình như là bạn đọc của báo *Le Figaro* để nghe chuyện chăm sóc những vị khách nhỏ nhắn, nhẩy nhót trong vườn vào mùa đông, khi cây cối trụi lá. Chuyện ăn uống? – Bạn vãi hạt hoặc mẩu bánh mì trên đất cho những loài không thích chuyển cành; còn những loài chim khác, bạn đặt máng để bỏ thức ăn vào, hoặc treo những viên thức ăn (bọc lớp mỡ bên ngoài). Đừng quên cho nước nhé! Không chỉ là thức uống, bạn có thể đặt chậu to và không sâu, đổ đầy nước cho chúng tắm, bạn núp kỹ một chút, xem chúng đập cánh, té nước, vùng vẫy, rồi lên khô rĩa lông, xem thích lắm! Mùa đông, cây trụi lá, bạn phải làm “nhà” hoặc mái có che xung quanh, nên trở ra hướng Đông hay hướng Nam, và bạn phải cảnh giác với bọn mèo ác ôn. Điều bất ngờ may mắn là chúng làm tổ trong “nhà” bạn làm. Nhưng, bạn ơi, có thương chim thì thương cho trót: nếu phải đi xa khá lâu thì bạn nhờ người thân chăm sóc nhé! Tuy thế, dầu có thương mấy đi nữa thì vẫn phải tôn trọng tự do của chim. Lạnh quá mức, có những loài phải bay đi. Những loài khác, khi mùa xuân đem ấm áp đến, bọn chúng già từ, thôi thì bạn đỡ công và... ngậm ngùi! Dầu sao, bạn vẫn còn những loài lui tới thường xuyên trong khu vườn của bạn, như chim sẻ và một số loài khác.

o o o

Tạm biệt những loài chim bay đi, chào hội ngộ những loài chim bay đến...

Nhưng đó là chuyện bên Tây, chứ ở ta, không có tạm biệt, vì chim ở trong lồng cho đến mãn đời, không có hội ngộ vì chim bị bẫy, bị dụ bởi tiếng hót giả tạo hoặc bởi “nạn nhân” đồng loại trong lồng, hoặc bị người buôn chim bán cho người chơi. Chim ở đây phải là chim hót hay, nếu chưa hót hoặc hót chưa hay thì sẽ được luyện, bị cắt lưỡi, lột lưỡi, cho ăn ớt... Trong khi ngoài thiên nhiên vắng những họa mi, sơn ca, chích chòe, chào mào, vành khuyên, cu gáy... thì thành phố lại rộ lên phong trào chơi chim, lập hội thi chim đẹp, chim hót, chim đá.

So với tác giả bài báo nói trên khéo mời mọc, đãi đằng chim trời, thì mấy nhà chơi chim ở ta có vẻ sang hơn, và chắc chắn "máu me" hơn. "Máu me" vì nếu có tiền thì quyết chí "tậu" cho được những quán quân về dáng đẹp, hót hay, hót lạ; còn sang hơn vì bỏ tiền không nhỏ để sắm "lồng son, gác tía" cho chim, không phải vì thương chim mà vì đẳng cấp chơi chim của mình. Dân Hà Nội trầm trồ về những chiếc lồng chạm trổ cầu kỳ, tinh vi, những chiếc lồng như tác phẩm điêu khắc, tạc những chữ thư pháp, những tranh hay sự tích cổ. *Ngũ phúc lâm môn* của anh Nguyễn Tuấn Ngọc tạc năm con dơi cách điệu mang hàm nghĩa *Phúc-Lộc-Thọ-Hỷ-Tài*. "Mai diều đón xuân", chiếc lồng của anh Vũ Xuân Dương khắc họa đủ một bức tranh tinh tế về hoa mai và nhiều loài chim quý trên những chi tiết, khắc nổi thật khéo léo³. Giá cả thì những loại siêu lồng như thế đến hàng trăm triệu đồng, có cái đến 300 triệu, chưa kể có cái gắn nga voi điêu khắc.

Đó là lồng chim của các đại gia, còn dân chơi bình thường thì dùng lồng chim có giá hàng trăm nghìn đến hàng triệu. Hiện nay, ở Huế, nghề làm lồng chim càng có đất sống, vì dân chơi chim, buôn bán chim ngày càng nhiều. Đi ngoài đường, ta dễ dàng bắt gặp những thanh niên chạy xe gắn máy, một tay xách lồng chim được bao phủ kín mít. Một xã hội của những người chơi chim hình thành từ lâu, rộn rịp nhất là cuối tuần, tại các công viên, như công viên trong Thành Nội, tiếng chim rộn rã đủ giọng, trong khi người chơi nhâm nhi cà-phê và khi thì đàm chiêu, khi thì hớn hờ theo chim. Những loài chim nào mà dân chơi khoe nhau như thế? Thì vẫn là những loài chim tiếng tăm từ xưa: họa mi, sơn ca, khướu, nhông, sáo, vành khuyên..., tuy nhiên, cái giống chim chào mào ngày xưa, ồn ào, rộn rã, nhảy nhót tung tung trong vườn nhà tôi khi xuân đã sang, hoa mai đã rụng, để lại hạt mai trên cây dành cho mấy chú này ăn và kêu nhau ồm tỏi, thì ngày nay chim "miếu" lại lên hương trong thú chơi chim, đến nỗi dân chơi Hà Nội cũng tìm mua chào mào Huế. "Chào mào ở đây sức khỏe tốt, giọng hót sắc nhọn, lanh lảnh vang như chuông reo, mỗi lần chim đổ giọng nghe vô cùng khoái" như nhận xét của dân chơi Hà thành.

Khó kể hết công phu và tiền nong chi phí của người chơi chim. Bạn chỉ cần vào mạng là thấy hết niềm vui, nỗi khổ của những quý chim không thua quý vợ, mất ăn mất ngủ vì chim đau. Tôi chỉ lấy một chút thông tin trên mạng về chuyện chơi chim ở Hà Nội. Tất nhiên chim cũng có loại thượng vàng hạ cám, nhưng có trường hợp tôi xem như "hoang đường". Loại chim biến đổi *gien* – ô hay, biến đổi *gien* chim, Nhà nước đã cho phép chưa? - như hoàng khuyên, bộ lông màu vàng rất đẹp, dĩ nhiên là hót hay, giá chục ngàn đô, chào mào biến đổi *gien* được huấn luyện và nuôi dưỡng hết ý giá hơn 100 triệu, vv... Thức ăn cho chim vành khuyên nói trên: đậu xanh, hạt kỷ tử (?), tôm, thịt bò, trứng gà,

trứng kiến, tất cả xay nhuyễn, ngoài ra còn sâu, trái cây, cám... và thuốc bổ khi cần. Chủ nhân phải thuê người lương tháng ba triệu để chăm sóc chim, tắm tấp cho chim, và... còn lắp đặt camera để phòng kẻ trộm!

o o o

Chuyện chơi chim, nuôi chim, dẫu ở đâu, cũng đòi hỏi sự say mê, vất vả và tốn tiền, lại mất thời gian. Tất cả vì mục đích gì? Trong trường hợp được nêu trong bài báo của *Le Figaro*, người nuôi chim vì thương và say mê chim trời, một niềm say mê không đòi hỏi. Còn chim, không biết có thương người hay không, cứ vô tư thấy hoàn cảnh ưng ý thì đáp xuống và ở chơi, thấy thức ăn và nơi cư trú tốt thì cứ hưởng, và khi cần bay đi nơi khác thì cứ tự do. Ngược lại, đối với những người chơi chim ở ta, họ say mê chim nhưng ham sở hữu những sinh vật bé bỏng tuyệt vời của tạo hóa, giam cầm và bắt chúng phục vụ theo ý đồ của mình. Chim trở thành vật nô lệ để người chiếm hữu, mua bán, trao đổi, tiêu khiển một cách nhảm tâm mà không chút xót xa... còn con người thì càng ngày càng tăng tiến lòng tham, và tham thì không biết mấy cho vừa. Trước mắt, môi trường thiên nhiên và xã hội loài người phải trả giá. Chim trời, nhất là chim quý, vắng bóng trong thênh thang tự do, đến nỗi có loài tuyệt chủng, không còn là bạn thân thương của con người. Thật là bất hạnh khi bầu trời, rừng cây, ao hồ, sông suối, mái nhà... vắng tiếng chim, mà lẽ ra, cứ mỗi mùa qua đi, con người hưởng được bài ca thiên nhiên tuyệt diệu, trong đó không thể thiếu những nốt nhạc vô cùng phong phú của chim trời, một loài chúng sinh bé nhỏ phải là tượng trưng cho tự do và khoáng đạt.

Riêng tôi, may mắn thay, mỗi khi mùa xuân đến, có một loài chim - tôi không rõ là chim gì - trở về khu vườn của mình, bất ngờ cất tiếng hót dài, lanh lảnh vào một sáng tinh sương, và những ngày sau đó thỉnh thoảng cất tiếng hót như chào buổi sáng mùa xuân. Tôi không đến nỗi say mê và không thể công phu như nhà báo, nhà nông nghiệp bên Tây để nuôi chim trong mùa đông khắc nghiệt, và cũng không được như bác H. tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán, hàng ngày vãi gạo cho đàn chim sẻ ăn sáng và chiều; tôi chỉ ước mong xã hội ta sống văn minh như những xã hội văn minh khác, để không gian mà chúng ta sống, dẫu thành thị hay thôn quê, dẫu miền núi hay đồng bằng, có bóng dáng và tiếng hót của biết bao loài chim, trên rặng tre, trên cây cao, giữa cánh đồng, trong bụi rậm, trong vườn nhà, trong công viên, trên đầm lầy, sông nước... trong thênh thang đất trời, thay vì trong lao tù chật hẹp, dẫu là gác tía, lồng son. ■

Chú thích:

a. Xem bài và ảnh trong <http://www.anninhthudo.vn/Phong-su/Nhung-chiec-long-chim-doc-dao-va-dat-nhat-Viet-Nam/434618.antd>.

Lời cảm ơn cuộc sống

Tôi có người anh con đi ở nước ngoài, làm việc cho một công ty chuyên sản xuất thiết bị truyền thông. Hôm về nước, anh cho tôi chiếc điện thoại di động hiệu Lumia Nokia đời 620. Món quà xa xỉ vượt quá nhu cầu, nhưng vì tình cảm, tôi luôn mang theo người. Sáng mùng năm Tết vừa qua, tôi đang ngồi uống cà-phê với bạn thù nghe tin hiệu có cuộc gọi; chính ông anh con đi của tôi gọi về từ nước ngoài. Trả lời điện thoại với anh xong, tôi thấy hài lòng vì mình vẫn có sự dụng chiếc máy của anh cho. Ngay sau đó tôi và bạn chia tay. Về tới nhà lúc thay quần áo, thù... hỡi ơi, chiếc máy rơi đầu mất. Còn may là tôi nhớ được số của mình, vội vàng dùng máy để bàn ở nhà gọi vào máy ấy thù có người trả lời; người ấy cho biết vừa nhận ra chiếc máy dưới chân bàn khi nó phát tín hiệu có cuộc gọi đến. Tôi nhận mình là chủ chiếc máy và mong được xin lại. Người ấy đồng ý ngay, bảo tôi cho cái hẹn rồi sẽ mang máy đến. Đến hẹn, tôi ra đứng nơi hẹn chờ mãi không thấy ai; gọi vào số máy của mình cũng không thấy người trả lời. Lầy lăm lầy nhưng vẫn không hết hy vọng, tôi nghĩ người ấy có thể bận việc gì đó, và đã có tâm trả lại máy cho tôi thù thế nào cũng sẽ liên lạc lại với tôi. Ba ngày rồi năm ngày... chẳng thấy âm hao gì. Tôi bắt đầu nghi ngờ thù sáng ngày rằm tháng Giêng, người ấy gọi lại, bảo tôi cho địa chỉ nhà để họ mang máy đến. Tôi cho địa chỉ và người ấy hẹn sẽ đến vào lúc 4g chiều. Chờ đến quá 5g không thấy ai đến, gần tới giờ học, tôi phải rời nhà. Lòng vô cùng bức bối, nghĩ là mình đã gặp kẻ xấu, tôi kể lại cho mẹ tôi biết trước khi đi học. Tối hôm ấy về đến nhà, mẹ tôi bảo sau khi tôi đi khỏi được một lúc thù có người mang điện thoại đến trả cho tôi, người ấy phân bua rằng hôm trước thất hẹn vì phải đưa người thân vào bệnh viện cấp cứu, mãi đến sáng 14 tháng Giêng người thân mới xuất viện, và hôm nay đến trễ vì kẹt xe. Cầm lại chiếc máy trong tay, tôi thấy đúng là máy của mình, số tiền trong tài khoản cũng chẳng suy suyển. Trời đất, vậy là tôi đã nghi oan cho người tốt. Cho tôi gửi đến anh lời cảm ơn vì đã nghi lầm và lời cảm ơn chân thành của riêng tôi, mặc dù hẳn là mẹ tôi đã cảm ơn anh.

Lê Phước Hải, đường Hòa Bình, quận Tân Phú, TP.HCM

Lái xe giao hàng cho một vựa vật liệu xây dựng chuyên cung cấp đến các công trình nhỏ của tư nhân trong khu vực Bình Thạnh và Phú Nhuận nên tôi thường xuyên là tác nhân của việc cản trở giao thông trong thoáng chốc ở những con đường ruột ngựa của vùng này. Tất nhiên, với bà con lối xóm thù các chủ công trình ít khi bị lúng giềng rầy rà vì người ta cũng thông cảm. Nhưng ở những con đường nhiều người qua lại thù khó mà nói là tôi không gây trở ngại cho nhiều người. Tuy vậy, suốt ba năm qua, giao hàng cho hàng trăm công trình, gây ra ít nhất vài chục vụ tắc nghẽn đường đi trong các hẻm nhỏ, tôi nhận ra rằng hẳn hết người đi đường đều có thái độ kèm chế. Chắc chắn là ai cũng sốt ruột khi bị kẹt xe, nhưng phần lớn người ta cũng hiểu được những trở ngại đó nằm ngoài tầm kiểm soát của người giao hàng và của những chủ công trình, nên đã bình tĩnh chờ đợi. Không những thế, thỉnh thoảng vẫn có những người còn sẵn lòng dựng xe lên, xúm vào phụ với chúng tôi một tay để sớm giải quyết trở ngại. Tôi thật sự biết ơn tấm lòng bao dung và hành động hào hiệp của rất nhiều người vẫn di chuyển trên các con đường nhỏ trong vùng Bình Thạnh và Phú Nhuận. Tấm lòng và hành động của họ cho thấy chẳng có quá nhiều người vô cảm trong xã hội này đâu. Nếu như có những cách khơi dậy những tình cảm tích cực ấy thù cuộc sống chắc chắn sẽ còn đáng yên hơn nữa. Tôi viết điều này để tỏ lòng cảm ơn cuộc sống quanh tôi vẫn tràn ngập những điều hiền thiện.

Phan Thanh Bình, quận Bình Thạnh, TP.HCM

Lời Tri Ân

của Ban Tổ chức

ĐẠI LỄ TƯỞNG NIỆM 60 NĂM TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG VẮNG BÓNG (1954 - 2014)

NAM-MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch chư tôn đức giáo phẩm Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, Ban Trị sự GHPGVN các cấp;

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni;

Kính thưa chư vị khách quý;

Đại lễ Tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng (1954 -2014) - Tổ sư khai sáng Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam, nay là Hệ phái Khất sĩ, thành viên sáng lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, được chư tôn đức giáo phẩm và toàn thể Tăng Ni, tín đồ Hệ phái Khất sĩ trọng thể tổ chức từ ngày 26 tháng Giêng đến mừng 2 tháng 2 năm Giáp Ngọ (nhằm ngày 25 tháng 2 đến ngày 2 tháng 3 năm 2014), tại Pháp viện Minh Đăng Quang, 505 Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, Q.2, TP.Hồ Chí Minh.

Đại lễ tưởng niệm nay đã được hoàn mãn, Ban Chứng minh Hệ phái và Ban Tổ chức xin:

Chân thành đánh lễ tri ân Đức Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Pháp chủ HĐCM GHPGVN, Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh - Phó Pháp chủ kiêm Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Trưởng lão Hòa thượng Thích Đức Nghiệp - Phó Pháp chủ GHPGVN; chư tôn đức Hòa thượng Ủy viên Thường trực HĐCM, Thành viên HĐCM.

Thành kính tri ân chư tôn đức Phó Chủ tịch Thường trực, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự; chư tôn đức Ban Thường trực Hội đồng Trị sự; chư tôn đức giáo phẩm sơn môn pháp phái Phật giáo Bắc tông, Phật giáo Nam tông Kinh, Phật giáo Nam tông Khmer, Phật giáo người Hoa, chư tôn đức giáo phẩm lãnh đạo Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp tại TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành; các ban, ngành, Viện, Phân viện Nghiên cứu, Phân ban Đặc trách Ni giới Trung ương và các tỉnh thành, Phân ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử, chư tôn đức Tăng Ni trụ trì các tổ đình, thiền viện, tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường.

Chân thành cảm tạ Hòa thượng Thích Trí Quảng - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tiến sĩ Nguyễn Quốc Tuấn - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và chư tôn đức, học giả, nhà nghiên cứu trong hai viện nói riêng và trong các tỉnh thành nói chung đã viết tham luận và đến tham dự Hội thảo khoa học “Hệ phái Khất sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập”, góp phần cho sự thành công của Đại lễ.

Chân thành cảm tạ quý phái đoàn bộ ngành Trung ương; Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Sở Nội vụ, Ban Tôn giáo các tỉnh, thành; Công an Nhân dân, các sở, ban, ngành đoàn thể TP.Hồ Chí Minh và 24 quận huyện, đặc biệt Ủy ban Nhân dân, các ban, ngành chức năng quận 2 và phường An Phú.

Chúng tôi không quên ghi nhận công ơn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ban Tôn giáo tỉnh Vĩnh Long, các cơ quan chức năng huyện Tam Bình, xã Hậu Lộc.

Chúng tôi chân thành tri ân Hòa thượng Phó Tăng thống Sri Lanka đạo hiệu Aththaragama Wajirajothi Maha Thero đã viếng thăm và trồng cây bồ-đề lưu niệm. Đặc biệt vô cùng tri ân Trưởng lão Hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên (nguyên Giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam và Viện chủ khai sơn Pháp viện Minh Đăng Quang) và sự tham dự của chư tôn đức Tăng Ni hải ngoại: Mỹ, Canada, Úc, Pháp... cùng với sự tham dự của trên 10.000 Tăng Ni, Phật tử từ khắp các nơi trong cả nước.

Đồng thời, kính cảm ơn quý cơ quan, quý phóng viên kênh Truyền hình An Viên (AVG), Đài Truyền hình VTV3, Đài Truyền hình TP.Hồ Chí Minh, Báo Giác Ngộ, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, các báo khác và các trang tin điện tử đã đến tham dự và đưa tin về Đại lễ Tưởng niệm 60 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng.

Ban Tổ chức xin chân thành tri ân chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử các tự viện, tịnh xá, tịnh thất, Niệm Phật đường trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, quý vị văn nghệ sĩ đã tham gia chương trình văn nghệ chào mừng, quý vị Phật tử xa gần, các tình nguyện viên, các câu lạc bộ thiện nguyện... đã trực tiếp ủng hộ sức lực, tâm lực và tài lực... hoặc gián tiếp trợ duyên cho Đại lễ thành tựu viên mãn.

Trong suốt thời gian cử hành Đại lễ, dù Ban Tổ chức đã hết sức cố gắng để trang nghiêm đạo tràng và cung tiếp chư tôn đức giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni và đại biểu khách quý, nhưng không sao tránh khỏi những điều sơ suất, kính mong chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni và liệt quý vị niệm tình hỷ xả.

Một lần nữa, Ban Tổ chức xin chân thành tri ân đến toàn thể chư tôn đức, liệt quý vị. Kính chúc chư tôn đức và quý liệt vị thân tâm thường lạc, vạn sự cát tường như ý.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

TM.BAN CHỨNG MINH HỆ PHÁI

Trưởng ban

HT.THÍCH GIÁC NHƯỜNG

TM.BAN TỔ CHỨC

HT.THÍCH GIÁC TOÀN

Bệnh loãng xương

PGS.TS BÙI KHẮC HẬU

Ngày nay bệnh loãng xương đang có xu hướng gia tăng ở khắp toàn cầu, trong số đó phụ nữ tuổi tiền mãn kinh và mãn kinh chiếm tỷ lệ cao hơn cả.

Nguyên nhân gây bệnh loãng xương

Loãng xương được định nghĩa là sự rối loạn nội tiết làm cho cấu trúc xương bị tổn hại, lực của xương bị suy giảm và dẫn đến xương dễ bị gãy, nứt, rạn. Loãng xương hay gọi là xốp xương tức là tỷ trọng khoáng chất của bộ xương ở một cơ thể bị suy giảm một cách đáng kể.

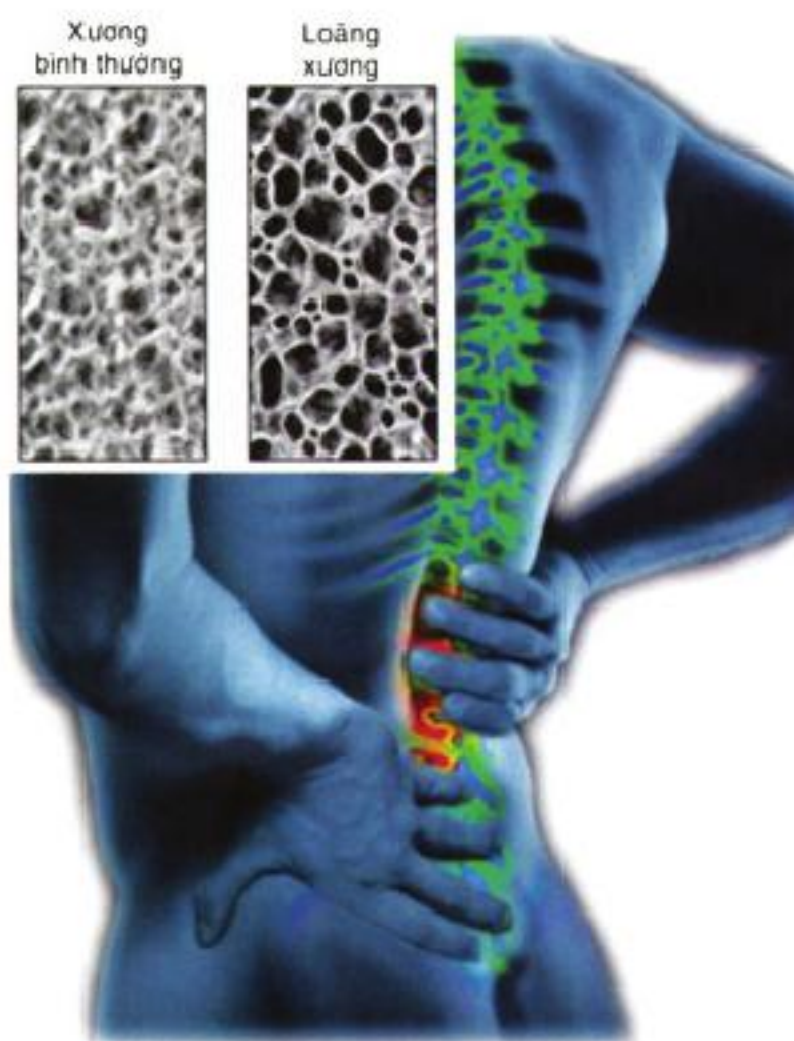
Khi chế độ dinh dưỡng hàng ngày không cung cấp đầy đủ chất calci hoặc vì một lý do nào đó cơ thể không hấp thu được calci (ăn kiêng kéo dài, chế độ ăn nghèo nàn, kém chất lượng) thì sẽ gây loãng xương.

Loãng xương cũng có thể do mắc một số bệnh về tuyến thượng thận, cường giáp trạng, suy thận, bệnh yếu liệt chi, chấn thương hoặc bệnh mạn tính phải nằm dài ngày hoặc do lạm dụng thuốc corticoid trong một thời gian dài.

Đặc biệt ở phụ nữ đến thời kỳ tiền mãn kinh và mãn kinh, lượng hormon estrogen trong máu bị suy giảm một cách đáng kể do sự suy thoái của buồng trứng, dẫn đến việc tăng hoạt tính của tế bào hủy xương; từ đó khối lượng xương sẽ mất dần dần theo năm tháng kể từ khi tiền mãn kinh (mỗi năm mất khoảng từ 2 – 4%). Ngoài yếu tố về chế độ dinh dưỡng và nội tiết tố thuận lợi khác (gọi là yếu tố nguy cơ) làm cho bệnh loãng xương tăng lên nếu như một người nào đó có tiền sử bị còi xương lúc còn nhỏ, hàng ngày ít vận động, béo phì.

Triệu chứng chính và hậu quả của bệnh loãng xương

Giảm mật độ xương và loãng xương là một bệnh mạn tính kéo dài nhiều tháng, nhiều năm, một cách âm thầm, không gây đau đớn gì nên người bệnh không để ý đến. Trong các giai đoạn đầu, hầu như không có triệu chứng gì đặc biệt ngoài những dấu hiệu mệt mỏi, ăn uống kém, nhức xương không thường xuyên. Càng về sau sự thiếu hụt chất calci ngày càng gia tăng làm cho xương xuống cấp nghiêm trọng (loãng, xốp xương); khi đó, các triệu chứng đau nhức xương rõ rệt hơn. Đó là đau lưng, đau các khớp chân, tay và mỏi bại hông, đặc biệt là các khớp xương chịu lực mạnh như xương sống, khớp gối, khớp cổ chân. Với các xương dài như xương đùi, xương cẳng chân, xương cánh tay, cẳng tay, đốt sống thắt lưng sẽ dễ



dễ dàng bị gãy xương do bị ngã, vấp, chấn thương, tai nạn. Đau nhức xương và các khớp xương thường rõ nhất vào ban đêm.

Ngoài đau nhức xương, mệt mỏi thì một số triệu chứng khác như chuột rút cũng thường hay xuất hiện ở những người loãng xương.

Khi bị bệnh loãng xương không được phát hiện hoặc phát hiện rồi nhưng điều trị không đúng phác đồ thì hậu quả xấu nhất là rạn xương, nứt vỡ hoặc gãy xương. Trên thế giới cứ 30 giây có một người bị bệnh gãy xương do loãng xương và người ta dự đoán rằng đến năm 2050 các nước châu Á, trong đó có nước ta sẽ có 50% các trường hợp tàn phế hoặc bị đe dọa đến tính mạng do gãy khớp háng vì loãng xương. Khi bị loãng xương, nếu có một lực tác động mạnh (ngã, gập chân, trượt chân...) sẽ bị gãy, lún cột sống, gãy cổ xương đùi, xương cẳng chân, xương cẳng tay. Khi bị loãng xương, loại xương nào cũng có thể bị nhưng xương nào thường hay bị chịu lực tác động nhiều nhất thì sẽ dễ lại hậu quả xấu hơn cả. Vì vậy, gãy cổ xương đùi, gãy cổ tay, gãy khớp háng chiếm tỷ lệ cao nhất trong bệnh lý loãng xương.

Phòng bệnh loãng xương

Những người tuổi đã cao, đặc biệt là phụ nữ nên

đi khám bệnh về xương khớp ở các cơ sở y tế có đủ điều kiện để được làm các xét nghiệm về cận lâm sàng đánh giá mật độ của xương và tình trạng của xương. Việc phát hiện sớm và điều trị ngay từ đầu là việc làm rất có ý nghĩa để phòng bệnh loãng xương và ngăn ngừa gãy xương. Ngoài ra, những người đã đến tuổi trưởng thành bị kém phát triển chiều cao, cân nặng dưới 40kg hoặc giảm trọng lượng nhanh, cơ bắp yếu, thiếu hormon sinh dục (nữ giới là estrogen và nam giới là androgen), người nghiện rượu, sử dụng corticoid kéo dài, nghiện thuốc lá... cũng nên kiểm tra mật độ của xương.

Khi đã được chẩn đoán bệnh loãng xương thì việc điều trị đòi hỏi phải kiên trì, không phải ngày một, ngày hai. Uống thuốc gì, liều lượng bao nhiêu và trong thời gian nào là do thầy thuốc khám bệnh và có chỉ định cụ thể. Bị bệnh loãng xương phải hết sức cẩn thận khi làm các động tác mạnh, đi lại cũng phải hết sức thận trọng tránh ngã, vấp, khuỵu, gập chân, tay, nhất là lên cầu thang vì rất dễ gây gãy xương đặc biệt là xương đùi.

Muốn phòng bệnh loãng xương tốt nhất là: ăn uống đủ chất, nhất là các loại thức ăn giàu calci, protein, vitamin D như tôm, cua, ốc, uống sữa và các chế phẩm của sữa có chứa nhiều thành phần calci, sinh tố D. Nên ăn thêm trái cây, rau, giá đỗ (chứa nhiều estrogen) vì chúng có khả năng làm thay đổi sự chuyển hóa của xương, giảm tốc độ mất xương và làm tăng khoáng chất cho xương. Cần tập thể dục nhẹ nhàng, đều đặn như đi bộ, tập hít thở, tập vận động các khớp xương. Những người đã bị loãng xương không nên làm các động tác mạnh, gấp gáp và tránh ngã, vấp.

(Nguồn: Tạp chí Thuốc & Sức khỏe)

NHÀ THUỐC

2999

Chuyên:

- Cung Cấp Sĩ & Lễ Các Loại Thuốc Nội-Ngoại Nhập
- Bán Các Loại Thực Phẩm Chức Năng
- Hàng Xách Tay (Mỹ Và Châu Âu)
- Các Dụng Cụ Y Tế

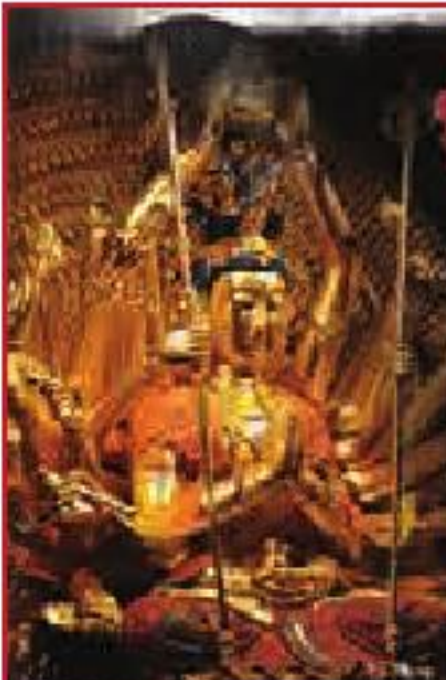
MỞ CỬA 24/24

Chất Lượng Là Tiên Chí Của Nhà Thuốc

ĐC: 140A Nguyễn Cư Trinh, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM

Được sự Trợ giúp Tư vấn: 0120. 289. 2499

Và giao hàng tận nơi

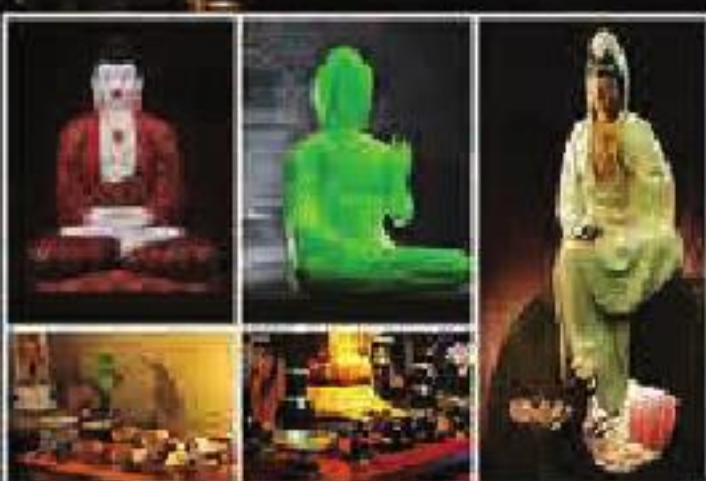


**DIỆU TƯỢNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO**

DIỆU TƯỢNG AM NAM KỲ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM.
ĐT: (08) 38 484 558

DIỆU TƯỢNG AM S/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, Tp.HCM.
ĐT: (08) 38 684 913

VIETGEM (ĐÁ PHONG THỦY)
111A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, Tp.HCM.
ĐT: (08) 35265177

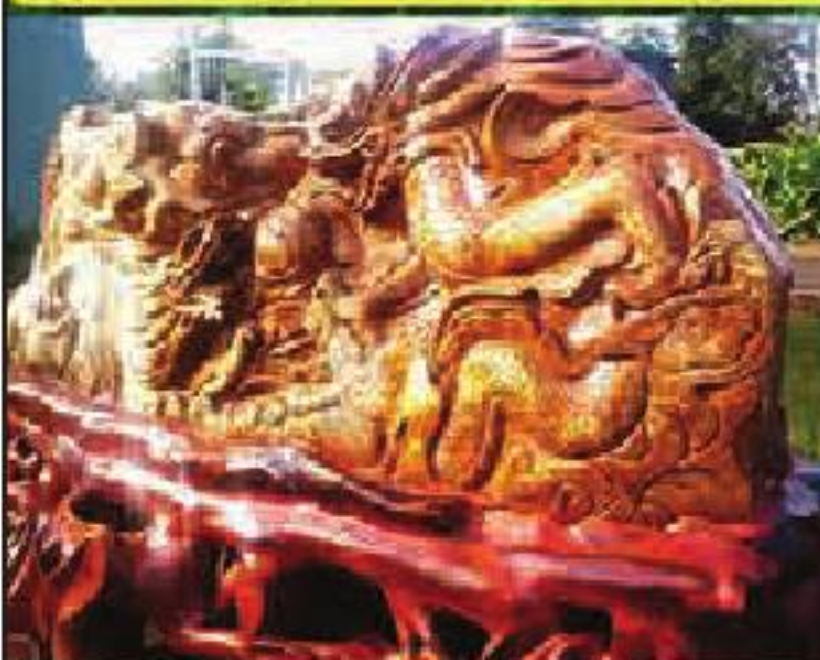


www.dieutuongam.com



Tác phẩm Cửu Long - đá mã não VN - cao 3.5m, nặng 5 tấn





Tác phẩm Lương Long - đá mã não VN - dài 2m, nặng 5 tấn



Sản phẩm đá quý của COASTAL GEMS được bán tại:
 Showroom COASTAL GEMS: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.15, Q. Tân Bình, Tel: 0938849886 - 012 28986668
 Chuyên trưng bày, tượng Phật, Tủ thờ
 COASTAL GEMS - GEMSTONE FOR HOME DECORATION
 Website: www.coastalgems.com.vn


COASTAL GEMS
 THE GIFTS FOR THE SOULS

ẨM THỰC CHAY SÂN YUỒN

Thiền Ý

36 TRẦN QUÝ CÁP - PHƯỜNG 11 - BÌNH THẠNH
 ĐT: 08.3516.7475 - 0913.916.036



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
 Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
 Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
 Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
 ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2013:	580.000đ (đã CK 5%)
- 6 tháng đầu năm :	304.000đ
- 6 tháng cuối năm :	304.000đ

2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4:	10.000.000đ
- Trang bìa 3:	8.000.000đ
- 1/2 bìa 3:	5.000.000đ
- Trang ruột 4 màu:	5.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu:	1.000.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu:	500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo và viết bài, chụp ảnh.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

Vui lòng liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3 8484 335

0907164066 – 0918032040 – 0913810082

Email: toasoanvhp@gmail.com

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

❑ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương**

○ ĐTĐD: **0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

CHUYÊN ĐỀ PHẬT GIÁO
VĂN HÓA
 PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.



DHARMA GARDEN

website: www.phapuyien.com - email: lienhe@phapuyien.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyien.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhosach@phapuyien.com

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX - TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm

Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐĐT: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

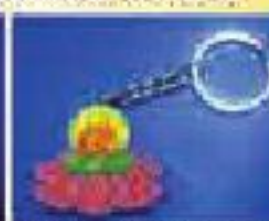
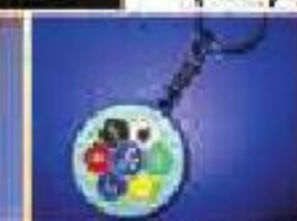
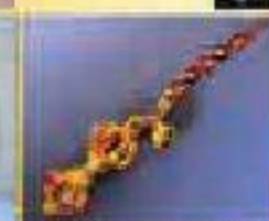
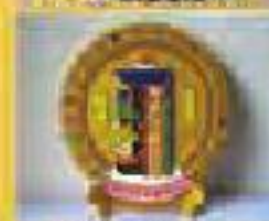


CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

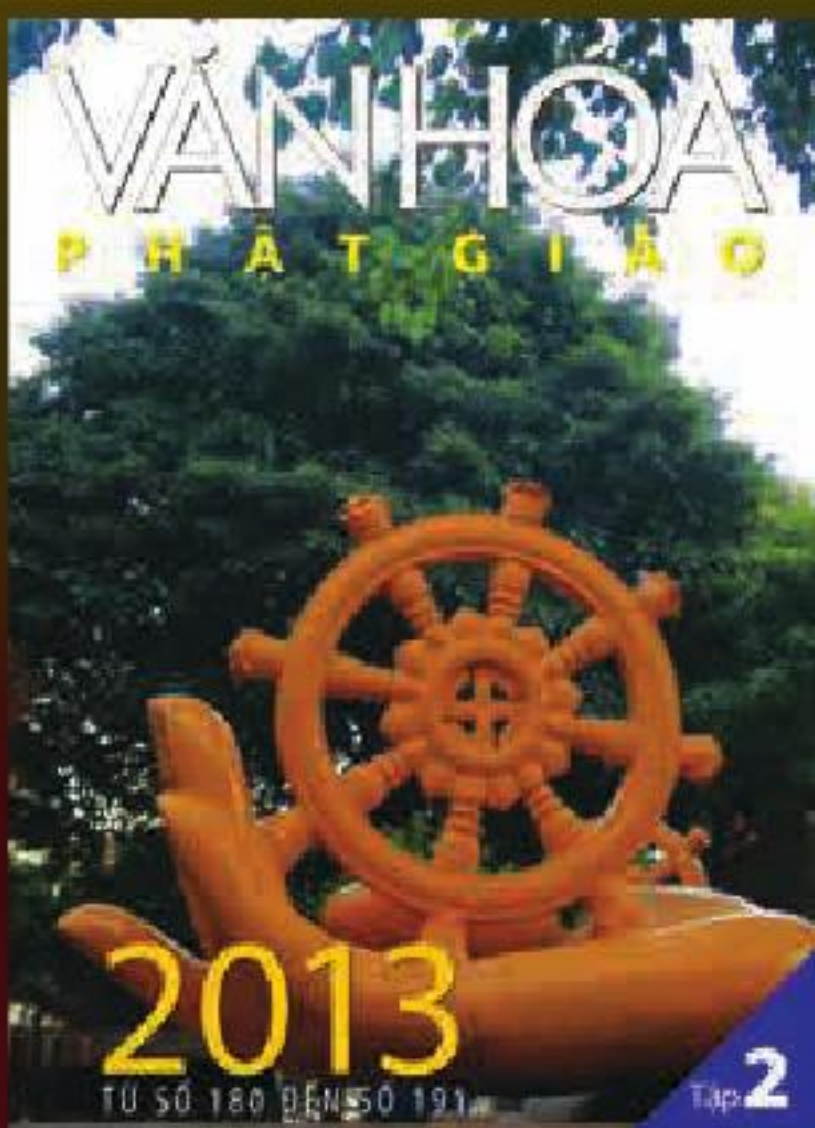
Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quả lưu niệm
- Quả tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766



Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



Sắp phát hành

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2013**,
từ số 180 đến số 191
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

2012 (2 tập): 420.000VNĐ

2013 (2 tập): 420.000VNĐ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



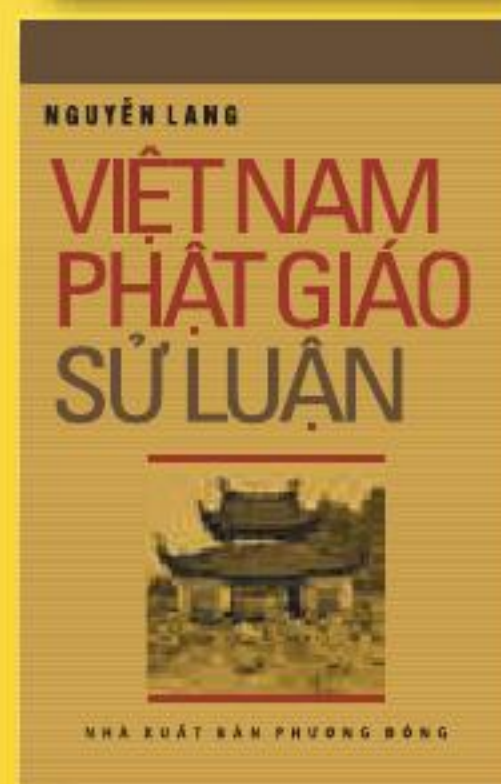
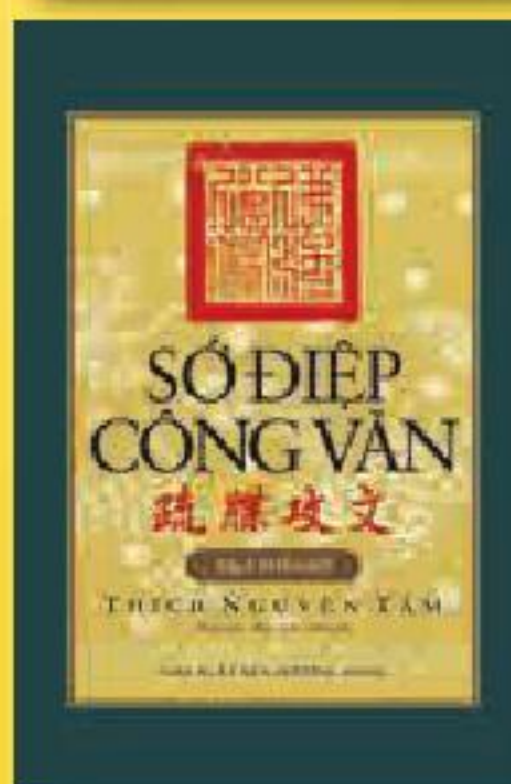
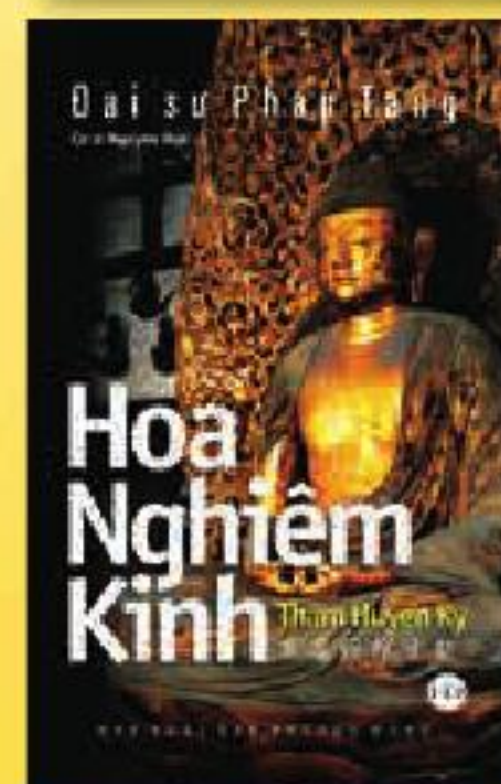
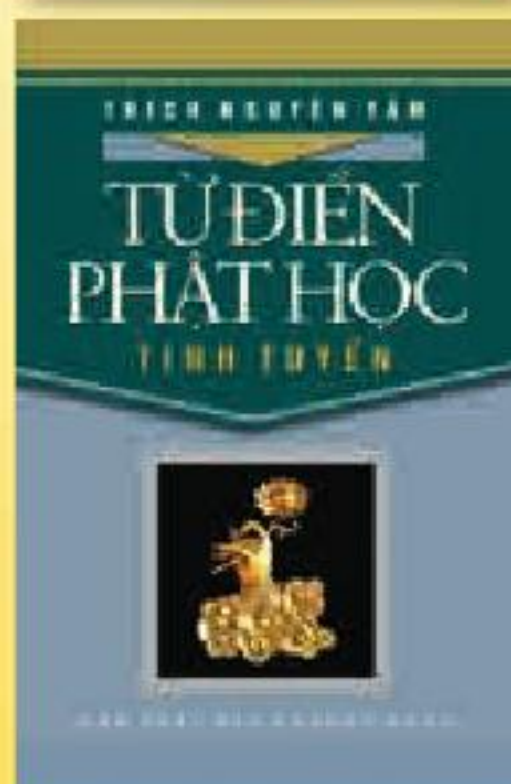
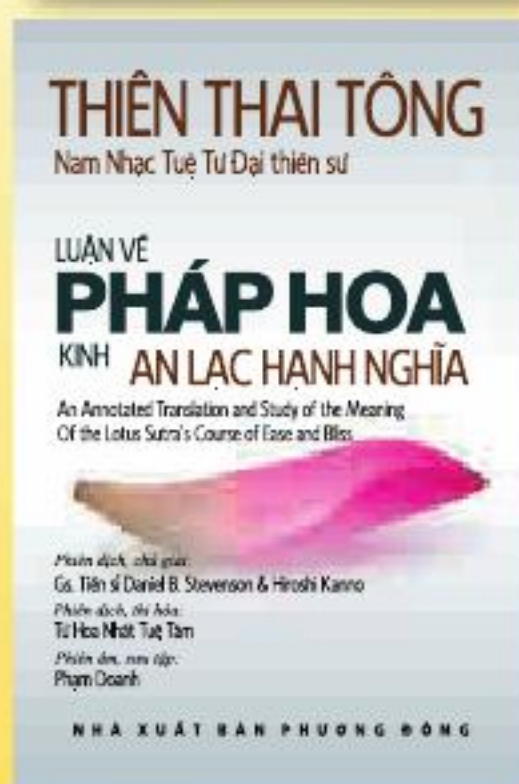
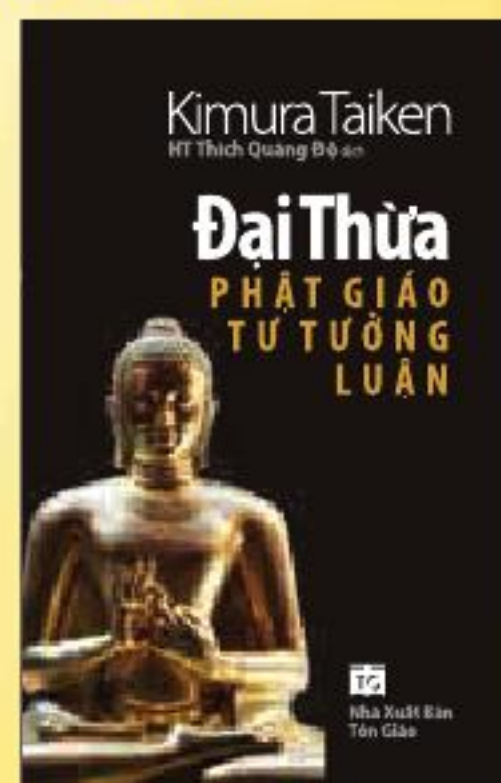
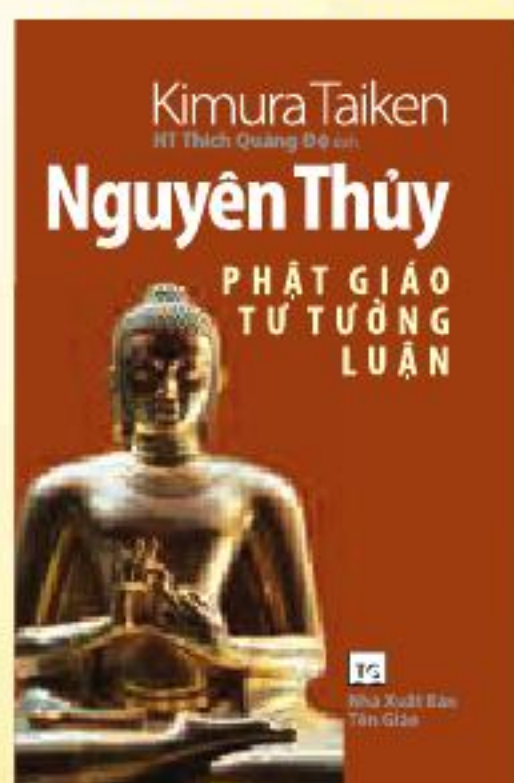
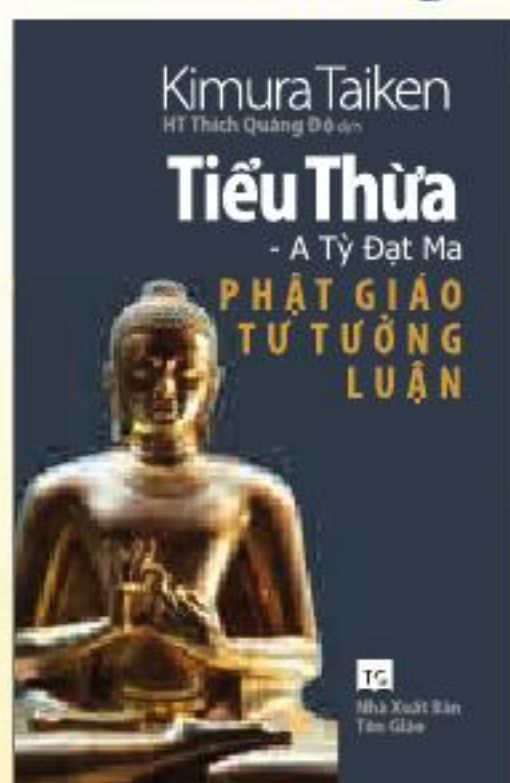
NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

SÁCH HAY LÀ KIẾN THỨC, TRÍ TUỆ CỦA LOÀI NGƯỜI

Những bộ sách lớn của Nhà sách Văn Thành



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DĐ: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Ngày 08/01/2014, Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đón nhận vị trí hạng nhất cho Giải thưởng “Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á 2014” trong lĩnh vực Kim loại và Khai khoáng do Tạp chí Euromoney trao tặng.

Giải thưởng này được Tạp chí Euromoney trao tặng dựa trên những tiêu chí quản trị khắt khe, thông qua bình chọn của 130 nhà phân tích thị trường tại các ngân hàng đầu tư và viện nghiên cứu hàng đầu cho tổng cộng 207 doanh nghiệp niêm yết trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Các nhà phân tích được yêu cầu bình chọn các công ty niêm yết hàng đầu cho 07 tiêu chí như: Chiến lược chặt chẽ và thuyết phục nhất; Hệ thống quản trị doanh nghiệp tốt nhất; Ban quản lý cấp cao dễ tiếp cận nhất; Sổ sách tài chính minh bạch nhất; Tối đa hóa giá trị cổ đông; Website có đầy đủ thông tin và hữu ích nhất; Hoạt động kinh doanh được cải thiện nhất.

Các nhà phân tích đánh giá cao Tập đoàn Hoa Sen với vai trò hàng đầu trong việc thúc đẩy việc cung cấp thông tin minh bạch đến nhà đầu tư với nhận xét “Tập đoàn Hoa Sen đã có một chiến lược rõ ràng và tầm nhìn tốt”. Bên cạnh đó, các nhà phân tích cũng nêu rõ trong khảo sát bình chọn “Ban lãnh đạo của Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục chứng tỏ khả năng quản trị xuất sắc, minh bạch căn trọng và có khung chiến lược rõ ràng”.

QUẢN LÝ TỐT NHẤT CHÂU Á NĂM 2014” “BEST MANAGED COMPANY IN ASIA 2014”

Ho Chi Minh City, 08/01/2014



Ông Marcus H. Langston - Giám đốc Châu Á Tạp chí Euromoney (bên phải) trao giải thưởng “Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014” cho Ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hoa Sen (bên trái)



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt



Hoa Sen Group: Số 9, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, P.Đi An, Tx.Đi An, T.Bình Dương, Việt Nam
Văn phòng đại diện: Số 183 Nguyễn Văn Trỗi, P.10, Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 8) 3999 0111 | Fax: (+84 8) 3999 0222 | www.hoasengroup.vn